

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

---

**NÔNG THỊ THANH HUỆ**

**ĐẶC SẮC TIỂU THUYẾT “MỘT MÌNH MỘT NGỰA”  
CỦA MA VĂN KHÁNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

*Thái Nguyên, năm 2016*

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

---

**NÔNG THỊ THANH HUỆ**

**ĐẶC SẮC TIỂU THUYẾT “MỘT MÌNH MỘT NGỰA”  
CỦA MA VĂN KHÁNG**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 62 22 01 21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH**

*Thái Nguyên, năm 2016*

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, Khoa Văn – Xã hội trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên, cùng toàn thể các thầy cô giáo đã tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu khoa học cho tập thể lớp Cao học K8C - Văn học Việt Nam đã tạo điều kiện để tôi có cơ hội học tập và nghiên cứu khoa học.

Xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới PGS.TS Nguyễn Đức Hạnh - người thầy rất nghiêm khắc, tận tình trong công việc đã truyền thụ cho tôi nhiều kiến thức quý báu cũng như kinh nghiệm nghiên cứu khoa học trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu đề tài.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, đồng nghiệp và bạn bè đã luôn động viên, khuyến khích và tạo điều kiện cho tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn này.

*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 9 năm 2016*

Tác giả luận văn

Nông Thị Thanh Huệ

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là hoàn toàn trung thực chưa từng được công bố trong một công trình khoa học nào khác.

*Thái Nguyên, tháng 9 năm 2016*

Tác giả luận văn

Nông Thị Thanh Huệ

Xác nhận  
của trưởng khoa chuyên môn

Xác nhận  
của người hướng dẫn khoa học

PGS. TS Nguyễn Đức Hạnh

## MỤC LỤC

<b>LỜI CẢM ƠN</b> .....	i
<b>LỜI CAM ĐOAN</b> .....	ii
<b>MỤC LỤC</b> .....	iii
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
I – Lý do chọn đề tài .....	1
II – Lịch sử vấn đề .....	2
III – Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	10
IV – Phương pháp nghiên cứu .....	11
V – Đóng góp mới của luận văn: .....	11
VI - Cấu trúc của luận văn .....	11
<b>Chương 1 – Tiểu thuyết của Ma Văn Kháng trong nền văn xuôi văn học Việt Nam hiện đại</b> .....	13
1.1. Nhà văn Ma Văn Kháng – quá trình sáng tác và quan niệm nghệ thuật của nhà văn .....	13
1.1.1. <i>Tiểu sử</i> .....	13
1.1.2. <i>Quá trình sáng tác của Ma Văn Kháng</i> .....	14
1.1.3. <i>Quan niệm nghệ thuật của nhà văn</i> .....	17
1.2. Vị trí của tiểu thuyết Ma Văn Kháng trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại .....	20
1.3. Vị trí đặc biệt của tiểu thuyết “Một mình một ngựa” trong sự nghiệp sáng tác của Ma Văn Kháng .....	24
1.3.1. <i>Vị trí đặc biệt của tiểu thuyết “Một mình một ngựa”</i> .....	24
1.3.2. <i>Một mình một ngựa từ góc nhìn thể loại tiểu thuyết tự truyện</i> .....	26
<b>Chương 2 – Cảm hứng hồi cố - Triết luận và yếu tố tự truyện trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng</b> .....	31
2.1. Cảm hứng hồi cố, triết luận trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng .....	31
2.1.1. <i>Cảm hứng hồi cố gắn bó với cảm hứng triết luận</i> .....	31
2.1.2. <i>Những triết lý nhân sinh vừa sâu sắc, nhân văn, vừa không né tránh các vấn đề gai góc của đời sống xã hội</i> .....	35

2.1.3. Cảm hứng hồi cổ triết luận với yếu tố tự truyện trong “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng .....	40
2.2. Nguyên mẫu và hư cấu nghệ thuật của Ma Văn Kháng trong “Một mình một ngựa” .....	43
<b>Chương 3 – Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết một mình một ngựa của Ma Văn Kháng .....</b>	<b>52</b>
3.1. Các kiểu loại nhân vật trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng.....	52
3.1.1. Kiểu nhân vật lý tưởng – bi kịch .....	53
3.1.2. Kiểu nhân vật lưỡng diện .....	57
3.1.3. Kiểu nhân vật của tương lai và hy vọng .....	57
3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật .....	62
3.2.1. Xây dựng nhân vật theo nguyên tắc nhân tướng học.....	62
3.2.3. Nhân vật của Ma Văn Kháng với yếu tố tính dục trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa” .....	67
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>75</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>78</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

### I – Lý do chọn đề tài

1. Ma Văn Kháng là một trong số ít những nhà văn hàng đầu của nền Văn học Việt Nam hiện đại, cùng với Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải... Trong sự nghiệp sáng tác khá đồ sộ của mình, tiểu thuyết là thể loại mà ông tập trung tâm sức nhất và cũng gặt hái được nhiều thành công nhất. Những tác phẩm xuất sắc của ông như: “*Đồng bạc trắng hoa xòe*”, “*Vùng biên ải*”, “*Đám cưới không có giấy giá thú*”, “*Mùa lá rụng trong vườn*” và gần đây là tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” luôn thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu – phê bình văn học và sự yêu mến của bạn đọc. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về tiểu thuyết của Ma Văn Kháng. Nhưng nghiên cứu độc lập và chuyên sâu về tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của nhà văn thì chưa có một ai tiến hành. Bởi vậy, chúng tôi chọn đề tài: Đặc sắc tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng để thực hiện luận văn của mình.

2. Tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” có vị trí tương đối đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của Ma Văn Kháng. Bởi đây là tiểu thuyết mới nhất của ông sau mấy chục năm cầm bút và đây cũng là tiểu thuyết tự truyện duy nhất với bao nhiêu hồi cố và chiêm nghiệm về quãng đời trẻ trung khi ông công tác tại miền núi Tây Bắc của Tổ quốc. Nhân vật trung tâm của tác phẩm là hình bóng của chính nhà văn trong quãng đời ấy, hay nói cách khác, nhà văn là nguyên mẫu cho chính nhân vật trung tâm trong tiểu thuyết của mình.

Điểm đặc biệt này tạo ra nét đặc sắc riêng cho tác phẩm cần được khám phá lí giải để góp phần nhận diện, khẳng định phong cách nghệ thuật độc đáo Ma Văn Kháng. Hơn thế nữa, ở độ tuổi đã “chín” của đời Văn nhiều thành tựu, tác phẩm “*Một mình một ngựa*” đã có sự đúc kết chiêm nghiệm với nhiều triết lí nhân sinh sâu sắc, sau bao nhiêu va đập, trải nghiệm của một đời người – một đời văn nhiều vinh quang nhưng cũng không ít thăng trầm của Ma Văn Kháng.

3. Là một giáo viên dạy văn trong trường THPT, qua việc thực hiện đề tài này chúng tôi hy vọng sẽ đóng góp một tư liệu tham khảo bổ ích cho công tác dạy và học phần Văn học Việt Nam hiện đại trong nhà trường các cấp và cho những ai yêu mến, muốn tìm hiểu về sáng tác của Ma Văn Kháng nói riêng.

## II – Lịch sử vấn đề

Ma Văn Kháng là cây đại thụ trong làng Văn học hiện đại Việt Nam. Ông đã được mệnh danh là người khuấy động văn đàn văn học hiện đại, có nhiều đóng góp cho văn xuôi nước nhà thời kỳ đổi mới với một sự nghiệp văn chương đồ sộ cả về số lượng tác phẩm và thành tựu. Các tác phẩm của ông, đặc biệt là mảng tiểu thuyết – những đứa con tinh thần kết tinh từ những tháng năm vất vả “khổ sai” với chữ nghĩa, cùng những sự trải nghiệm thực tế, đã thu hút được sự quan tâm của giới nghiên cứu, phê bình và giảng dạy văn học.

Nghiên cứu về mảng truyện ngắn của ông có những công trình nghiên cứu của Phạm Mai Anh (1997) *Đặc điểm nghệ thuật truyện ngắn Ma Văn Kháng*, Đào Tiến Thi (1999) *Phong cách Ma Văn Kháng trong truyện ngắn sau năm 1975*, trong đó đặc biệt có những đề tài tiên sĩ như: *Những dấu hiệu đổi mới trong văn xuôi Việt Nam từ 1980 - 1986 Qua bốn tác giả: Nguyễn Minh Châu - Nguyễn Khải - Ma Văn Kháng - Nguyễn Mạnh Tuấn* : LATS Ngữ Văn: 5.04.03 / Nguyễn Thị Huệ. - H., 2000, *Nghệ thuật tự sự trong sáng tác của Ma Văn Kháng (Qua một số tác phẩm tiêu biểu)* : LATS Văn học: 62.22.32.01 của Đỗ Phương Thảo, *Nghệ thuật tự sự trong truyện ngắn Việt Nam sau 1975 : qua truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Ma Văn Kháng* : LATS Văn học : 62.22.01.21 / Nguyễn Thị Bích. - H., 2014, *Phong cách tiểu thuyết Ma Văn Kháng* : LATS Văn học: 62.23.34.01 / Dương Thị Thanh Hương. - H., 2015, *Ngôn ngữ nghệ thuật trong văn xuôi của Ma Văn Kháng* : LATS Ngữ văn: 62.22.01.21 / Đoàn Tiến Dũng. - H., 2016... Hầu hết các nghiên cứu đều đã đề cập đến nhiều vấn đề có liên quan đến nghệ thuật tự sự của Ma Văn Kháng từ đề tài, cách xây dựng cốt truyện, xây dựng hệ thống nhân vật, ngôn



ngữ, nghệ thuật trần thuật. Dù vậy, nhiều vấn đề về tiểu thuyết Ma Văn Kháng còn bỏ ngỏ, chưa được quan tâm, nghiên cứu.

Bên cạnh đó, những bài viết về Ma Văn Kháng dồi dào và phong phú nhất chính là những tiểu luận nghiên cứu phê bình, những bài giới thiệu tác giả, tác phẩm và phỏng vấn đăng trên các tạp chí nghiên cứu chuyên ngành, đặc san hay nhật báo trong suốt thời gian qua, như bài viết: *Khi nhà văn đào bới bản thể ở chiều sâu tâm hồn* của PGS.TS La Khắc Hòa (1999) đã cho thấy cái nhìn sâu sắc của nhà nghiên cứu khi đưa ra những nhận xét về văn xuôi Ma Văn Kháng, về quan niệm nghệ thuật, phong cách của nhà văn. Theo ông, Ma Văn Kháng đã “cát tiếng nói riêng”. Có rất nhiều những đối thoại, tranh biện trong tiểu thuyết: tranh biện về con người, cuộc đời, văn chương, nghệ thuật. Quan niệm nghệ thuật về con người của Ma Văn Kháng, tác giả bài viết cho rằng: *Truyện ngắn của Ma Văn Kháng thấm đẫm một tinh thần lạc quan... có cơ sở ở niềm tin của nhà văn vào ý thức, lý trí và tính năng động như bản chất của sự sống con người* [27, tr. 65].

Nguyễn Ngọc Thiện, qua hệ thống bài viết của mình lại giành nhiều sự chú ý hơn tới tiểu thuyết và có nhiều kiến giải về văn xuôi Ma Văn Kháng. Tác giả cũng cho rằng, từ *Đồng bạc trắng hoa xoè* đến *Gặp gỡ ở La Pán Tân*, Ma Văn Kháng đã có bước tiến dài về tư duy tiểu thuyết, bút lực ngày càng uyển chuyển, tung hoành, lão thực. Còn đối với văn xuôi thể sự, đời tư của Ma Văn Kháng, tác giả thấy rằng nhà văn đã hướng ngòi bút đào sâu, soi lật cặn kẽ, nghiêm ngặt vào mọi khía cạnh hiện diện như thực thể khó nắm bắt trong đời sống con người hiện tại hôm nay. Đó là sự thúc đẩy chi phối mạnh mẽ với sức mạnh vô hình nhưng khắc nghiệt của những ham muốn tiềm ẩn nơi mỗi con người hoặc là xung đột, va chạm gay gắt về lợi ích giữa những dự vọng của những cá thể khác nhau. Tuy nhiên, văn xuôi Ma Văn Kháng không xa lạ với cuộc sống con người, nó khơi dậy cho người ta những cảm xúc phong phú về trạng thái nhân thế, chất nhân văn, vẻ bi tráng và nét trữ tình đậm thắm ngày càng ngời lên, phát lộ và đó là nét đặc sắc riêng trong sáng tác của ông.

Ngoài ra, có rất nhiều các tác giả có những đánh giá khái quát về văn xuôi Ma Văn Kháng ở phương diện xây dựng chân dung nhân vật thuộc giới trí thức, giới bình dân; khả năng miêu tả dòng đời nơi đô thị thời buổi kinh tế thị trường cũng như sức hấp dẫn của thứ ngôn ngữ văn chương đặc biệt phong phú và sống động...

Về tiểu thuyết của Ma Văn Kháng còn có rất nhiều số lượng các bài viết đăng tải trên các trang báo theo hai mảng vấn đề phù hợp với hướng nghiên cứu của luận văn này.

Đầu tiên phải kể đến là các ý kiến của các tác giả Hoàng Tiến, Nguyễn Văn Toại, Hà Vinh... xoay quanh những tác phẩm về đề tài miền núi đa phần được sáng tác trong thời gian đầu cầm bút của Ma Văn Kháng. Số lượng ý kiến dành cho tiểu thuyết viết về miền núi phong phú hơn so với ý kiến về truyện ngắn cùng đề tài của Ma Văn Kháng. Đã có ý kiến cho rằng tác phẩm “*Gió rừng*” đã trình bày với chúng ta khá tỉ mỉ cuộc đấu tranh phức tạp giữa những tư tưởng tiên tiến và tư tưởng lạc hậu, những con người cũ và người mới ở Chinsan – một xã gồm đồng bào dân tộc Dao đỏ trong công cuộc cải tạo và xây dựng đời sống mới xã hội chủ nghĩa. Bức tranh cuộc sống và số phận con người vùng cao biên giới trong tác phẩm cũng vẫn nhằm thể hiện một nội dung quen thuộc vốn được gửi gắm trong hầu khắp các tác phẩm văn xuôi cùng thời. Tuy nhiên, “*Gió rừng*” vẫn còn có bút pháp trùng lặp trong xây dựng tính cách nhân vật, cũng như lúng túng trong khái quát những mảng hiện thực lớn.

Sau “*Gió rừng*”, tác phẩm “*Đồng bạc trắng hoa xoè*” và “*Vùng biên ải*” mới thực sự nhận được sự chú ý của người đọc và giới phê bình. Ma Văn Kháng đã dựng lại trong *Đồng bạc trắng hoa xoè* một bức tranh toàn cảnh xã hội và phong tục đặc biệt bằng những hình tượng sinh động, cụ thể... với hàng trăm nhân vật thuộc các dân tộc khác nhau.

“*Vùng biên ải*” có bước tiến lớn nhất là trên phương diện xây dựng hình tượng nhân vật và khắc họa chiều sâu tư tưởng.

Những ý kiến đánh giá của các tác giả đi trước đều tập trung đánh giá về chất anh hùng ca cùng với đặc điểm cốt truyện tiểu thuyết, khả năng xây dựng nhân vật, cách thức trần thuật... trong các tác phẩm viết về miền núi của Ma Văn Kháng, là những gợi ý sâu sắc giúp cho việc nghiên cứu đặc điểm tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” trong luận văn này.

Loại bài viết thứ hai cần kể đến là các bài viết về các sáng tác thuộc đề tài đời sống đô thị của nhà văn Ma Văn Kháng. Những bài viết có đánh giá sâu sắc phải kể đến là những bài phê bình của Tô Hoài, Hà Minh Đức, Thiếu Mai... Đọc các tác phẩm của Ma Văn Kháng, có thể nhận thấy văn xuôi Ma Văn Kháng là thứ văn giàu chất đời, mang hơi thở của sự sống, có sự sắc sảo biến hoá và tài hoa...Ma Văn Kháng không lan man kể những chuyện thiên chuyện địa, ông cũng không lên giọng triết lí dạy bảo. Ông nói về đời sống thường nhật, những thân phận nhỏ bé như Ga xép bị bỏ quên giữa những rủi may, những toan tính và cả những ước vọng bị gãy gục nửa chừng...Tác giả cũng chú ý đến những con người bị tha hoá, biến chất trong cái thế giới biến động và quay đảo. Trong những trang viết của nhà văn, nhân vật phụ nữ là nhân vật được Ma Văn Kháng miêu tả thành công nhất, bởi khi viết về họ, nhà văn đã bắt đầu từ sự cảm thông và tin yêu con người. Sau truyện ngắn là một loạt những tiểu thuyết thể hiện đề tài này và Ma Văn Kháng đã thực sự chứng minh được bút lực của mình khi ngày càng đạt được những thành công dồi dào trong các trang tiểu thuyết. Tiêu biểu như: “*Mùa lá rụng trong vườn*”, “*Đám cưới không có giấy giá thú*”, “*Mưa mùa hạ*”. Ma Văn Kháng có lẽ cũng là một trong số ít các nhà văn rất quan tâm đến tầng lớp bình dân, cụ thể là thị dân Hà Nội. Dưới ngòi bút của ông, hình ảnh người bình dân hiện ra với tất cả sự tốt đẹp và phức tạp trong tính cách và phẩm chất.

Với hơn 100 bài tiểu luận, nghiên cứu phê bình cùng các bài phỏng vấn với Ma Văn Kháng trên các trang báo khác nhau, có thể khẳng định rằng đây là nguồn tư liệu quan trọng giúp cho việc triển khai luận văn có cơ sở và khai

thác được những vấn đề cốt lõi trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng. Những bài viết đã đề cập đến rất nhiều đặc điểm nội dung và nghệ thuật ở mảng tiểu thuyết của nhà văn, đặc biệt là tiểu thuyết thế sự, đời tư với cách khai thác hiện thực đời sống bút pháp nghệ thuật của ông trong việc xây dựng hình tượng nhân vật, kiểu loại nhân vật mà nhà văn đã xây dựng thành công, cách kết cấu cốt truyện trong từng tác phẩm, ngôn ngữ và giọng điệu nghệ thuật... Tuy nhiên, đối với tiểu thuyết mới gần đây nhất của ông và được coi là cuốn tiểu thuyết về cuộc đời ông, tiểu thuyết “Một mình một ngựa” thì các vấn đề đưa ra hiện mới giới hạn ở những nhận định ban đầu và luận văn này sẽ tiếp tục giải quyết những vấn đề còn đang bỏ ngỏ đó. Chúng tôi sẽ điём diện một số công trình, bài viết mang tính mở đầu, được xem là chỉ dẫn quan trọng và liên quan mật thiết đến đối tượng nghiên cứu của đề tài. Đó là ý kiến của tác giả Phong Lê (1989), *Văn chuyện văn và người*, NXB Văn hoá thông tin. Nói về vẻ đẹp văn chương trong tác phẩm của Ma Văn Kháng, đặc biệt là sự ưu ái dành cho mảng tiểu thuyết của nhà văn, nhà nghiên cứu Phong Lê trong cuốn *Văn chuyện văn và người* (1989) nhận định: “Hàng trăm truyện ngắn, hàng chục tiểu thuyết trên một hành trình dài, dẫu có lúc ngôn ngữ chính luận tràn lán, nhưng vẫn không làm thay đổi, biến dạng tiếng nói nghệ thuật đích thực trong tác phẩm của Ma Văn Kháng. Một tiếng nói nghệ thuật từ chính cuộc đời trần trụi, xù xì, thô nhám, đa sự cất lên; và lắm khi tác giả cũng không cần phải đóng vai trò khách quan “để sự thật tự nó nói lên” theo kiểu Balzac, Tolstoi, mà cứ ðàng hoàng cất lên tiếng nói riêng để khơi gợi ở bạn đọc sự đồng tình hay tranh luận” [22, tr. 35]

Trong bài viết Nhà văn Ma Văn Kháng – chất chiu những vị đời ðăng trên báo Nhandan.org ngày 17/5/2012, ðã viết: “Dù viết về miền núi buổi hoang sơ hào hứng thời kỳ ðầu ði theo cách mạng, hay về những sự thật khốc liệt sau ðổi mới ở đời sống ðô thị, thì trong các phẩm của ông vẫn tràn ðầy vẻ đẹp của văn chương” [2, tr. 2].

Từ khi cho ra đời cuốn tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*”, nhà văn trong một lần trả lời phỏng vấn đăng trên trang web Vietinfo [38] đã nói: “*Thật tình tôi đã định không viết tiểu thuyết. Nhưng trong những ngày nghỉ ngơi, ngắm lại đời mình, tôi bỗng nhận ra còn một đoạn đời có chút ít ý nghĩa của mình bị chính mình lãng quên. Ấy là mấy năm trời tôi sang làm thư ký cho bí thư tỉnh uỷ. Ở đó tôi được sống và công tác với hai lớp người: người cán bộ lãnh đạo trong ban Thường vụ tỉnh uỷ và các cán bộ trợ lý giúp việc. Và thế là Tôi quyết định phải kể nốt những chuyện mình đã biết ở đoạn đời này*”

Trong bài viết *Nói về nguyên mẫu nhân vật trong “Một mình một ngựa”* đăng trên web báo Văn nghệ quân đội [2], nhà văn Ma Văn Kháng cũng từng bộc bạch: *Cuốn sách là một nỗi nhớ cần được giải tỏa của tôi. Nó mang tính tự truyện rõ rệt. Và như vậy thì tất cả những ai đã cùng sống và làm việc với tôi ở thời kì này, trong đó trung tâm là người bí thư tỉnh uỷ, trong tư cách là các nguyên mẫu sẽ bước vào cuốn sách của tôi như một tất yếu. Tuy nhiên điều thích thú và bất ngờ với tôi lại là ở điểm này. Ở tiểu thuyết *Một mình một ngựa* câu chuyện được kể lại không phải bằng ngôi thứ nhất. Mà là ngôi thứ ba. Và rốt cuộc là Toàn - nhân vật chính yếu của cuốn sách, khi sắp lại thấy phần tiểu sử và diễn tiến số phận của anh ta y xì của tôi, thì các nhà nghiên cứu đã kết luận rằng, anh ta vừa là một nhân vật văn học vừa là hình ảnh của chính tác giả, kẻ lẩn mặt, cố tình không xưng tôi để kể lại câu chuyện của mình. Tôi đã để tôi trở thành nguyên mẫu và lọt vào cuốn sách”.*

Ngoài các công trình, tạp chí nghiên cứu văn học đăng tải nhiều bài viết đề cập đến mảng tiểu thuyết nói chung và cuốn tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng nói riêng, còn có nhiều công trình, đề tài luận văn đi sâu vào khai thác, khám phá khái quát về văn xuôi nói chung, tiểu thuyết nói riêng của ông trên cả phương diện nội dung lẫn nghệ thuật. Có thể kể đến một số đề tài như:

Nguyễn Minh Chung (2007), *Tiểu thuyết Ma Văn Kháng thời kỳ đổi mới*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.

Lê Thanh Hùng (2006), *Tiểu thuyết Ma Văn Kháng thời kỳ đầu đổi mới (giai đoạn 1980 - 1989)*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP Thái Nguyên.

Bùi Lan Hương (2004), *Cảm hứng bi kịch nhân văn trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP, Hà Nội.

Dương Thanh Hương (2008), *Cảm hứng nghệ thuật gắn với nhân vật trong tiểu thuyết về đề tài dân tộc miền núi của Ma Văn Kháng*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP, Hà Nội.

Đỗ Thanh Hương (2011), *Đặc sắc nghệ thuật tự sự trong văn xuôi của Ma Văn Kháng đầu thế kỷ XXI*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội 2...

Dương Thị Sáu (2013), *Nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng thời kỳ đổi mới (khảo sát qua Đám cưới không có giấy giá thú, Ngược dòng nước lũ, Một mình một ngựa)*, Đại học sư phạm Hà Nội 2 ...

Tiểu thuyết “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng ra đời năm 2007 và đến năm 2009, tác phẩm này được Hội Nhà văn Hà Nội trao giải văn xuôi. Nhiều tờ báo đã giới thiệu về tiểu thuyết với niềm hứng thú say mê: báo Thể thao văn hoá, báo Người lao động, báo An ninh Thủ đô, báo Đại Việt... Tuy nhiên, các bài báo này mới chỉ dừng lại ở mức độ trao đổi phỏng vấn tác giả về tác phẩm. Ngoài ra, về tác phẩm này, đáng chú ý phải kể đến bài viết của chính tác giả trên báo Văn nghệ quân đội, ngày 24/6/2015 với tựa “Nguyên mẫu nhân vật trong Một mình một ngựa” cung cấp thông tin về những nguyên mẫu đời thường mà tác giả lấy để đưa vào trong tiểu thuyết cùng một số khái quát về nội dung cốt truyện và ngôn ngữ nghệ thuật, hay như bài viết của tác giả Đỗ Hải Ninh với tiêu đề: “Khuyh hướng tự truyện tiểu thuyết Một mình một ngựa của Ma Văn Kháng (nhân đọc tiểu thuyết Một mình một ngựa của Ma Văn Kháng, Nxb. Phụ nữ, 2009) đăng trên báo Văn nghệ tháng 9/2009.

Đây được xem là bài viết độc lập đầu tiên bàn về cuốn tiểu thuyết này của Ma Văn Kháng. Đỗ Hải Ninh nhận xét rằng: “*Một mình một ngựa tiếp nối nguồn mạch tự thuật được khơi dòng từ các tiểu thuyết trước đó*”. Tuy không có nhiều đột phá, cách tân trong nghệ thuật tự sự nhưng *Một mình một ngựa* với cách kể chuyện hóm hỉnh, tạo được những điểm ấn tượng đi từ cái cá thể đến tính phổ quát, với ý thức tạo dựng thế giới hình ảnh, Ma Văn Kháng đã đem lại cho câu chuyện kể về đời mình những màu sắc của tiểu thuyết trong sự kết hợp hài hoà với tự truyện. Tác giả cũng đã chỉ ra một vài hạn chế của tác phẩm: Tuy nhiên, tác phẩm sẽ thành công hơn nếu khai thác hết chiều sâu ở nhân vật, chẳng hạn nhân vật Yên, từ sự xuất hiện khá ấn tượng ở đầu truyện, có thể khám phá thế giới tâm hồn của nhân vật đầy sức sống này nhiều hơn nữa. Đôi chỗ còn dẫn giải dài dòng khiến cho tác phẩm nghiêng về tính luận đề, lộ ý tưởng; tác giả Hoàng Thị Huệ và Nguyễn Thị Khánh Thu đăng trên phongdiep.net “Hình tượng người kể chuyện trong tiểu thuyết *Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng; “*Một mình một ngựa một phong cách*” của tác giả Việt Hà đăng trên báo Văn nghệ Công an số ra 113 năm 2009; “*Đọc tiểu thuyết Một mình một ngựa*”, Nguyễn Long Kháng, in trong tập phê bình Điện ảnh Văn học Sóng hát nhọc nhằn của tác giả, Nxb. Văn học, 2010. Hầu hết những bài viết này đều xuất phát từ góc độ lí luận văn học, nghiêng về giới thiệu tác phẩm và đánh giá tổng quát chứ chưa đi sâu vào các yếu tố của tác phẩm.

Điểm diện sơ lược một số bài viết, bài phê bình, nghiên cứu và các đề tài khoa học viết về tiểu thuyết của Ma Văn Kháng kể trên, chúng tôi nhận thấy chưa có một công trình chuyên biệt nào đi sâu nghiên cứu một cách cụ thể các phương diện nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*”. Vì vậy, trên cơ sở những dẫn liệu đã có, chúng tôi sẽ mở rộng, đi sâu nghiên cứu tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng nhằm có được cái nhìn thấu đáo và toàn diện hơn, góp phần vào việc khẳng định tài năng của Ma Văn Kháng trên diễn đàn văn học Việt Nam hiện đại.

- **Ý nghĩa khoa học và thực tiễn**

Luận văn nghiên cứu sự những đặc sắc nội dung và nghệ thuật tự sự trong tác phẩm “*Một mình một ngựa*”, từ đó tiếp tục khẳng định một số đặc trưng nổi bật trong phong cách nghệ thuật của nhà văn Ma Văn Kháng qua nửa thế kỷ cầm bút ở những phương diện như: Nghệ thuật xây dựng cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, bút pháp miêu tả nhân vật qua ngoại hình...

Luận văn cũng làm rõ sự vận động trong bút pháp nghệ thuật của nhà văn trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” để chỉ ra những nét đặc sắc riêng tạo nên chỗ đứng riêng của tác phẩm trong hệ thống các sáng tác của nhà văn. Từ đó, khẳng định được sự thay đổi rõ rệt từ thể tài miền núi, chất anh hùng dân tộc sang thể tài thế sự đời tư, xác định được những đặc điểm làm nên thành công của tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” đồng thời xác định được những đóng góp của nhà văn đối với nền văn học Việt nam ở chặng đường sáng tác với những vấn đề thuộc về “tạng” văn riêng biệt của ông.

### **III –Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.**

#### **1. Đối tượng nghiên cứu**

Luận văn tập trung khảo sát, phân tích đánh giá một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật tự sự trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng như cảm hứng hồi cố triết luận; Yếu tố tự truyện với vấn đề nguyên mẫu và hư cấu; một số phương diện trong nghệ thuật tự sự như kiểu nhân vật trung tâm, nhân vật tha hóa...

#### **2. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn tập trung nghiên cứu tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng, NXB hội nhà văn 2015.

Chúng tôi cũng mở rộng so sánh với một số tiểu thuyết về đề tài dân tộc và miền núi của Ma Văn Kháng và của một số nhà văn khác cũng viết về mảng đề tài miền núi như ông.



#### **IV –Phương pháp nghiên cứu**

Chúng tôi sử dụng đồng bộ và kết hợp linh hoạt một số phương pháp nghiên cứu sau đây:

- Phương pháp nghiên cứu thi pháp học.
- Phương pháp nghiên cứu liên ngành (văn hóa học, xã hội học)
- Phương pháp phân tích tác phẩm Văn học theo thể loại.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng một số thao tác nghiên cứu quen thuộc như: thống kê, so sánh, hệ thống

#### **V– Đóng góp mới của luận văn:**

Đây là công trình nghiên cứu đầu tiên và chuyên sâu về tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng. Qua việc khảo sát, phân tích đánh giá những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tiểu thuyết này, chúng tôi khẳng định giá trị của tác phẩm, đóng góp của nhà văn vào thành tựu chung của nền Văn học Việt Nam hiện đại. Cũng từ đó nhận diện và khẳng định sự vận động nhưng vẫn thống nhất của một số đặc trưng cơ bản trong phong cách nghệ thuật Ma Văn Kháng.

#### **VI - Cấu trúc của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và thư mục, tài liệu tham khảo, luận văn có cấu trúc 3 chương sau đây:

\* Chương 1: Tiểu thuyết của Ma Văn Kháng trong nền văn xuôi Việt Nam hiện đại.

\* Chương 2: Cảm hứng hồi cố - triết luận và yếu tố tự truyện trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng.

\* Chương 3: Thế giới nhân vật trong Tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” của Ma Văn Kháng

**Kết luận**

**Tài liệu tham khảo**

## **Chương 1 – Tiểu thuyết của Ma Văn Kháng trong nền văn xuôi văn học Việt Nam hiện đại**

### **1.1. Nhà văn Ma Văn Kháng – quá trình sáng tác và quan niệm nghệ thuật của nhà văn**

#### ***1.1.1. Tiểu sử***

Nhà văn Ma Văn Kháng tên khai sinh là Đinh Trọng Đoàn, ông sinh ngày 01 tháng 12 năm 1936, quê tại làng Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội. Ma Văn Kháng là bút danh và được dùng là tên gọi đã nói lên sự gắn bó và tình yêu của tác giả đối với miền đất từng hoạt động trên 20 năm, nơi quê hương thứ hai của ông là vùng núi Lào Cai. Từ tuổi thiếu niên ông đã tham gia quân đội, học tại Trường Thiếu sinh quân rồi đi học Sư phạm Trung cấp Khu học xá Nam Ninh Trung quốc, tốt nghiệp năm 1954. Từ năm 1955 – 1959, ông làm giáo viên rồi làm Hiệu trưởng Trường cấp II thị xã Lào Cai. Ngoài công việc dạy học, nhà văn cũng tham gia thêm một số công tác khác. Năm 1961, ông vào học khoa Văn, Đại học Sư phạm Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp, năm 1963 ông tiếp tục về dạy học ở tỉnh Lào Cai, từng là Hiệu trưởng Trường cấp III Lào Cai. Về sau ông được Tỉnh uỷ điều về làm Thư ký cho Bí thư Tỉnh uỷ, sau làm Phó Tổng biên tập Báo Lào Cai. Ông là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam từ năm 1974. Năm 1976, sau khi đất nước thống nhất, Ma Văn Kháng rời mảnh đất Lào Cai, nơi mà ông đã gắn bó 22 năm để chuyển về Hà Nội, làm Biên tập viên, Tổng biên tập, Phó Giám đốc Nhà xuất bản Lao động, rồi là Tổng biên tập Tạp chí Văn học nước ngoài của Hội Nhà văn Việt Nam, Phó Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng Viết văn Nguyễn Du. Năm 2007 ông nghỉ hưu nhưng vẫn tiếp tục sự nghiệp viết văn của mình. Đến nay, dẫu đã qua cái tuổi 70, nhà văn vẫn không hề biết mệt mỏi, ông vẫn mãi miết viết, mãi miết dán thân vào sáng tạo nghệ thuật.

### ***1.1.2. Quá trình sáng tác của Ma Văn Kháng***

Bút danh Ma Văn Kháng ra đời trong một lần ông được điều đi làm công tác thú y nông nghiệp tại xã Nam Cường, huyện Bảo Thắng, Lào Cai, bị ốm nặng được người thầy thuốc họ Ma cứu chữa. Nhà văn kết nghĩa với ân nhân mình và lấy bí danh Ma Văn Kháng. Sau này viết văn, tên đó trở thành bút danh.

Cuộc đời Ma Văn Kháng bước sang một bước ngoặt lớn khi ông được điều động làm thư kí cho đồng chí Trường Minh, Bí thư tỉnh uỷ Lào Cai vào năm 1967. Với cương vị mới, ông có điều kiện để tiếp cận kho tài liệu lưu trữ về công cuộc tiêu phi trừ gian ở Lào Cai nói riêng, Tây Bắc nói chung.

Qua hơn 50 năm miệt mài cầm bút, ông đã cho ra đời một khối lượng tác phẩm khá đồ sộ với các thể loại như: Hơn 200 truyện ngắn, 17 tiểu thuyết, một cuốn hồi kí, một tập bút ký- tiểu luận phê bình. Trong số này, có nhiều cuốn viết về đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, về xã hội Việt Nam trong thời kì đổi mới như: *Xa phủ* (1969), *Người con trai họ hạng* (1972), *Mùa mận hậu* (1972), *Đồng bạc trắng hoa xòe* (1978), *Mưa mùa hạ* (1982), *Mùa lá rụng trong vườn* (1985), *Đám cưới không có giấy giá thú* (1989), *Côi cút giữa cảnh đời* (1989), *Gặp gỡ ở La Pan Tân* (2003)...

Với nhiều tác phẩm có giá trị cao về nội dung, tư tưởng và nghệ thuật, ông đã vinh dự nhận được hàng chục giải thưởng, trong đó có các giải thưởng cao quý: Giải thưởng Văn học Đông Nam Á 1998 tập truyện ngắn *Trăng soi sân nhỏ*; Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật đợt I năm 2001 cho các tác phẩm: tiểu thuyết *Mùa lá rụng trong vườn*, *Đồng bạc trắng hoa xòe*; *Tập truyện ngắn Trăng soi sân nhỏ*; Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật đợt IV năm 2012 cho cụm tác phẩm: *Truyện ngắn chọn lọc* và 3 tiểu thuyết *Mưa mùa hạ*, *Côi cút giữa cảnh đời*, *Gặp gỡ ở La Pan Tân*...

Trong tác phẩm hồi ký - tự truyện *Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương* xuất bản quý 3 năm 2009, Ma Văn Kháng cho biết: Trong chặng đường 21 năm đầu của đời công chức nhà nước tại tỉnh biên viễn Lào Cai (từ 1955

đến 1976) thì hơn một nửa thời gian ông hoạt động trong ngành giáo dục. Không thể khác được, vì trước đó, từ 1952 đến 1954 ông là giáo sinh Trường Sư phạm Trung cấp tại Khu học xá Nam Ninh, Quảng Tây (Trung Quốc), được đào tạo bài bản để sau khi tốt nghiệp làm giáo viên tiểu học về các môn thuộc khoa học xã hội và nhân văn. Số phận - tình cờ cũng có, chủ tâm cũng có - đã đưa ông đến vùng Lào Cai, *miền đất vàng*, như ông quan niệm nhuộm màu tâm linh, huyền diệu - mà ở đó ông lập thân, lập nghiệp, thành danh với bút hiệu Ma Văn Kháng.

11 năm ở vùng cao biên giới đã giúp Ma Văn Kháng có một vốn liếng quý giá vô ngần, chín dần qua năm tháng mãi về sau, để ông có thể viết một cách sung sức, dồi dào. Ông ghi chép, nhập tâm mài sắc sự hiểu biết về các loại người trong xã hội, đặc biệt về học trò lớp lớp trên vùng cao các dân tộc anh em; về các thầy cô miền xuôi, miền ngược chung lưng đấu cật dựng lớp, mở trường, khai tâm ánh sáng của văn minh, văn hóa nơi vùng sâu, vùng xa hẻo lánh; về những nhà quản lý sự nghiệp các cấp với chân dung muôn hình nhiều vẻ. Nghề dạy học đã giúp ông có một thế đứng “thượng phong”. Từ tầm cao điểm nhìn không cắt đứt với cội nguồn truyền thống dân tộc, các tác phẩm của ông là một sự phản ánh thấm thía xung quanh việc giữ gìn bồi đắp đạo học, đạo làm người, nghĩa thầy - trò, ngăn chặn sự suy vi, xuống cấp của nhân tâm, thế đạo.

Trên con đường nghệ thuật, Ma Văn Kháng đã gặt hái được nhiều thành công ở nhiều thể loại khác nhau, từ truyện ngắn đến tiểu thuyết, tiểu luận, phê bình. Truyện ngắn đã đem đến vinh quang cho nhà văn ngay từ buổi đầu khởi nghiệp. Nhưng thành công nhất phải kể tới những tác phẩm viết về đề tài dân tộc miền núi của ông. Những tập truyện ngắn viết về đề tài miền núi như: *Xa phủ* (1969), *Bài ca trăng sáng* (1972), *Góc rừng xinh xắn* (1972), *Người con trai họ Hạng* (1972), *Mùa mận hậu* (1972), *Cái móng ngựa* (1973) đã khẳng định tài năng, tâm huyết của nhà văn và góp phần làm cho bức tranh hiện thực

cuộc sống của đồng bào dân tộc được phản ánh trong nền văn học hiện đại Việt Nam trở nên phong phú, đa dạng.

Không chỉ thành công ở thể loại truyện ngắn, Ma Văn Kháng còn rất thành công ở thể loại tiểu thuyết. Từ *Gió rừng* (1976), *Đồng bạc trắng hoa xòe* (1978), *Mùa lá rụng trong vườn* (1982), *Vùng biên ải* (1983) đến *Đám cưới không có giấy giá thú* (1989), *Côi cút giữa cảnh đời* (1989)..., tên tuổi của Ma Văn Kháng càng được đông đảo bạn đọc biết đến, không chỉ ở vốn hiểu biết dồi dào mà còn ở một cách thể hiện mới mẻ. Ở thể loại tiểu thuyết, Ma Văn Kháng là một trong những nhà văn gương cao ngọn cờ đổi mới, sáng tác của ông góp phần không nhỏ đánh dấu sự phát triển của thể loại tiểu thuyết Việt Nam từ mô hình tiểu thuyết sử thi sang mô hình tiểu thuyết thế sự đời tư.

Trong chặng đường đầu tiên sáng tạo tiểu thuyết, Ma Văn Kháng viết nhiều về miền núi, tiêu biểu với các tiểu thuyết như “*Gió rừng*”, “*Đồng bạc trắng hoa xòe*”, “*Vùng biên ải*”. Những tiểu thuyết này của ông mang dấu ấn của tiểu thuyết sử thi rõ nét. Ma Văn Kháng đã dựa trên những sự kiện lịch sử, với ngòi bút tài hoa của mình, ông tái hiện lại một cách sinh động một quãng thời gian quá khứ dữ dội mà bi hùng của mảnh đất Lào Cai.

Cảm hứng sử thi thể hiện ở sự miêu tả các sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng liên quan đến số phận cộng đồng, qua chân dung những nhân vật phi thường - con người tiêu biểu của thời đại cách mạng vô sản Việt Nam, ở không gian biên ải với những xung đột lớn lao, kỳ vĩ, ở việc chỉ ra con đường tất yếu của nhân dân các dân tộc thiểu số đấu tranh thoát khỏi cường quyền, thần quyền, định kiến hủ tục u mê tăm tối, tiểu phi gian nan khổ ải, bảo vệ chính quyền cách mạng còn non trẻ. Các tác phẩm đã tạo nên những bức tranh hoành tráng về vùng đất biên cương Tổ quốc, tạo dựng chân dung những con người quả cảm mà kiêu hãnh dám sống và đấu tranh, dấn thân và hy sinh cho lí tưởng ở những giai đoạn cụ thể.

Từ sau những năm 80, theo dòng đổi mới văn học, Ma Văn Kháng cũng bắt đầu chuyển hướng sang mảng đề tài thế sự - đời tư và cũng gặt hái được nhiều thành công, tiêu biểu như: *Mưa mùa hạ*, *Mùa lá rụng trong vườn*, *Đám cưới không có giấy giá thú* và gần đây nhất là tiểu thuyết *Một mình một ngựa*. Rời Lào Cai về Hà Nội, thay đổi không gian sống, môi trường làm việc, các mối quan hệ, cuộc sống thành thị mở ra trước mắt Ma Văn Kháng với tất cả những bộn bề, phức tạp của nó. Tuy nhiên, chính ở quãng thời gian này, sức sáng tạo của Ma Văn Kháng bùng lên dữ dội, mãnh liệt. Ở tiểu thuyết thế sự đời tư, Ma Văn Kháng đi sâu mổ xẻ, phân tích, khám phá những vấn đề đang đặt ra trong xã hội một cách sâu sắc và táo bạo. Đó là vấn đề gia đình với các thế hệ cùng chung sống, vấn đề người tri thức với mẫu hình lý tưởng và sự phá huỷ mẫu hình, con người tha hoá trước dòng xoáy của ham muốn đời thường, con người với những sự kiện không thể biết trước trong dòng chảy cuộc đời, bi kịch cá nhân và những ám ức tâm lý, trẻ em trước những bi kịch gia đình, tình yêu, hôn nhân... Và cũng ở mảng đề tài này, Ma Văn Kháng tiếp tục phát huy bút lực dồi dào với nhiều các tiểu thuyết ra đời và ngày càng được công chúng đón nhận.

### ***1.1.3. Quan niệm nghệ thuật của nhà văn***

Ma Văn Kháng là nhà văn tiên phong thời kì đổi mới. Người ta quan tâm tới ông không chỉ bởi ông là nhà văn có nhiều tác phẩm thành công mà còn bởi ông luôn nghiêm túc với nghề cầm bút, chịu khó tìm tòi những ý tưởng mới mẻ, táo bạo sâu sắc trong việc khám phá, lý giải các hiện tượng đời sống. Hệ thống tiểu thuyết của ông ở từng giai đoạn đã có sự đóng góp không nhỏ làm nên diện mạo cho văn học Việt Nam đương đại, phản ánh được bức tranh hiện thực và đời sống tinh thần thời đại. Tiểu thuyết của Ma Văn Kháng tập trung theo hai mảng đề tài lớn với cảm hứng chủ đạo: đề tài dân tộc miền núi với cảm hứng sử thi và đề tài thành thị với cảm hứng đời tư. Ông là nhà văn có phong cách nghệ thuật phong phú, độc đáo. Ngoài hệ thống nhân vật đặc sắc và hấp

dẫn, ngôn từ trong tiểu thuyết của ông cũng mang tính sáng tạo rất cao mà lại dung dị, gần gũi.

Ma Văn Kháng có quan niệm riêng của mình về nghệ thuật văn chương và con người. Nhà văn luôn xác định đích đến của văn chương là ca ngợi cuộc sống con người, như ông đã từng nói “Thôi thúc tôi viết là cái đẹp cuộc sống”, tôi viết “Thuận theo người mà không bỏ mình”, “Tôi viết như tôi nghĩ, tôi hiểu, tôi yêu, tôi ghét”. [38, tr. 2]. Quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn rất nhất quán, cụ thể, có tính giai đoạn và có sự vận động biến đổi rõ ràng từ con người xã hội đến con người đời tư đặt trong từng hoàn cảnh cụ thể với tất cả những gì tự nhiên thuộc về chính nó. Chính bởi thế, chuyển sang mảng tiểu thuyết thể sự đời tư, Ma Văn Kháng tập trung viết về con người ở nhiều bình diện khác nhau, nên hình ảnh con người trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng rất phong phú, sâu sắc, đa chiều và giàu tính nhân bản.

Trong hệ thống tiểu thuyết của mình, Ma Văn Kháng cũng đã chú ý tạo dựng một thế giới nhân vật đa dạng và có tính mới. Nhân vật trong truyện của ông luôn được đặt trong hoàn cảnh và bi kịch nhất định để làm nổi bật tính cách và phẩm chất con người. Nhân vật trong tiểu thuyết của ông là những nhân vật điển hình với tính cá thể hóa đậm nét: nhân vật lý tưởng, nhân vật bi kịch và cả nhân vật tha hoá. Những nhân vật bi kịch ở góc độ giới, Ma Văn Kháng dành một ưu ái đặc biệt cho nhân vật người phụ nữ. Hình ảnh người phụ nữ luôn luôn có được tình yêu của ông, sự đồng cảm và sẻ chia với họ. Ông không nghiệt ngã trước những sai lầm của họ mà bao dung, độ lượng, nhân ái, nâng đỡ họ trước bi kịch của cuộc sống mà họ bị đẩy vào, buộc phải đối mặt và chấp nhận lựa chọn. Thế giới nhân vật của Ma Văn Kháng đã góp phần không nhỏ trong việc khắc họa chân dung con người Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể thông qua hệ thống hình tượng nhân vật đặc sắc, ông tập trung phân tích và lý giải sâu sắc, khách quan làm sáng tỏ con người trên nhiều phương diện và trong không gian, thời gian khác nhau để ta có thể thấy rõ nét về họ. Từ



hệ thống nhân vật, Ma Văn Kháng tái hiện lại bức tranh đời sống thị dân Hà Nội rất chân thực, sinh động, hấp dẫn nhưng cũng đầy những kịch tính với đầy đủ các lớp người, hạng người. Với bút pháp nghệ thuật miêu tả nhân vật điển hình qua tướng mạo, qua yếu tố tính dục, tự thuật từ đó để nhân vật tự khắc hoạ diện mạo của mình, Ma Văn Kháng đã tạo ra cho tác phẩm của mình một chỗ đứng riêng trong văn học Việt Nam hiện đại. Sự đan xen nhân vật bi kịch, nhân vật tha hoá trong cùng một tác phẩm làm nổi bật hình ảnh xã hội con người trong từng thời điểm lịch sử khác nhau, thể hiện cái nhìn riêng của ông về cuộc đời. Mặc dù vậy, nhưng thế giới nhân vật trong tiểu thuyết của nhà văn vẫn luôn có một niềm tin mãnh liệt như chính niềm tin, tình yêu của Ma Văn Kháng vào giá trị tốt đẹp của con người, thái độ đấu tranh không khoan nhượng để bảo vệ con người trước cái ác, cái xấu.

Đặc sắc trong phong cách nghệ thuật tiểu thuyết của Ma Văn Kháng còn ở ngôn ngữ và giọng điệu trần thuật - những nét độc đáo thể hiện dấu ấn phong cách cá nhân của nhà văn. Ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng luôn có một sự gắn kết hài hoà. Vì vậy, trong tác phẩm của nhà văn, chúng ta dễ dàng nhận ra giọng điệu kể chuyện mang tính đa thanh, đan xen các giọng điệu khác nhau trong các tác phẩm khi là giọng hào sảng trữ tình tha thiết, lúc lại mang giọng triết lí hóm hỉnh sâu sắc trong trần thuật, đối thoại, khi lại cô đọng, giàu hình ảnh trong độc thoại, đem lại những góc nhìn chân thực về cuộc sống. Giọng điệu trong tác phẩm của Ma Văn Kháng không gây cảm giác nhàm chán cho người đọc bởi ở mỗi tác phẩm, nhà văn luôn có sự linh hoạt, thay đổi. Khi là những tâm tư của nhân vật, lúc lại là giọng điệu hoài nghi thi thoảng pha chút giễu nhại nhẹ nhàng mà sâu sắc, thâm thúy, thể hiện những băn khoăn, ưu tư của nhà văn về hiện thực cũng như con người. Sự thay đổi ngôn ngữ, giọng điệu trong từng tác phẩm cho thấy Ma Văn Kháng luôn ý thức tìm tòi để làm mới ngôn ngữ và thể hiện sự vận động tư duy nghệ thuật nhạy bén, phong phú của mình. Chính bởi thế, đọc tiểu thuyết Ma Văn Kháng, ta thấy ngôn ngữ và giọng điệu có vẻ đẹp cổ điển lại vẫn giàu

tính chất hiện đại, sức phản ánh, tái hiện mạnh mẽ đời sống và con người trong những phạm vi không gian và thời gian khác nhau. Có được điều đó cũng bởi Ma Văn Kháng là một nhà văn có vốn từ phong phú, năng lực vận dụng và sức sáng tạo tài hoa, uyển chuyển, tình yêu tiếng Việt và sự trân trọng tiếng nói của dân tộc thật sâu sắc.

Hơn 50 năm cầm bút, dù đã đạt được rất nhiều thành công nhưng Ma Văn Kháng không ngừng trăn trở và luôn chịu khó tìm cho mình một lối đi riêng, một tư duy nghệ thuật độc đáo. Do đó, nhà văn đã thực sự tạo dựng được chỗ đứng vững chắc trong lòng bạn đọc. Phong cách nghệ thuật Ma Văn Kháng có sự nhất quán trong quan niệm văn chương và con người, biến đổi vận động không ngừng trong tư duy và nghệ thuật tự sự. Văn phong có sự duyên dáng, vừa hào sảng nhưng lại vừa trữ tình lãng mạn; giản dị hồn nhiên mà sâu sắc, thâm thúy. Ngôn ngữ dân dã mà phong phú, có suy tư sâu sắc, giàu hình ảnh, đa nghĩa và càng về sau càng tăng cường chất liệu đời sống và thông tin, chuyển biến tích cực theo xu hướng hiện đại hoá mang màu sắc đa thanh, đa giọng. Những dấu ấn phong cách nghệ thuật này đã làm nên một phong cách Ma Văn Kháng, mở ra một chặng đường mới cho các nhà văn thế hệ sau nối tiếp.

## **1.2. Vị trí của tiểu thuyết Ma Văn Kháng trong văn xuôi Việt Nam hiện đại**

Ma Văn Kháng là nhà văn có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam hiện đại. Ông từng được mệnh danh là “người khuấy động văn đàn Việt Nam hiện đại” (Luu Khánh Thơ), được coi là một trong những ngọn cờ tiên phong đổi mới của văn học Việt Nam hiện đại. Bắt đầu sự nghiệp cầm bút từ những năm 60 của thế kỷ trước, Ma Văn Kháng đã miệt mài viết không ngừng nghỉ. Cho đến nay, ít có nhà văn nào có một gia tài các tác phẩm đồ sộ như Ma Văn Kháng với hơn 200 truyện ngắn, gần 20 tiểu thuyết, ngoài ra còn có cả tiểu luận và hồi ký – tự truyện. Và cũng ít nhà văn nào đạt được nhiều giải thưởng ở thể loại tiểu thuyết như Ma Văn Kháng. Đặc biệt những năm 80, khi đất nước chuyển từ bao cấp sang cơ chế thị trường, một số tiểu thuyết của ông như: “*Mưa mùa hạ*,

*Mùa lá rụng trong vườn*”, “*Đám cưới không có giấy giá thú*”. thu hút sự chú ý của độc giả và các nhà nghiên cứu, phê bình. Nhiều nghiên cứu về tác giả Ma Văn Kháng đã chia quá trình sáng tác của nhà văn thành hai thời kỳ lớn. Hai giai đoạn sáng tác của Ma Văn Kháng có dấu mốc rõ nét mà khi nghiên cứu, ta sẽ hiểu đúng hơn những đóng góp của ông, đồng thời sẽ thấy được sự chuyển biến của các Ma Văn Kháng trong sự vận động của văn học. Một số tác phẩm của ông được chuyển thể thành phim, được đưa vào chương trình giảng dạy ở phổ thông như: “*Mùa lá rụng trong vườn*”, “*Người giúp việc*”, “*Xa phủ*”. Tìm hiểu, phân tích một cách có hệ thống hai chặng đường sáng tác tiểu thuyết của Ma Văn Kháng trong sự vận động phát triển của tiểu thuyết Việt Nam chúng ta có thể thấy được vị trí của tiểu thuyết Ma Văn Kháng trong văn xuôi Việt Nam hiện đại, đặc biệt trong giai đoạn đổi mới.

Giai đoạn trước những năm 1980, tiểu thuyết Việt Nam chủ yếu xoay quanh chủ đề sức mạnh và tinh thần yêu nước của nhân dân. Về nghệ thuật, tiểu thuyết thời kỳ này mang đậm cảm hứng sử thi lãng mạn ngợi ca. “*Gió rừng*” là tác phẩm đầu tiên nhưng phải đến “*Đồng bạc trắng hoa xòe*” tên tuổi Ma Văn Kháng mới thực sự gây ấn tượng và khẳng định vị trí đứng của mình trong làng văn học thời kỳ đó. Tiếp sau đó, “*Vùng biên ải*” và “*Gặp gỡ ở La Pán Tân*” lần lượt được ra mắt, tạo thành bộ ba tiểu thuyết có giá trị nhất, giúp nhà văn khắc họa được bức tranh hoàn chỉnh về đề tài dân tộc miền núi với lung linh màu sắc của thiên nhiên núi rừng và con người vùng cao trong cuộc đấu tranh xây dựng bảo vệ quê hương, trong những giai đoạn lịch sử khó khăn, phức tạp.

Văn học Việt Nam sau khi thoát ra khỏi thời kì trung đại đã đạt được nhiều thành tựu lớn, qua hai thời kì cách tân văn học nổi bật: Giai đoạn 1930 – 1945 và giai đoạn từ năm 1986 đến nay. Thành công của văn học Việt Nam hiện đại chịu sự tác động của hoàn cảnh lịch sử xã hội và có liên quan đến các trào lưu hiện đại của phương Tây. Đặc biệt, ở giai đoạn 1930 – 1945, sự xuất hiện của phong trào Thơ Mới và sự phát triển của tiểu thuyết đã làm đổi thay

gương mặt văn học dân tộc. Có nhiều khuynh hướng sáng tác khác nhau, có sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn, có sáng tác theo khuynh hướng hiện thực; có tác phẩm hài hòa hiện thực và lãng mạn với đủ các đề tài và thể loại tiêu biểu với các tác giả như Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính...

Từ sau những năm 80, khi đất nước hoàn toàn được giải phóng, Đại hội Đảng lần thứ VI đề ra đường lối đổi mới, đem lại sức sống mới cho văn học. Nhiều quan niệm văn chương được cởi bỏ khỏi những gò bó của nếp cũ. Các tác giả có thể viết những điều trước kia không được viết, nói những điều chưa được nói như vấn đề tính dục, yếu tố tâm linh, vô thức, cái kì ảo, cái tôi, những bức xúc, cả những điều vốn ngại ngùng cấm kỵ. Văn học cũng có sự xuất hiện nhiều dạng kết cấu văn bản nghệ thuật mới đều là những dấu hiệu phát triển. Họ có cơ hội thể hiện cái bản thể sâu kín của mình trước nền văn hóa đọc. Sống trong không khí thời đại đó, Ma Văn Kháng cũng kịp thời “bắt nhịp” với dòng chảy văn học chung. Sau khi chuyển công tác về Hà Nội, Ma Văn Kháng chuyển hướng đề tài và chủ đề sáng tác tiểu thuyết của mình. Ông đã hòa nhập rất nhanh với cuộc sống đô thị và lấy đó làm chủ đề cho những trang viết của mình. Hàng loạt những sáng tác mang hơi thở cuộc sống thành thị thời kì đổi mới ra đời và đem lại cho ông nhiều thành công, đóng góp không nhỏ tạo nên diện mạo văn chương nước nhà. Tiêu biểu có thể kể tới là tiểu thuyết “*Mùa mùa hạ*” viết về những cuộc sống con người nơi thành thị có bản chất tốt, lương thiện nhưng lại có kết cục buồn, bi thảm. Bên cạnh đó, nhà văn cũng đã phê phán thẳng thắn những con người cơ hội, thói quan liêu vụ lợi, lối sống tì tiện vô đạo đức làm xấu đi bộ mặt đất nước đang diễn ra xung quanh mình mà trước đây chưa có ai lên tiếng phê phán thẳng thắn đến như thế. Những tiểu thuyết kế tiếp như “*Mùa lá rụng trong vườn*”, “*Đám cưới không có giấy giá thú*”... vẫn tiếp nối đề tài về thành thị với những số phận bi đát, những con người tha hóa ở mức độ cao hơn với bút pháp nghệ thuật đặc sắc, sáng tạo đã khẳng định ngòi bút thẳng thắn đề cập tới vấn đề đạo đức bị tha hóa trong xã hội của nhà văn. Đặc biệt là tác phẩm “*Mùa lá rụng trong vườn*” được coi là dấu mốc quan trọng

khẳng định sự chuyển biến trong sáng tác của nhà văn và cũng là sự đóng góp vào sự đổi mới của văn học Việt Nam. Tác phẩm đã đi sâu khám phá cuộc sống gia đình thành thị những năm 80, giai đoạn xã hội đang có những biến động. Đề tài về truyền thống đạo lý gia đình chưa được các nhà văn đề cập nhiều. Và Ma Văn Kháng đã tiên phong đi sâu khám phá vấn đề mới: Truyền thống gia đình, vấn đề đang bị xem nhẹ trong giai đoạn này. Ngòi bút Ma Văn Kháng còn tỏ ra am hiểu tình huống cuộc sống đô thị, những diễn biến tâm lý, góc ngách tình cảm của con người thành thị với những nhân vật độc đáo, mới lạ với chiều sâu phức tạp trong nội tâm.

Sự đổi mới trong sáng tác của Ma Văn Kháng cũng đồng thời đi cùng với giai đoạn đổi mới và phát triển chung của văn học Việt Nam. Từ năm 1975 đất nước độc lập, dân tộc được tự do, xã hội có sự chuyển mình đổi mới lớn lao về mọi mặt. Đặc biệt từ sau đại hội Đảng năm 1986 với chủ trương đổi mới, sự phát triển cả về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa đã có sự tác động tới đời sống nhân dân, tác động đến ý thức của cá nhân, của cộng đồng. Trong lĩnh vực văn học, chủ trương “*cởi trói*”, “*nhận thức lại hiện thực, nhìn thẳng vào sự thật*” của Đảng đã tạo sự chuyển biến rõ rệt và toàn diện. Và đây là giai đoạn tiêu thuyết thời kỳ đổi mới nở rộ. Nhiều tác giả đã gặt hái được thành công như Lê Lựu với “*Thời xa vắng*”, Tô Hoài với “*Chiều chiều*”, “*Cát bụi chân ai*”, hay “*Một người Hà Nội*” của Nguyễn Khải. Ma Văn Kháng cũng là một nhà văn nằm trong dòng chảy ấy.

Các tác phẩm của các tác giả thời kì này đều đã tập trung đi sâu miêu tả đời sống của con người trong thời kỳ đổi mới. Điểm chung của các nhà văn trong những sáng tác thời kỳ này là không còn mục đích ca ngợi con người, xã hội theo kiểu cục đơan một chiều như giai đoạn trước. Các tác giả hướng tới miêu tả, phân tích hiện thực con người với những diễn biến nội tâm phức tạp trong cuộc sống đầy những bừa bộn, ngang trái. Tuy nhiên, những tác phẩm của Ma Văn Kháng thời kỳ này có sự nổi trội và ghi dấu ấn đặc sắc với sự đổi

mới về bút pháp nghệ thuật, sự xoáy sâu và khắc họa nhân vật điển hình... Nhờ đó, nhân vật và tác phẩm của ông có một nét riêng biệt, gây được ấn tượng sâu sắc cho người đọc. Tiểu thuyết của Ma Văn Kháng ở thời kỳ sau này có cái nhìn mới về hiện thực và nghệ thuật. Sự chuyển biến trong sáng tác của Ma Văn Kháng đem đến cho ông nhiều thành công với những giải thưởng lớn lao. Những giải thưởng văn học ấy là minh chứng rõ rệt, là căn cứ khẳng định vị trí hàng đầu vững chắc của tiểu thuyết Ma Văn Kháng trong văn xuôi Việt Nam hiện đại, khẳng định vai trò “Tiên phong đổi mới”, góp phần hoàn thiện công cuộc hiện đại hoá văn học nước nhà.

### **1.3. Vị trí đặc biệt của tiểu thuyết “Một mình một ngựa” trong sự nghiệp sáng tác của Ma Văn Kháng**

#### ***1.3.1. Vị trí đặc biệt của tiểu thuyết “Một mình một ngựa”***

Trước *Một mình một ngựa*, Ma Văn Kháng đã được biết tới với những tiểu thuyết rất ấn tượng như *Đồng bạc trắng hoa xòe*, *Vùng biên ải*, *Đám cưới không có giấy giá thú*... *Một mình một ngựa* là tác phẩm ra đời muộn nhất trong số các tiểu thuyết đạt giải của ông cho tới thời điểm hiện tại. Đỗ Hải Ninh trong bài viết “Khuyh hướng tự truyện tiểu thuyết Một mình một ngựa của Ma Văn Kháng” đã nhận xét rằng: Tác phẩm không có sự bút phá mới về bút pháp nghệ thuật, cũng không có sự đặc sắc nổi bật về cốt truyện hay nhân vật... Tuy nhiên, “Một mình một ngựa” lại được đánh giá là tiểu thuyết có vị trí đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn, bởi những yếu tố sau:

*Thứ nhất*, *Một mình một ngựa* là cuốn tiểu thuyết được viết dựa trên những sự kiện, những biến cố có thật mà tác giả trong thời gian sinh sống và làm việc ở Lào Cai đã chứng kiến, đã trải qua. Nhà văn đã dùng chính những quan sát, trải nghiệm của mình trong thời gian làm thư ký cho Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai, với những chuyện mắt thấy tai nghe để đưa vào tác phẩm. Bởi vậy, nhân vật và các tình huống trong truyện ít nhiều mang dáng dấp những câu chuyện cuộc sống của nhà văn. Sau 22 năm công tác tại tỉnh miền núi Lào Cai,

nhà văn Ma Văn Kháng đã có quá nhiều trải nghiệm, va đập với cuộc sống nơi đây. Và cuốn sách được viết từ sự hồi tưởng về một quãng đời tươi đẹp nhưng nhiều thử thách của nhà văn khi ông gắn bó với mảnh đất vùng cao yêu thương này.

*Thứ hai, trong Một mình một ngựa, ý thức viết tiểu thuyết là rõ ràng nhưng vẫn bị níu giữ bởi tinh thần tự truyện. Cái tôi tác giả không lộ diện mà được đại diện bởi nhân vật Toàn. Ở Toàn, sự khẳng định cái tôi cá nhân giúp anh có thể đứng riêng để nhận thức thế giới, nhận thức chính mình. Từ sự miêu tả khá hài hước về một thời kỳ đã qua, những cuộc họp tổng kết, các báo cáo điển hình lê thê, lủng củng số liệu, giống nhau như cùng một khuôn đúc, đến nỗi “chả cần nghe vì biết tổng là nó viết theo mẫu có sẵn, nó toàn nói dối cho vừa lòng cấp trên thôi”, những kế hoạch to tát, khẩu hiệu âm ỉ nhưng chỉ là ảo tưởng, thiếu thực tế như chủ trương trồng lúa mì và đưa máy cày lên xới đất ở Na Ảng. Đó chính là những ký ức được lưu giữ về một thời kỳ đã qua từ trải nghiệm một quãng đời của nhà văn Ma Văn Kháng. Từ những trải nghiệm chân thực về đời sống và bản thân được chuyển hóa thành hình tượng trong tác phẩm, khiến cho người đọc vừa thấy sự mới lạ vừa lại thấy rất quen thuộc. gần gũi. Qua tác phẩm, người đọc có thể hiểu được phần nào về một góc cuộc đời Ma Văn Kháng và thêm hiểu sâu về tâm hồn nhà văn.*

*Thứ ba, Một mình một ngựa là cái tên tiểu thuyết mang tính gợi mở. Người đọc có thể tìm thấy nhiều tầng ý nghĩa đằng sau hình tượng ấy. Một mình một ngựa là hình ảnh một chiến sĩ cách mạng hiên ngang, oai hùng, một hình tượng giàu tính thẩm mỹ. Bí thư Tỉnh ủy một mình một ngựa đi đến các vùng thổ ty phong kiến thuyết phục họ theo chính phủ Trung ương. Nhưng hình tượng đó, trong bản thân nó cũng đã hàm chứa mặc cảm cô đơn rồi. Ông quyết định một mình xông pha trong cuộc đối đầu với đối phương thời khởi đầu cách mạng, một mình đương đầu với khó khăn trong xây dựng. Nhưng ông cũng cô độc biết bao trong cuộc sống, trong việc bảo vệ chân lý, trong quan hệ với người*

vợ của mình... Một mình một ngựa - vừa oai vũ vừa đơn côi, là thân phận của tất cả các cá thể có ý thức về giá trị của mình và trong các cá thể ấy, có hình ảnh của chính tác giả.

Thực ra, trước “Một mình một ngựa”, yếu tố tự truyện cũng được Ma Văn Kháng khai thác trong tác phẩm “Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương”. Tuy nhiên, điểm khác biệt rõ nét giữa hai tác phẩm là ở thể loại của sáng tác. Với “Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương” mang thể loại Hồi kí nên yếu tố tự truyện là tự nhiên được kể lại bằng sự nhớ lại những điều đã xảy ra trong quá khứ có ấn tượng mạnh, ít có yếu tố hư cấu. Còn “Một mình một ngựa”, với thể loại tiểu thuyết thì Ma Văn Kháng có điều kiện để sử dụng những bút pháp nghệ thuật riêng của mình để tạo nên những dấu ấn đặc sắc hơn cho tác phẩm. Tác giả đã hư cấu những chi tiết trong tác phẩm, hư cấu nhân vật... nhưng vẫn tái hiện được quãng đời oai hùng trong quá khứ của nhà văn, “một quãng đời còn sót lại” mà nhà văn quên chưa kể cho chúng ta nghe. Chính bởi thế, “Một mình một ngựa” đã khẳng định được vị trí đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của Ma Văn Kháng.

### ***1.3.2. Một mình một ngựa từ góc nhìn thể loại tiểu thuyết tự truyện***

#### *Lý thuyết về thể loại tiểu thuyết tự truyện*

Sự phức tạp trong nghiên cứu về tự truyện xuất phát từ nguyên nhân đây là thể loại có tính giáp ranh, nằm ở ngã tư của khoa học nhân văn, vừa gần gũi với triết học, lịch sử, tâm lý học vừa gắn bó mật thiết với văn học. Tự truyện (autobiography: Anh/ autobiographie: Pháp) có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, bản thân thuật ngữ đã hàm chứa sự kết hợp ba yếu tố (auto: tự, bio: cuộc đời, graphy: viết) trong một thể loại. Tự truyện được xác định là câu chuyện cuộc đời của cá nhân do chính người đó kể lại hay tiểu sử của một người do chính người đó chép lại. Bởi vậy có thể hiểu một cách đơn giản tự truyện là một thể loại tự sự mà tác giả tự viết về mình. Về sau này, khi trở thành đối tượng quan tâm của văn học, tự truyện được xem là một thể loại văn học. Tự truyện được coi là một



thể loại *phi hư cấu*, có tính tham chiếu, ở đó tác giả vừa là người kể chuyện vừa là nhân vật chính chịu trách nhiệm trước độc giả về tính chân thật của sự kiện; còn tiểu thuyết, vì *bản chất hư cấu của nó nên cái thật ở đây chỉ là giống/ tựa như thật* (vraisemblable). Nghĩa là, tự truyện không phải là một sáng tạo nghệ thuật của tác giả mà là tư liệu báo cáo về cuộc đời và cá nhân anh ta. Tuy vậy, là một thể loại đặc biệt trong loại hình tự sự, tự truyện luôn biến đổi trong quá trình phát triển. Nó có thể tương tác với nhiều thể loại khác, chẳng hạn kết hợp với hư cấu tưởng tượng để thành *tiểu thuyết tự thuật* hoặc những biến thể khác như *giả tự truyện* (autofiction), *bán tự truyện* (semi – autofiction)... Trong tiểu thuyết tự truyện, cũng như mọi tác phẩm nghệ thuật, tác giả là người ẩn danh để phát ngôn, họ không trực tiếp hiện diện trong những trang viết.

Như vậy, có thể hiểu tự truyện là những tác phẩm văn học thuộc thể loại tự sự, thường được viết bằng văn xuôi trong đó tác giả tự kể lại và miêu tả cuộc đời mình trong tác phẩm. Trong thực tế tự truyện bao gồm cả yếu tố truyện (hình thức, một thể loại tự sự) và yếu tố tự thân (nội dung, bản thân) của người của người viết truyện. Tác phẩm tự truyện thường có thiên hướng lý giải cuộc sống đã qua của tác giả như một chỉnh thể, tạo nên những đường nét mạch lạc cho cuộc sống kinh nghiệm của mình. Người viết tự truyện có khi vận dụng hư cấu, thêm thắt hoặc sắp xếp lại các chi tiết của cuộc đời mình.

*Tiểu thuyết có màu sắc tự truyện* là những cuốn tiểu thuyết viết về đề tài bất kỳ, thậm chí không có gì đặc biệt, không tự thuật bằng ngôi kể thứ nhất, tên nhân vật không trùng với tên tác giả, và có thể trên bề mặt văn bản không có dấu hiệu nhận biết nào, nhưng từ những trải nghiệm, chiêm nghiệm, giọng kể tự thú, nhất là khuynh hướng xoáy sâu vào lý giải quá trình hình thành nhân cách nhân vật chính, độc giả cảm nhận được màu sắc tự truyện rõ rệt. Ở dạng này, yếu tố tự truyện gắn với nhu cầu chiêm nghiệm về cuộc đời, sự nhận thức và nhu cầu giải bày cái tôi khá kín đáo

“*Một mình một ngựa*” – *tiểu thuyết có màu sắc tự truyện đặc sắc*

Tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” lấy cảm hứng từ niềm say mê trước vẻ đẹp kiêu hùng của con người giữa cuộc đời gian truân, còn nhiều khuyết tật, đầy mặc cảm cô đơn và dạt dào sức sống mãnh liệt. Có thể coi “*Một mình một ngựa*” là cuốn tiểu thuyết mang dấu ấn tự truyện của cây bút văn xuôi Ma Văn Kháng. Bởi vì, các sự kiện, tình huống, tâm trạng, hành động của nhân vật ông giáo Toàn về cơ bản chính là những gì tác giả đã trải qua. Các nhân vật khác trong sách đều có nguyên mẫu. Viết tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*”, Ma Văn Kháng chọn cho mình một đề tài thật khó khăn chẳng khác gì đi trên những con đường núi cheo leo, hiểm trở... Nhưng với những trải nghiệm của cuộc đời, sự thôi thúc cần phải viết và tầm nhìn sâu xa với nhãn quan chính trị sắc bén, Ma Văn Kháng đã mạnh dạn hóa thân vào các nhân vật trong truyện sâu sắc để viết được cuốn tiểu thuyết đặc biệt thành công này. Cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh ở O tròn (nơi sơ tán của cơ quan tỉnh ủy Hoàng Liên trong những năm chống Mỹ) với các nhân vật trung tâm là những người cộng sản trong tỉnh ủy: Năm ông thường vụ, năm ông trợ lý và gần chục cán bộ văn phòng tỉnh ủy. Tất cả đều là đảng viên ở những vị trí quan trọng, có lẽ chỉ có một nhân vật duy nhất trong tiểu thuyết không phải đảng viên: Đó là Yên, vợ của bí thư tỉnh ủy Quyết Định. Bằng sự nhạy bén, kỹ năng phân tích tâm lý, nhận thức sắc sảo đặc biệt của nhà văn... Ma Văn Kháng đã để Toàn (một thầy giáo dạy văn - nhân vật chính của tiểu thuyết) thâm nhập, hòa đồng vào cơ quan đầu não của tỉnh ủy Hoàng Liên tìm hiểu, gặp gỡ từng người. Qua cái nhìn của nhân vật, người đọc có cơ hội để hiểu cặn kẽ về họ: Từ lý lịch xuất thân, quá trình công tác, cái tốt lẫn sự xấu xa, những việc làm thăng hoa bay bổng và cả những phút yếu lòng sa ngã. Họ là con người viết hoa đáng ca ngợi nhưng đôi lúc lại là kẻ xấu đáng bị trừng phạt, lên án. Ngòi bút Ma Văn Kháng thể hiện cái nhìn nghiêm khắc, thấu tình đạt lý có sự mổ xẻ, phân tích đúng sai, cân đo giữa công và tội bằng lý lẽ tinh táo duy ý chí và trái tim nhân văn đậm tình người của mình. Họ là những con người cụ thể bằng xương bằng thịt, sống động, phức tạp biết chừng nào. Mỗi người phụ trách một công việc, trong một hoàn cảnh riêng, tính cách đều mạnh mẽ,

khác biệt. Họ đều bảo thủ, cá nhân cho mình là tài giỏi, phi thường. Mỗi người có cách lãnh đạo, xử lý riêng: Đứng đắn, xuất sắc, sáng tạo đến mức anh hùng. Nhưng có những lúc họ cũng ấu trĩ, mông muội, hẹp hòi khó chấp nhận. Ma Văn Kháng thể hiện sự thẳng thắn, trung thực của mình khi viết về cái xấu, những chuyện thâm cung bí sử của các cá nhân lãnh đạo làm mất uy tín của Đảng. Có những sai lầm cố ý và cả những sai lầm ngớ ngẩn do thiếu hiểu biết. Ngòi bút nhà văn đi đến bản chất, gốc rễ các việc xấu xa, mưu toan nham hiểm của những kẻ biến chất thoái hóa “chui sâu, trèo cao, phá hoại Đảng”. Dù vậy, trong tiểu thuyết *“Một mình một ngựa”* còn nhiều sự kiện đặc sắc, hấp dẫn, cuốn hút người đọc: đó là những trang viết về con người, cảnh vật trữ tình của tỉnh Hoàng Liên, nhiều đoạn tả cảnh, tả người làm ta xúc động. “... Thu đã về thật rồi! Thu đã chậm rãi về như một lời hẹn, không đơn sai. Gió heo heo lạnh và thi thoảng như giạt mình, quạt lòng lên một hơi dài hoang vắng. Nắng mỏng mảnh như thủy tinh... và đang đi Toàn chợt dừng bước, thót người vì bóng một con giẽ giun xám ngất từ một bụi rạ ải trên mảnh ruộng ven đường đột ngột vụt bay lên, sạt qua mặt như một ánh chớp. Bên đường những bụi cây chó đẻ già đã khô nỏ, để hở những vòm rỗng bên dưới, trong khi trên ngọn cây những chùm hoa xanh lơ màu phấn đua nở cuống quýt mà vẫn rung rung buồn” [17, tr. 15]. Đặc biệt những trang viết về tình yêu của ông Quyết Định và Yên: về mối tình lãng mạn, tuyệt vời đẹp đến nao lòng, những đoạn tả cảnh làm tình, yêu đương mãnh liệt của hai người đẹp đến mức mê hoặc người đọc.

Tiểu thuyết *“Một mình một ngựa”* là một thành công lớn, một đỉnh cao của trong sự nghiệp sáng tác của Ma Văn Kháng. Xuyên suốt tác phẩm, bên cạnh nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo lấy từ nguyên mẫu đời thường, *“Một mình một ngựa”* còn thấm đượm những cảm xúc hồi cố, chiêm nghiệm và đầy triết luận của nhà văn. Bằng hình thức tả kể xen lẫn với giọng điệu tự thuật của nhân vật, tác giả đã khéo léo thể hiện những tâm tư, những suy nghĩ và cả những chiêm nghiệm, đúc kết về cuộc đời, về người về mình một cách rất tự nhiên. Trong tác phẩm, những lời tâm sự của đồng chí Bí thư tỉnh ủy với

thầy giáo Toàn, những lời kết luận hay những suy nghĩ riêng của nhân vật Toàn khi chứng kiến nhiều sự việc, khi nghe đồng chí Bí thư kể chuyện đều là những hồi tưởng và chiêm nghiệm của nhà văn về thế sự, về cuộc đời. Tiểu thuyết xứng đáng với giải thưởng của Hội nhà văn Hà Nội năm 2009. Đọc “*Một mình một ngựa*”, dễ dàng nhận thấy đây là tiểu thuyết mang tính tự thuật khá rõ: phải chăng anh giáo Toàn trong chuyện chính là tác giả? Một nhà giáo có tâm lòng trong sáng, trung thực nên mới có người học trò như anh lính cao xạ Trương Công Phiêu ra trận vẫn nhớ những lời giảng bình văn của thầy Toàn, vẫn nhớ về Hà Nội, về những người thân bằng tình cảm chân thật, thiêng liêng làm ta rung rung khi đọc. Các nhân vật khác như chánh văn phòng Duyên, phó văn phòng Kiên, anh Đích lái xe, cô Tĩnh văn thư được Ma Văn Kháng xây dựng tinh tế với nhiều chi tiết sống động, đặc biệt làm người đọc nhớ mãi.

Cuốn tiểu thuyết này là cuốn tiểu thuyết gần với sự thật với tính tự truyện - nó là một phần của cuộc đời ông. Trong suốt chặng đường sáng tác của mình, Ma Văn Kháng theo đuổi hai mảng đề tài lớn, là miền núi và thành thị, cụ thể hơn là người trí thức thành thị. Trái dài cuộc đời và sự nghiệp của mình qua hai thế kỷ, chứng kiến bao “vật đổi sao dời” của thời cuộc, nhà văn Ma Văn Kháng nhìn thấu lẽ đời, vì mỗi phút giây, ông đã sống tận cùng với chính mình. Ông tâm niệm: “Có vẻ đẹp nào mà không cần được thử thách! Nhân cách chỉ tỏa sáng trong những cảnh huống tưởng như không thể chịu được”. Trên con đường khắc nghiệt của văn chương, Ma Văn Kháng đã thực sự “một mình một ngựa”, trong nỗi cô đơn dằng dặc, không ngừng tìm kiếm những giá trị vĩnh cửu của đời sống, mà nếu không có nó, con người không có điểm tựa để đi về phía trước... Có lẽ bởi vậy mà trong số gần 20 tiểu thuyết trải dài theo cuộc đời ông, “*Một mình một ngựa*” chiếm vị trí đặc biệt, là dấu ấn tạo nên chân dung Ma Văn Kháng rõ rệt, đầy đủ, cô đọng nhất và cũng ngời sáng vẻ đẹp hào hùng.

### **Tiểu kết chương 1**

Nghiên cứu về tác giả Ma Văn Kháng với quá trình sáng tác dày dặn của ông ở nhiều các thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, tiểu luận; Đi sâu tìm hiểu và phân tích những quan niệm nghệ thuật của nhà văn, đặc biệt là những quan niệm nghệ thuật ở thể loại tiểu thuyết giúp chúng ta có cơ sở vững chắc để hiểu về vị trí của nhà văn, vị trí những tác phẩm cũng như những đóng góp của Ma Văn Kháng đối với nền văn xuôi Việt Nam. Bên cạnh đó, việc tìm hiểu đặc trưng phong cách nghệ thuật của nhà văn trong tác phẩm nổi bật “Một mình một ngựa”, sẽ giúp chúng tôi nhận định được vị trí của tác phẩm này trong cuộc đời sáng tác của Ma Văn Kháng là nền tảng đưa đến cái nhìn toàn diện hơn về tác phẩm nói riêng, về tiểu thuyết của ông nói chung. Đồng thời, đặt tác phẩm “Một mình một ngựa” trong một nghiên cứu riêng để thấy được dấu ấn quan trọng của tiểu thuyết này trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn.

## **Chương 2 – Cảm hứng hồi cố - Triết luận và yếu tố tự truyện trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng**

### **2.1. Cảm hứng hồi cố, triết luận trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng**

#### **2.1.1. Cảm hứng hồi cố gắn bó với cảm hứng triết luận**

Tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” lấy bối cảnh ở O tròn (nơi sơ tán của cơ quan tỉnh ủy Hoàng Liên trong những năm chống Mỹ) với các nhân vật trung tâm là những người cộng sản trong tỉnh ủy: Năm ông thường vụ, năm ông trợ lý và gần chục cán bộ văn phòng tỉnh ủy. Cuộc sống và những cảnh đời của các nhân vật như ông Bí thư Quyết Định, ông trợ lý Đồng, cô Yên... được kể lại qua một nhân vật mang tên Toàn chuyên đổi môi trường sống, từ một cán bộ

trong ngành giáo dục được tổ chức điều động trở thành thư kí riêng cho bí thư tỉnh uỷ một tỉnh miền núi.

Nhà văn Ma Văn Kháng từng tiết lộ khi tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” còn chưa xuất bản, rằng “*Một mình một ngựa*” mang dáng dấp một cuốn tự truyện. Tác giả đã dùng chính những quan sát, trải nghiệm của mình trong thời gian làm thư ký cho Bí thư Tỉnh uỷ Lào Cai, với những chuyện mắt thấy tai nghe để đưa vào tác phẩm. Có lẽ bởi thế mà, xuyên suốt tác phẩm “*Một mình một ngựa*” là cảm hứng hồi cố gắn bó với cảm hứng triết luận. Tất cả những con người, những tính cách, những số phận, những công việc diễn ra ở một cơ quan lãnh đạo cao nhất trong một tỉnh miền núi lần lượt được kể lại, được soi rọi qua nhãn quan của nhân vật Toàn – nhân vật chính thứ hai sau ngài Bí thư Tỉnh uỷ trong tiểu thuyết.

Hồi cố là từ ghép từ “Hồi kí” và “Biến cố”. Theo từ điển tiếng Việt, 1992, do Hoàng Phê chủ biên, “*Hồi kí là thể ghi lại những điều còn nhớ sau khi đã trải qua, đã chứng kiến sự việc*” [28, tr. 459]; “*Biến cố là sự việc xảy ra có tác động hơn đến đời sống, biến cố lịch sử, sự kiện, việc xảy ra có tính chất ngẫu nhiên*” [28, tr. 77]. Từ đó, có thể hiểu *Hồi cố* là việc hồi tưởng lại, nhớ lại những sự kiện, biến cố đã xảy ra trong quá khứ và không một cảm hứng nào phù hợp hơn để tác giả hồi tưởng lại quá khứ của mình và khắc hoạ chân dung tự họa của mình.

Bằng những hình tượng nhân vật đặc sắc và thể giới nghệ thuật sinh động, giàu sức ám ảnh, khơi gợi tranh luận, đối thoại, Ma Văn Kháng đã dựng lại cả một đoạn đời ông sinh sống và làm việc ở Lào Cai. Đọc tiểu thuyết, chúng ta dễ dàng thấy được dòng cảm xúc hồi tưởng của ông qua những cuộc đối thoại, những lời tâm sự của nhân vật Toàn với đồng chí Bí thư tỉnh uỷ Quyết Định, qua những câu chuyện của các nhân vật trong văn phòng tỉnh uỷ kể lại cho nhau nghe, kể lại cho anh giáo Toàn trong những ngày đầu anh mới đến nhận công tác. Và đi kèm sau những dòng cảm xúc hồi tưởng ấy là những suy

tư của các nhân vật như một cách ẩn dụ thể hiện những khái quát, đánh giá của nhà văn về những sự kiện mà ông nghe thấy và chứng kiến.

Cảm hứng hồi cố gắn bó với cảm hứng triết luận là sợi chỉ đỏ xuyên suốt và tạo nên sự khác biệt của “*Một mình một ngựa*”. Chính bởi thế, trong tiểu thuyết này, Ma Văn Kháng lựa chọn lối kể chuyện theo trình tự của thời gian, không phá cách, không gây sự cuốn hút bằng cách tạo ra bố cục lạ, khiến người ta phải giật mình nhưng người đọc vẫn say mê, hứng thú và đi theo sự “dẫn dụ” của nhà văn. Dòng sự kiện dần hiện ra theo từng nấc thời gian từ khi anh giáo Toàn bắt đầu bước vào nhận công tác ở O tròn cho tới tận lúc kết thúc truyện là một cuộc chuẩn bị ra đi. Và trước cái nhìn của Toàn, nhân vật và các sự kiện lần lượt xuất hiện, bộc lộ bản chất sâu kín của nó. Những quan sát, chiêm nghiệm của Toàn là tiếng nói của chính nhà văn.

Trong dòng cảm xúc hồi cố, những nhân vật trong tiểu thuyết hiện ra theo bước chân của Toàn về tới O tròn. Nhưng người lãnh đạo đứng đầu, ông Quyết Định, người đã điều chuyển Toàn về O tròn lại xuất hiện sau cùng, sau đám cán bộ văn phòng tinh uỷ, sau các uỷ viên thường vụ và sau cả Yên, người vợ xinh đẹp, dạt dào sức sống của ông. Đó là hình ảnh sáng chói và đường nét nhất: Luôn vững vàng, bách chiến bách thắng, là sự từng trải và khôn khéo ở hội nghị Mường Thông. Đó cũng còn là vẻ đẹp kiêu hùng khi đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ một mình một ngựa vào tận hang ổ của thổ ty, chúa đất trong quá khứ. Hình ảnh đẹp đẽ, tráng lệ ấy trở đi trở lại trong suy nghĩ của Toàn, khơi nguồn cảm hứng cho những suy ngẫm về con người, thời đại và lịch sử, thời đại mà: “Ông và thế hệ ông không thể cưỡng, không được phép cưỡng lại”. Nhà văn cũng luôn tự suy tư, bộc lộ những nghiền ngẫm của mình thông qua lời nhân vật. Lần đầu tiên được chứng kiến tài năng lãnh đạo của người bí thư tỉnh uỷ ở hội nghị Mường Thông, Toàn thấm thía rằng: “Chính trị là thủ đoạn, là quyền biến, là sự từng trải... hơn nữa còn là sự mê hoặc...” [17, tr. 47]. Toàn cũng dành nhiều thời gian cho không gian riêng của mình: Ký ức tình yêu, nỗi nhớ nhung, thêm

khát hơi ấm gia đình, lòng yêu nghề dạy học và nỗi tủi hổ, uất ức khi bị coi thường, nghi vấn....

Tuy vậy, sức nặng của cảm hứng hồi cố đang xen yếu tố triết luận không chỉ ngự trị một điểm nhìn duy nhất, tác giả đã khéo léo di chuyển điểm nhìn và thể hiện ở những nhân vật khác. Đó là ông Quyết Định với những phút giây hồi tưởng kể cho Toàn nghe về một thời trai trẻ, trải qua khoảnh khắc chói lọi lạ lẫm, một tuổi trẻ hào hùng và lãng mạn với tình yêu ngọt ngào của Yên. Ánh hào quang của quá khứ hắt chiếu vào thực tại, đường đường là một bí thư tỉnh uỷ quyền uy nhưng ông lại bất lực trong chính bản thân mình với những tâm sự sâu kín. Ông đến Pha Linh với nỗi niềm lo lâu vì vùng đất xa xôi này chưa dựng nhiều nhân tố không ổn định mà ông là người cần tìm ra nguyên nhân, ông biết: “Cách mạng là một cuộc giành giật quyền lực. Nhưng giành giật quyền lực đã khó mà bảo vệ giữ gìn nó còn khó hơn”. Đó là suy nghĩ nghiêm túc của một nhà chính trị từng trải, lão luyện. Trong cuộc sống riêng tư, ông trải qua nhiều dằn vặt hơn bởi ông hiểu rất rõ tình cảnh của mình trước người vợ có vẻ đẹp sinh toả, nồng nàn sức sống mà không phải lúc nào ông cũng có thể đáp ứng được. Di chuyển điểm nhìn vào từng nhân vật khiến sự trần thuật trở nên phức hợp đa tuyến, tiểu thuyết đi sâu vào thế giới bên trong con người, mở rộng nhận thức hiện thực, tạo nên sự đa nghĩa, nhiều tầng của tác phẩm.

Trong “*Một mình một ngựa*” ý thức viết tiểu thuyết là rõ ràng nhưng vẫn bị chi phối bởi những cảm hứng hồi cố mặc dù cái tôi tác giả không lộ diện mà được đại diện bởi nhân vật Toàn. Từ sự miêu tả khá hài hước về một thời kỳ đã qua, những cuộc họp tổng kết, các báo cáo điển hình lê thê, lủng củng số liệu, giống nhau như cùng một khuôn đúc, đến nỗi: “Chả cần nghe vì biết tổng là nó viết theo mẫu có sẵn, nó toàn nói dối cho vừa lòng cấp trên thôi” những kế hoạch to tát, khẩu hiệu âm ỉ nhưng chỉ là ảo tưởng, thiếu thực tế như chủ trương trồng lúa mì và đưa máy cày lên xới đất ở Na Ảng. Đây cũng là những ký ức được lưu giữ về một thời kỳ đã qua từ trải nghiệm và đúc kết một quãng đời



của nhà văn Ma Văn Kháng. Có lẽ bởi vậy mà trong “*Một mình một ngựa*” cảm hứng hồi cố luôn gắn bó với cảm hứng triết luận, giúp người đọc có thể cảm nhận được chân dung một thế hệ, một lớp người được hình thành từ cuộc cách mạng, tuy ít nhiều còn thiếu tầm nhìn và tri thức nhưng vẫn còn vẻ hồn nhiên, chất phác và tốt bụng.

### ***2.1.2. Những triết lý nhân sinh vừa sâu sắc, nhân văn, vừa không né tránh các vấn đề gai góc của đời sống xã hội***

Ma Văn Kháng là người sống kỹ lưỡng. Đọc các tác phẩm của ông, ta thấy rõ nhà văn là người có tâm vì sự tích lũy và vận dụng được nhiều tri thức đông tây, kim cổ. Có lẽ cũng bởi vậy mà trong mỗi sáng tác của ông, chúng ta luôn tìm thấy những triết lý nhân sinh sâu sắc được ông lồng ghép trong mỗi câu chuyện cụ thể. Ma Văn Kháng là nhà văn ưa triết lý, giọng điệu triết lý của nhà văn ở thể loại tiểu thuyết thể hiện rất rõ qua từng chủ đề, qua lời người kể chuyện và lời của nhân vật.

Chủ đề, đề tài triết lý trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng phong phú, đa dạng và sâu rộng. Nội dung triết lý bao quát rộng lớn nhiều vấn đề trong cuộc sống, thể hiện tâm tư tưởng của nhà văn, thái độ nhà văn với cuộc đời. Trong tiểu thuyết sử thi, yếu tố triết lý thường hướng vào những nội dung mang tính chất chính trị như dân tộc, lịch sử, cách mạng có ý nghĩa như phân tích, giải phẫu khái niệm nhưng được diễn đạt bằng một giọng điệu bình tĩnh, giản dị, sâu sắc, thấm thía. Hay đôi khi, ở một góc nhìn khác, giọng điệu triết lý không còn mang tính chất ca ngợi, tôn vinh mà lại có yếu tố hoài nghi, đôi lúc gần như giễu nhại. Và ở giai đoạn sau, với sự vận động trong tư duy nghệ thuật, Ma Văn Kháng đã hướng tư duy triết lý tới con người vừa phi thường vừa bình thường (thậm chí tầm thường) và các vấn đề xoay quanh nó ở tất cả mọi lĩnh vực đời sống.

Ở “*Một mình một ngựa*”, tác phẩm mang tính tự truyện rõ rệt nên những triết lý nhân sinh sâu sắc nhưng không hề né tránh các vấn đề gai góc của đời

sống xã hội lại càng được bộc lộ rõ. Như triết lí về cách mạng qua cái nhìn của ông Quyét Định: “Chính trị là thủ đoạn, là quyền biến, là sự từng trải, là một thái độ khẳng định và khéo léo” [17, tr. 44], “Một cuộc cách mạng không thể triệt tiêu lợi ích cá nhân...vấn đề của cách mạng là giải phóng sức mạnh cá nhân [17, tr. 99]. Hay triết lí mang tính phân tích mổ xẻ: “Cách mạng không chỉ nảy sinh ra những anh hùng, cách mạng còn hàm ẩn trong nó cả sự hỗn độn...nuôi dưỡng các thực thể hồn mang, các quái trạng, cặn bã” [17, tr. 170]. Và “Chủ nghĩa tập thể thô sơ triệt tiêu cá nhân là...tiền đề sinh ra tầng lớp lãnh đạo đặc quyền đặc lợi” [17, tr. 345]. Mượn lời nhân vật, Ma Văn Kháng đã gián tiếp thể hiện quan điểm, cái nhìn của mình về các vấn đề chính trị, xã hội và thể hiện quan điểm triết lí nhân sinh sâu sắc nhưng cũng trực tiếp, thẳng thắn đến vấn đề gai góc của đời sống xã hội một cách dửng dưng.

Những thủ đoạn chính trị của những kẻ tham chức cố quyền, đó là mặt trái của cách mạng có khi làm tha hóa con người, đó là một chủ nghĩa tập thể đã tạo tiền đề sinh ra tầng lớp lãnh đạo đặc quyền đặc lợi, vì quyền lợi cá nhân mà họ bị tha hoá, biến chất. Nhà văn đã khéo léo triển khai cấu trúc tự sự của mình, những sự kiện lịch sử dày đặc được đan xen với chân dung con người mang nét đặc sắc cá tính riêng mà qua lời bình luận thiên về chủ quan rất hóm hỉnh, mạch trần thuật càng bộc lộ rõ như một đặc điểm nổi bật thể hiện quan điểm triết lí nhân sinh của ông. Có lẽ bởi thế, trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*”, với mỗi sự kiện được hồi cố, ở mỗi một góc nhìn, nhà văn lại đưa ra những triết lí nhân sinh rất xác đáng. Như có những lúc giọng điệu triết lí ấy là sự tôn vinh giá trị người “Con người ta, chỉ đích thực khi nó là một cá nhân”, “Con người ta trước hết là một cá nhân” [17, tr. 99]. Và mỗi cá nhân ấy “Muốn hạnh phúc con người phải có thời gian cho mình” [17, tr. 332]

Anh giáo Toàn, trong cái nhìn về cuộc đời, khi chứng kiến sự kết thúc của một con người từng phi thường ở một thời lửa đạn, một nhân cách oai hùng trong tàn lụi cũng dấy lên đầy nỗi xót xa. Anh xót xa cho cuộc đời mình và cho

cả những con người của một thời đã qua không trở lại ấy, anh thấy “nhọc nhằn quá, cuộc sống có bao giờ hiện ra ở hình thái hoàn hảo đâu...chả ai sung sướng trọn vẹn cả”. Nếu không có sự trải nghiệm, không có những tổng kết, suy ngẫm từ cuộc sống, hẳn anh giáo Toàn không thể có những suy nghĩ đầy triết lí ấy.

Những triết lí nhân sinh của Ma Văn Kháng ở “*Một mình một ngựa*” còn là cách nhìn người của tác giả qua tướng mạo của mỗi nhân vật. Ông tập trung miêu tả từng nhân vật với ngôn từ riêng, riêng từ ngoại hình, ánh mắt, cử chỉ, lời nói để từ đó nhân vật bộc lộ tính cách, tâm lý mình. Như khi nghĩ về ông Quyết Định, Toàn tự hỏi “Sức mạnh nào làm nên nội lực của ông Quyết Định vậy?... Nhớ lại hình ảnh ông cô độc mà vững chãi như tượng đài khi đứng trên diễn đài ở Hội nghị Tổng kết nông nghiệp vừa rồi, cuối cùng thì Toàn hiểu, sau ông, trong ông là đoàn thể, là cả một cuộc cách mạng long trời lở đất, là cả đất nước đang sôi trào khí thế quật cường. Toàn hiểu, thời đại đã đẩy ông lên vị trí ấy, đã cho ông giá trị ấy. Ông và thế hệ ông không thể cưỡng, không được phép cưỡng lại” [17, tr. 56]. Như vậy, chỉ từ lời nói, hành động của ông Quyết Định, Toàn đã ngẫm nghĩ, đã phân tích và đã tự đưa ra những nhận định của mình về tính cách, về phẩm chất con người ông Quyết Định, để nhận thấy sự oai phong và tố chất lãnh đạo của ông, mặc dù chỉ từ một sự kiện ở hội nghị tổng kết Mừng Thanh mà thôi. Hoặc như khi nghĩ về ông Đồng, lúc đầu Toàn nghĩ, chân dung ông Đồng đẹp quá trong hồi tưởng của ông Quyết Định. “Còn bây giờ thì đúng là ông Đồng có tầm kiến văn, có nghĩa khí, ăn nói táo bạo, và thâm thúy thật...Nghe ông Đồng..vừa ăn xiu dề cá vừa bình phẩm từng ông Thường vụ, thì Toàn nửa tin nửa ngờ. Căn cứ vào kỳ hình dị tướng để đặt ra các hỗn danh châm chọc, hoặc dựa vào đôi ba nét yếu nhược để quy kết thành một tính cách, thói thường xưa nay vẫn vậy.... Tuy vậy, trong cái xô bồ phổ biến thường quy ấy, Toàn vẫn có thể lọc ra được đôi ba nét phác thảo về từng người...Gây cười cho mọi người là hai ông Lanh và Đình...Ông Đình thiếu tá...mặt mũi thì sáng sủa vậy mà sao đàn quá...”. Toàn đã rất tinh tế, lẳng lẳng quan sát từng nhân vật khi anh tiếp xúc và lẳng lẳng tự đánh giá, nhìn nhận về từng người và

đổi với mỗi người mà Toàn gặp, sự quan sát tỉ mỉ của Toàn đã giúp Toàn có những đánh giá rất xác đáng về con người họ. Ma Văn Kháng đã khéo léo đưa những triết lý nhân sinh sâu sắc vào những trang văn của mình, từ sự quan sát tương mạo theo kinh nghiệm dân gian, nên dù tiểu thuyết này chỉ xoay quanh sự kiện, tình huống gây mâu thuẫn nhưng không có quá nhiều xung đột, những mưu mô đấu đá giữa các phe phái cũng không diễn ra nảy lửa, nhưng “*Một mình một ngựa*” vẫn có những tuyến nhân vật “kỳ hình dị tướng” để rồi “trông mặt mà bắt hình dong”, người có tâm địa xấu thì lộ ra tướng hình như Trần Quán, như ông Kiến, một con người hợm hĩnh có “một gương mặt dài, lông mày xéch chéo, đầu tóc rậm rì” [17, tr. 20]; như nhân vật Văn Hiến, con người cơ hội, thủ đoạn : “Người thì loắt choắt như hột lạc kẹo.. trạc năm mươi. Thấp bé. Còi cọc. Đầu to. Mặt kên kên. Mắt trái có lệ, lại hơi ngường thiên” [17, tr. 20].

Không có nhiều đột phá, cách tân trong nghệ thuật tự sự nhưng “*Một mình một ngựa*” vẫn hấp dẫn ở cách kể chuyện tạo được những điểm nhấn ấn tượng. Tự thân những câu chuyện đời thường của một không gian mới lạ, những kiểu người đa dạng được viết bằng ngôn ngữ đời sống linh hoạt đã có sức thu hút người đọc. Sự lồng ghép những trang nhật ký của nhân vật, xen những đoạn trữ tình, ghi chép lại khá nhiều thơ ca hò vè dân gian rồi đúc kết bằng những chiêm nghiệm của chính nhân vật đã gây ấn tượng sâu sắc. Đặc biệt, khi phân tích tâm lý con người ở khía cạnh bản năng, Ma Văn Kháng còn hướng những triết lý của mình tới tận những góc ngách sâu kín như đời sống tình dục, ân ái, giọng điệu triết lý đậm chất phân tích khi đối sánh quan hệ mang tính chất cá nhân ở cả hai phía.. Nhà văn hứng thú đi tìm những triết lý nhân sinh qua một hiện tượng đời sống cụ thể, một sự kiện cụ thể của nhân vật và từ đó mượn lời nhân vật nâng tầm khái quát thành những bài học cuộc sống, như trong tác phẩm “*Một mình một ngựa*”, tác giả mượn những suy nghĩ của nhân vật Toàn để thể hiện quan điểm của mình về hoạt động chính trị: “*Chính trị là thủ đoạn, là quyền biến, là sự từng trải, là một thái độ khẳng định và khéo léo*” [17, tr.

47]; hay từ sự kiện ông già cho thuê tám ván gỗ để bắc cho ô tô đi qua chỗ đất lờ, sau khi nghe Toàn nói, ông Quyết Định đưa ý kiến: “*Con người ta, đúng như Toàn nói, trước hết là một cá thể. Làm gì thì cũng không thể quên điều ấy. Nói rộng ra thì một cuộc cách mạng càng không thể quên điều ấy, không thể triệt tiêu lợi ích cá nhân được*”[ 17, tr. 107]. Những điều này đã làm nên một giọng điệu triết lý nhẹ nhàng mà sâu sắc thấm thía.

Giọng điệu triết lý của ngôn ngữ trong “*Một mình một ngựa*” xuất hiện ở cả ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vật. Trong ngôn ngữ người kể chuyện, theo mạch trần thuật, Ma Văn Kháng ưa thích đưa ra những triết lý từ giải phẫu, phân tích bộ mặt tinh thần xã hội. Người kể chuyện, như trong lời kể chuyện của ông Quyết Định, lại có dấu ấn triết lý độc thoại nội tâm mang đậm dấu ấn chủ quan. Nhà văn đã sử dụng giọng văn trần thuật để nhìn đối tượng trần thuật với góc nhìn gần gũi đến suông sã. Tác giả đôi khi có thể nhập vào vai nhân vật để nhờ tiếng nói nhân vật đưa ra những triết lý nhân sinh của tác giả. Giữa giọng điệu trần thuật và giọng nhân vật ở nhiều giai đoạn có thể hoà nhập làm một, người đọc khó có thể phân định được trong những dòng đối thoại đó đâu là tiếng nói, là suy nghĩ của nhân vật và đâu là ý tưởng của tác giả. Trong “*Một mình một ngựa*” có rất nhiều đoạn đan xen giữa lời thoại của các nhân vật là dòng suy tư cảm xúc độc thoại. Do đó, thời lượng dành cho độc thoại nội tâm ở tác phẩm tăng nhiều hơn. Đó là một dụng ý nghệ thuật của tác giả để nhà văn có thể một cách tự nhiên mượn nhân vật thể hiện quan điểm, triết lý của mình về những vấn đề con người, xã hội. Lấy ví dụ thống kê những triết lý bằng lời với 3 kiểu lời văn nghệ thuật trong tác phẩm, chúng ta có thể thấy rõ được bút pháp nghệ thuật đặc sắc của Ma Văn Kháng.

Lời trực tiếp	Lời gián tiếp	Lời nửa trực tiếp
16 lần	63 lần	45 lần

Sự đan xen hai điểm nhìn này ở người trần thuật trong sáng tác của Ma Văn Kháng rất tự nhiên, rất nhuần nhuyễn đến mức khó phân biệt, cho phép tác giả thoải mái thể hiện quan điểm triết lí nhân sinh sâu sắc của mình, mà vẫn không phải né tránh đề cập những vấn đề gai góc trong đời sống xã hội mà ông từng chứng kiến và đau đầu với nó.

### ***2.1.3. Cảm hứng hồi cố triết luận với yếu tố tự truyện trong “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng***

Tự truyện từ góc nhìn thể loại là “tác phẩm tự sự do tác giả viết về cuộc đời mình”. Trong tự truyện, nhà văn lấy chính mình qua những trải nghiệm đời sống ở những giai đoạn khác nhau như là nguyên mẫu, đưa vào tác phẩm qua hình tượng nghệ thuật. Ở tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” câu chuyện được kể lại không phải bằng ngôi thứ nhất mà là ngôi thứ ba – anh giáo Toàn. Nhà văn đã thông qua hình ảnh Toàn để trải mình ra trên giấy, để chia sẻ những cảm xúc, những suy tư, chiêm nghiệm và cả những triết luận của ông – một giáo viên dạy văn miền ngược, một con người luôn tự nghiền ngẫm cuộc sống và có sự độc lập trong tư duy. Nếu như trong một số tiểu thuyết thể tự truyện của Ma Văn Kháng yếu tố độc thoại nội tâm không rõ nét, đôi khi nó bị nhòa sang trữ tình ngoại đề của người kể thì ở tiểu thuyết có màu sắc tự truyện, Ma Văn Kháng đã khắc phục được nhược điểm đó.

Dòng tâm tư của Toàn được bắt đầu từ hiện tại, trở về với chuyến đi ngang quá khứ đưa anh sang một bên bờ khác. Bước sang bờ bên kia, dòng hồi tưởng của anh bắt đầu tuôn chảy. Nhân vật được khách quan hoá nhưng xuyên qua “lớp vỏ” đó lại là sự chủ quan hoá giàu biểu cảm của chính nhà văn. Với hình tượng người kể chuyện vừa khách quan, ở bên ngoài với diện nhìn rộng hơn so với nhân vật, biết hết mọi chuyện và người kể chuyện vốn là nhân vật trong truyện, có điểm nhìn đồng nhất với nhân vật. Ở tiểu thuyết này, nhà văn chỉ sử dụng bút pháp trích lọc thông tin thông qua lời thoại và có những điểm nhấn trong diễn ngôn, thúc đẩy sự việc diễn tiến theo dòng hồi ức. Tiếp đến là

những sự kiện tâm lý, hồi ức về các nhân vật trong dòng suy tư bắt đầu được Toàn kể lại trong sự vận động của thời gian hồi thuật. Ở giọng văn của nhân vật Toàn, tác giả mượn lời nhân vật để thể hiện trực tiếp cảm xúc, suy tư của mình khi chứng kiến những sự kiện, tiếp xúc với những con người trong O tròn đó. Và trong dòng tự thuật ấy, Toàn đã có những triết luận sâu sắc về con người, về cuộc sống. Trong cuộc họp hội nghị Mường Thông, khi chứng kiến ông Kế Lanh rời ông Mang, ông chủ nhiệm Sùng rời sau là cả hội trường liên tục tranh nhau bước lên diễn đài, Toàn chợt nhận ra tình cảnh này không phải hiện tượng cá biệt, nó “chính là một phần tư của bức tranh toàn cảnh các xã vùng cao hôm nay. Đời sống mười năm qua chẳng nhúc nhích được bao lăm, nếu không nói là thụt lùi. Miếng ăn cái mặc vẫn là nỗi lo toan thường nhật. Nương ruộng vẫn chỉ một vụ. Phá cây thuốc phiện thì được, nhưng lấy giống cây gì để thay thế thì chưa có...” [17, tr. 41]. Suy nghĩ của Toàn hay chính là sự lo lắng, là những nhận định rõ ràng về hoàn cảnh xã hội lúc bấy giờ mà tác giả tự khái quát lên? Hay như khi nghe ông Quyết Định nói trong cuộc tổng kết hội nghị, qua câu chuyện tiếp theo của người Bí thư, Toàn thấy rằng: “Chính trị là thủ đoạn, là quyền biến, là sự từng trái, là một thái độ khẳng định và khéo léo. Hơn nữa còn là sự mê hoặc” [17, tr. 47].

Nhưng điểm đáng chú ý trong tiểu thuyết, đó là sự hoà quyện giữa cảm xúc hồi cố triết luận với yếu tố tự truyện. Tác phẩm, thông qua sự hồi tưởng của nhân vật như nhân vật ông Bí thư tỉnh uỷ, trong mỗi sự kiện ngài Bí thư tỉnh uỷ kể lại cho Toàn nghe là sự đúc kết, là sự chiêm nghiệm về cuộc đời khi ông hồi tưởng lại quá khứ một thời oai hùng của mình. Câu chuyện Bí thư tỉnh uỷ: “Một mình một ngựa, (khắc điều khuỷ tu ma xông khấn), từ Yên Bái ngược lên, vượt sông Chảy, vào tận hang ổ của từng thổ ty, chúa đất, đối mặt với họ, thôi thì đủ, hết ra oai doạ dẫm lại lừa lọc trí trá” [17, tr. 55] đã khiến Toàn chợt nghiệm ra: “Thế đấy, một con người trong cuộc đời mình sao lại có những tháng ngày chói lọi lạ lẫm như lạc ra khỏi quỹ đạo đời người, đến nỗi sau này hồi tưởng lại đã có lúc không khỏi ngỡ ngác: Sao lại có những khoảnh khắc oai

hùng đẹp đẽ đến thế!” [17, tr. 56]. Không chỉ vậy, ở những câu chuyện về đàn ong giữa Toàn và ông Bí thư tỉnh uỷ, mượn hình ảnh đàn ong, ông Bí thư cũng đã có những triết lý sâu xa: “Con người có tư duy. Có khả năng phân tích, phán đoán, dự cảm tương lai. Con người có khả năng hiệu chỉnh bản thân mình...” [17, tr. 97]. Sự miêu tả hiện thực thông qua ngôn ngữ, dần dà trong từng sự kiện, ngôn ngữ miêu tả ấy đã dịch chuyển sang trần thuật qua thái độ đánh giá có ý thức của người kể với thông tin, được truyền tải lại theo chủ quan của Toàn thời hiện tại chứ không phải là đánh giá của Toàn ở chính thời điểm đó. Chính bởi vậy, những sự kiện theo dòng suy tư của Toàn mang yếu tố tự truyện rõ nét hoà quyện với cảm hứng triết luận sâu sắc do có những đánh giá chủ quan của Toàn, khi nhân vật đã trải qua thời kỳ đó và viết lại.

Bên cạnh đó, tính chất tự truyện ở nhân vật Toàn thể hiện độc đáo trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” với những chi tiết gần như trùng với đời thật của nhà văn: Sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, tham gia cách mạng ở Lào Cai, là một người thầy giáo, say sưa với sự nghiệp giáo dục, đang dạy học thì “được” chuyển lên làm thư ký cho bí thư tỉnh uỷ, có năng khiếu văn chương, có cái nhìn quan sát con người và cuộc sống một cách tinh tế và kỹ lưỡng. Anh đã gán bó một đoạn đời trai trẻ của mình ở mảnh đất biên ải tổ quốc cùng với những đồng chí trong một giai đoạn lịch sử đầy khó khăn. Thông qua nhân vật Toàn, Ma Văn Kháng đã lật dở sợi dây ký ức suốt mấy chục năm qua, như ánh hồi quang của một đoạn đời, từ những chất liệu và trải nghiệm của chính bản thân mình. Ông trải mình với những cảm xúc hoài niệm và những chiêm nghiệm về cuộc đời trong từng sự kiện, từng câu chuyện mà thầy giáo Toàn nhắc đến trong tác phẩm. Bởi vậy, dòng cảm xúc tự truyện luôn đan xen không tách rời với cảm hứng hồi cố triết luận.

“*Một mình một ngựa*” có cách kể truyền thống, kết cấu theo trục thời gian tuyến tính. Giọng kể quán xuyên tác phẩm là của người kể chuyện khách quan nhưng xuất phát từ nhân vật Toàn, một anh giáo trẻ được đẩy vào trong



một môi trường mới mẻ, lạ lẫm như kiểu nhân vật thử thách. Và trước cái nhìn của Toàn, không gian ấy được mở ra dần từng lớp, các nhân vật lần lượt xuất hiện và bộc lộ chân tướng. Những quan sát, chiêm nghiệm của Toàn mang đậm dấu ấn của bản thân nhà văn. Từ một quãng đời của nhân vật, ta có thể cảm nhận được chân dung một thế hệ, một lớp người được hình thành từ cuộc cách mạng: Nhiệt thành, năng nổ, tuy thiếu tầm nhìn và tri thức cũng như còn nhiều hạn chế nhưng vẫn còn vẻ hồn nhiên, chất phác. Dòng hồi tưởng của Toàn chứa đầy cảm xúc với cái nhìn nghiêm khắc bộc lộ nguyên tắc thẩm mỹ của một nhà giáo, thể hiện nhân sinh quan sâu sắc của người đã kinh qua rất nhiều những biến cố cuộc đời, đã va vấp với rất nhiều kiểu người trong xã hội. Trong những năm tháng cận kề bên ngài Bí thư tinh uy, Toàn chứng kiến tất cả những thủ đoạn chính trị trong nội bộ lãnh đạo, chứng kiến sự tranh giành quyền lực, sự kết thúc một cuộc đời, một nhân cách anh hùng trong tàn lụi. Và anh tự nghiệm ra nỗi xót xa cho chính cuộc đời mình và những con người của một thời đã qua không trở lại ấy bằng những lời tâm sự với bản thân: “Nhọc nhằn quá, cuộc sống có bao giờ hiện ra ở hình thái hoàn hảo đâu. Mọi người ai cũng như quả đấm với, ai cũng đánh vật với chính mình, chả ai sung sướng trọn vẹn cả”. Phải là người sống sâu sắc với chính mình, trải qua những tự nghiệm chân thực mới có thể đạt đến cái nhìn thể tất nhân tình như thế.

## **2.2. Nguyên mẫu và hư cấu nghệ thuật của Ma Văn Kháng trong “Một mình một ngựa”**

Trong tác phẩm “*Câu chuyện của một bộ tiểu thuyết*”, Nxb Tam Liên, Dẫn theo Lý luận văn học tập 2, Nxb Đại học Sư phạm 2008, Thomas Wolf cho rằng, một tác phẩm nghiêm túc suy đến cùng đều là có tính chất tự truyện, một người nếu muốn sáng tạo một cái gì chân thực và có giá trị thì phải sử dụng kinh nghiệm và tài liệu trong cuộc sống của mình. Kinh nghiệm và tài liệu cuộc sống đó là chính những sự kiện, sự việc mà người cầm bút đã từng chứng kiến, từng trải qua và nó gắn với một quãng thời gian trong cuộc đời của người cầm

bút, có sự chứng kiến của những nhân vật sống cùng thời. Quả thật, mỗi nhà văn khi cầm bút đều xuất phát từ nhu cầu giải phóng tư tưởng và bộc lộ cái tôi cá nhân, bởi vậy có thể tìm thấy ở mỗi trang viết những trải nghiệm, suy ngẫm và cái tôi rất riêng của họ. Nhà văn lấy chính cuộc đời mình làm chất liệu trong sáng tác là chuyện vốn không xa lạ. Mục đích của tự truyện là tìm hiểu một con người có thật với lịch sử hình thành nhân cách, còn tiểu thuyết mặc dù cũng sử dụng nhân vật, cốt truyện đó nhưng được hư cấu hoá. Ở tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*”, yếu tố tự truyện thể hiện rất rõ nét từ chính lời thú nhận của nhà văn Ma Văn Kháng: “Một mình một ngựa là đoạn đời mà bây giờ tôi mới viết ra để mọi người có thể hình dung đầy đủ về bản thân tôi. Cuốn sách là một nỗi nhớ cần được giải toả của tôi” [38, tr.5].

Ma Văn Kháng cũng thấy thích cuốn tiểu thuyết này vì theo ông nó là cuốn tiểu thuyết gần với sự thật – nó là một phần của cuộc đời ông. Vậy nên, những nhân vật và sự kiện trong tiểu thuyết hầu hết đều là những hình ảnh có nguyên mẫu trong đời thường, là những con người đã cùng sống và làm việc với nhà văn trong những năm tháng ông ở Lào Cai. Hơn bốn chục năm đã trôi qua, những nguyên mẫu cùng thời với nhà văn đều đã khuất bóng. Đó là đồng chí Bí thư tên Hoàng Trường Minh, đồng chí Phó bí thư Phạm Gia Tuân. Các uỷ viên Ban thường vụ Khánh Vinh, Việt Tiến... các cán bộ nhân viên văn phòng tinh uý: Duyên, Tiến, Bằng, Đông, Can, Mười...

Đầu tiên chúng ta dễ dàng nhận ra nguyên mẫu trong “*Một mình một ngựa*” chính là hình ảnh nhân vật chính – ông Bí thư tinh uý Quyết Định. Đã có không ít chi tiết có thật từ nguyên mẫu bí thư Trường Minh được chuyển dịch nguyên xi vào trong tác phẩm. Đó là tiểu sử oai hùng đời ông, là đức tính kiên trì chịu thương chịu khó, nhịn nhường tự trọng của ông. Ông đã “một mình một ngựa” đi vào sào huyệt của thổ ty, thuyết phục họ đi theo cách mạng. Ông đã tự tạo nên hình tượng người chiến sỹ hùng dũng. Cuộc đời ông, cuộc đời một con người say mê chiến công, oai hùng và cô đơn. Ông đã trải qua rất nhiều

tình huống gay cấn mà nhờ bản lĩnh ông đã vượt qua. Kể cả khuôn mặt vuông vức, cặp mắt một mí, đôi vai rộng, cánh tay căng nở và làn da thịt mỡ màng mềm nhũn. Tất cả đã ào vào từng trang tiểu thuyết của Ma Văn Kháng theo dòng chảy ký ức của nhà văn.

Người ta cũng có thể nhận ra nguyên mẫu ông uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ, Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh uỷ thời kỳ đó trong hình ảnh nhân vật Ké Lanh. Nguyên mẫu được thể hiện với những yếu tố gây cười cho mọi người, do những câu văn vắn cổ vũ phong trào và những lời nhận xét ấu trĩ, ngô nghê của ông.

Uỷ viên thường vụ Văn Hiến vẫn giữ nguyên một thân hình còi cọc, với con mắt có lệo, bước đi lắt nhắt cùng bản tính quyết đoán. Trong tiểu thuyết, Văn Hiến cũng vẫn là tác nhân của sự kiện làm cho chiếc máy kéo để trên nương dốc ở bản Na Áng.

Là nguyên mẫu nhân vật Đồng ở ngoài đời với ngoại hình ốm o bệnh tật, có lối nói táo tợn đốp chát, nhưng cũng có quá trình kinh nghiệm công tác cơ sở.

Là anh giáo Toàn, nhân vật chính của câu chuyện. Toàn từ một cán bộ trong ngành giáo dục được tổ chức điều động trở thành thư kí riêng cho bí thư tỉnh uỷ một tỉnh miền núi. Ở tiểu thuyết "*Một mình một ngựa*", câu chuyện được kể lại không phải bằng ngôi thứ nhất mà là ngôi thứ ba. Hình ảnh Toàn, với thành phần tiểu sử và diễn tiến số phận của anh là sự phản ánh tiểu sử, diễn tiến số phận của nhà văn. Anh là giáo viên dạy văn công tác ở một tỉnh miền ngược, sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, vợ con đã chuyển về sống ở thủ đô, có năng khiếu văn chương, thậm chí đến địa chỉ nhà của Toàn cũng là địa chỉ thật của tác giả ở Hà Nội. Và như vậy, nhà văn đã để chính mình trở thành nguyên mẫu và lọt vào những trang tiểu thuyết của chính mình. Trong tác phẩm, Toàn là nhân vật vừa đóng vai người tự kể chuyện của mình, vừa là nhân vật mà tác giả mượn hình ảnh để kể về cuộc sống xung quanh ông. Đó là cuộc sống với đầy những rắc rối trong các mối quan hệ. Những câu chuyện tưởng như rất đời

thường lại có một sự ảnh hưởng sâu sắc tới cuộc sống, số phận của từng nhân vật trong tác phẩm, cũng là những số phận mà ông đã từng chứng kiến trong quãng đời làm việc ở Lào Cai của mình.

Bên cạnh những nhân vật kể trên, trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” chúng ta còn có thể nhắc tới Yên – vợ của đồng chí Bí thư tỉnh uỷ Quyết Định. Vẻ đẹp của người đàn bà xuân sắc, phồn thực cũng được tác giả chuyển tải vào trong từng trang viết, khắc hoạ chân thực. Rồi những cán bộ nhân viên văn phòng tỉnh uỷ với những tên thật như Duyên, Tiến, Mười...vẫn được giữ nguyên làm tăng thêm yếu tố chân thực và hấp dẫn cho tiểu thuyết. Tất cả, cùng với những nguyên mẫu của sự kiện, biến cố trong tác phẩm trở nên sinh động vì tác giả đã dùng chính những quan sát, trải nghiệm của mình trong thời gian làm thư ký cho Bí thư tỉnh uỷ Lào Cai, với những chuyện mắt thấy tai nghe để kể lại cho chúng ta những câu chuyện sinh động một thời.

Văn học là tấm gương phản chiếu cuộc đời. Từ hàng trăm mảnh đời, từ hiện thực cuộc sống, các nhà văn đã tổng hợp, sáng tạo ra những hình tượng nghệ thuật có sức khái quát cao. Vì vậy, trong văn học người ta có thể tìm kiếm những mảnh đời có thật và đưa vào trang viết của mình qua những hư cấu, sáng tạo tạo thành nhân vật tiêu biểu, điển hình; thông qua nhân vật để phản ánh tâm tư, suy nghĩ của mình.

Đối với thể loại tự truyện, để đưa nguyên mẫu đời thường trở thành một nhân vật có tính tiêu biểu, khái quát cho cả một lớp người trong xã hội, nhà văn phải có bút pháp nghệ thuật riêng tạo ra được hình tượng văn học cho chính mình. Muốn vậy, trước tiên người viết phải biết lựa chọn những chi tiết thật đặc sắc, thật nổi bật từ chính nguyên mẫu, biết nhấn mạnh tới những sự kiện điển hình trong cuộc đời nguyên mẫu và từ đó, qua những thủ pháp nghệ thuật của mình, nhà văn sáng tạo nhân vật trong tác phẩm với hư cấu nghệ thuật để làm tác phẩm sinh động hơn, chân thực hơn, hấp dẫn hơn và quan trọng nhất là có được tính điển hình hơn so với ngoài đời. Muốn vậy, sự chú ý đặc tả nhân

vật từ ngoại hình cho tới tính cách và những diễn biến đời sống của nhân vật là sự cần thiết. Đây cũng là một phương diện để nhà văn thoả sức sáng tạo, đưa trí tưởng tượng của mình thổi hồn cho nhân vật.

“*Một mình một ngựa*” là cuốn tiểu thuyết thứ 13 của nhà văn Ma Văn Kháng nhưng lại là cuốn tiểu thuyết có vị trí đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác văn chương của ông, được giải thưởng của Hội Nhà văn Hà nội năm 2009. Dù tiểu thuyết này không có sự đột phá nào về bút pháp đã định hình phong cách nghệ thuật của Ma Văn Kháng nhưng nó vẫn được coi là thiên tiểu tuyệt tiêu biểu cho hình ảnh Ma Văn Kháng. Có lẽ bởi, ở “*Một mình một ngựa*”, tác giả đã đưa vào trang viết của mình khá nhiều nguyên mẫu đời thường, những người đã gặp, đã sống và làm việc cùng với ông trong suốt quãng thời gian 22 năm trên vùng cao biên ải Lào Cai và cũng có lẽ ở tiểu thuyết này, người đọc thấy được hình ảnh nhà văn Ma Văn Kháng rõ rệt hơn vì đã khắc hoạ chân dung đời thực của nhà văn. Với tài năng hư cấu nghệ thuật, những nhân vật trong tiểu thuyết của ông trở nên phức tạp và lý thú. Mỗi nhân vật là một số phận, có cá tính, có phẩm chất riêng và cũng có sự lôi cuốn riêng đối với người đọc.

“*Một mình một ngựa*” có cấu trúc chặt chẽ, các tuyến nhân vật và các chi tiết được lồng ghép xuyên suốt trong tác phẩm đã tái hiện cái đẹp và cái hạn chế của một thời đã đi vào quá vãng. Nhân vật Toàn trong tiểu thuyết chính là hiện thân của nhà giáo Đinh Trọng Đoàn, khi đang là giáo viên cấp III thì được điều động sang làm thư ký cho Bí thư tỉnh uỷ - một công việc trái với sở thích và nghề nghiệp của anh nhưng anh vẫn nghiêm chỉnh chấp hành. Để rồi từ đó, tất cả những con người, những tính cách, những số phận, những công việc diễn ra ở O tròn được soi rọi qua nhãn quan của Toàn. Đó là một Ban thường vụ gồm năm đồng chí và một bộ máy giúp việc. Họ đều là những con người trung thành, nhiệt tình cách mạng, yêu quý đồng bào, sẵn sàng hy sinh trước gian khó... Đó là những hình ảnh thật đẹp đẽ của một thời đã qua, cho dù những con người đó vẫn mang trong mình không ít nhược điểm và cả mặc cảm cô đơn

trước cuộc sống. Trong truyện, có nhiều đoạn tác giả đã có cái nhìn hài hước nhưng rất thật về một thời, một thế hệ cán bộ mang nhiều nét đẹp, lạ nhưng cũng đầy những bất cập. Ngôi bút của ông miêu tả từng nhân vật nhẹ nhàng, từ tốn và mang đầy sự cảm thông. Họ, những con người miền quê chân chất nhưng chính họ là những người đã làm nên cuộc cách mạng và phải khẳng định không có họ, không thể có ngày hôm nay. Như chia sẻ của Ma Văn Kháng, tiểu thuyết, tác giả có dụng ý : “Phác thảo một loạt chân dung một lớp người – một thế hệ cán bộ ở một thời điểm nhất định của đất nước, những tính cách giàu tính chân thực sinh động, như một đỉnh chính những ngộ nhận về họ ở cả hai phía cực đoan...”. Chính bởi thế, hình ảnh nguyên mẫu được nhà văn rất chú ý khắc hoạ, thậm chí có những chi tiết về nhân vật, nhà văn chuyển nguyên xi vào trong tiểu thuyết của mình. Mặc dù vậy, do “*Một mình một ngựa*” là tiểu thuyết mang dấu ấn tự truyện nên nó vẫn bị quy định bởi đặc trưng của thể loại. Nhà văn sử dụng lối kể chuyện theo dòng thời gian từ hiện tại trở ngược về quá khứ, tạo ra hiệu ứng nghệ thuật độc đáo. Tác giả đã quan sát nguyên mẫu ở ngoài đời rồi đưa vào từng trang sách của mình với những nét khắc hoạ riêng có. Và dù ở nguyên mẫu nào thì những nhân vật ấy cũng phải trải qua một quá trình nhào nặn không đơn giản trong trí não và ngôn ngữ của nhà văn mới có thể trở thành một thực thể văn chương, hài hoà trong hệ thống hình tượng của tác phẩm. Để rồi, khi đi vào những trang văn, những nguyên mẫu chỉ còn là một điểm xuất phát, một gợi mở, một ý niệm sơ khởi, với đôi ba nét giống, hoặc là một kẻ vừa lạ vừa quen. Ở bình diện nào thì những nhân vật ấy vẫn cần đến tài năng biến hoá, hư cấu của nhà văn và tất cả phải phục tùng ý đồ nghệ thuật của tác phẩm. Chính bởi thế, trong “*Một mình một ngựa*” hệ thống các nhân vật dù có yếu tố nguyên mẫu đã được tác giả hư cấu, cải biến bằng những thủ thuật cắt xén, lắp ghép, thêm bớt tạo nên một hệ thống nhân vật sinh động và mang đầy cảm xúc, suy tư.

Đầu tiên, có thể kể tới là ông Kế Lanh – uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ, Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh uỷ, có tính cách gây cười nhưng trong tiểu thuyết

của nhà văn, mọi hành vi của ông Ké Lan đã được rọi chiếu dưới ánh sáng của lịch sử và do đó ông không còn là một dị nhân chỉ đáng để giễu nhại, ngược lại ông đã được trân trọng và cảm thông. Vẫn là ông Văn Hiến với thân hình còi cọc nhưng trong “*Một mình một ngựa*” tính cách ông phức tạp hơn do chỗ ông vừa tiêu biểu cho tinh thần hăng say của một người lãnh đạo có trách nhiệm đồng thời cũng là một kẻ cá nhân chủ nghĩa, hay kèn cựa đồng nghiệp; và việc ông hủ hoá với nữ nhân viên là yếu tố được nhà văn thêm thắt để tăng kịch tính của câu chuyện. Và với nhân vật lão Đồng, tác giả đã hư cấu thành một nhân vật không mấy thiện cảm với lời nói táo tợn nhưng lại không có hành vi anh hùng. Còn nguyên mẫu Bí thư Trường Minh là nguyên mẫu được hư cấu nhiều hơn cả. Ông được tái tạo, được đổi tên là Quyết Định (tên này ngoài đời là của một người bạn ông). Ông có thêm một ông bố tên Nông Văn Phàn tai quái. Trong chuyện, ông cũng đã bị giáng cho một trận ốm thập tử nhất sinh và ông có một bà vợ đa tình đa cảm, sau này khi ông không còn đáp ứng được tình cảm và nhu cầu tính dục của vợ nữa thì nàng đã bội tình ông, cặp kè với một người khác. Mặc dù, ngoài đời thực, vợ của người Bí thư tinh uý ấy không phải là người đàn bà phản bội chồng mình.

“*Một mình một ngựa*” được viết bằng ngôn ngữ chất lọc, lựa chọn bối cảnh ở một địa bàn miền núi trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Tuy nhiên, đã là tác phẩm văn học, dù tác giả mong muốn đưa nguyên xi mẫu vào trong những trang viết của mình thì vẫn phải đảm bảo các yếu tố nghệ thuật để trở thành một tác phẩm văn học thực thụ. Chính bởi thế, Ma Văn Kháng sử dụng các nguyên mẫu có trong đời thực mà ông đã từng gặp, từng làm việc cùng nhưng bên cạnh đó tác giả vẫn sử dụng các bút pháp nghệ thuật để tạo dựng nhân vật có tính cách, có tâm hồn rõ rệt hơn, phù hợp với dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Sự hư cấu đối với nguyên mẫu trong “*Một mình một ngựa*” là sự hư cấu nghệ thuật cần có và đạt tới độ nhuần nhuyễn, tinh xảo, tạo nên đặc sắc cho tác phẩm. Ở mỗi nhân vật, nhà văn đã biết cách khai thác những yếu tố đặc trưng mà qua đó giúp người đọc có

thể hình dung rõ nét về bức tranh đời sống xã hội thực tế đã diễn ra trong giai đoạn lịch sử của nước ta ở miền núi Tây Bắc nói chung, Lào Cai nói riêng.

Thành công lớn nhất của Ma Văn Kháng là đã đưa vào “*Một mình một ngựa*” tất cả những con người đời thực mà ông biết, xoay quanh cuộc sống của ông ở giai đoạn đó. Nhà văn đã miêu tả chân thực về họ, từ ngoại hình đến tính cách, cảm xúc và tâm tư, thậm chí ông cũng đưa vào tác phẩm của mình rất nhiều những sự việc, sự kiện có thật đã từng xảy ra trong đời sống thực của họ. Và với nguyên tắc điển hình hóa, với sự sáng tạo nghệ thuật tài tình của Ma Văn Kháng, mỗi một con người ấy lại trở thành một đại diện cho một mẫu người trong đời sống xã hội. Nhà văn đã kết hợp nhuần nhuyễn nhiều biện pháp khai thác nhân vật như dựa vào những thông tin tư liệu thực để dựng lên câu chuyện về một thời kỳ, tái hiện lại hình ảnh của nhân vật có thật nhưng đồng thời cũng sử dụng trí tưởng tượng của mình để hư cấu nhân vật, khắc hoạ thêm cho nhân vật những nét độc đáo từ ngoại hình đến nội tâm. Vậy nên, đúng như cách nói của PGS.TS Lưu Khánh Thơ: đã là văn học phải có hư cấu và đọc văn phải khác đọc sử. Sự hoà quyện giữa nguyên mẫu và sự hư cấu nhân vật trong “*Một mình một ngựa*” đạt được tới độ tinh tế, tinh xảo. Và đó là điểm hấp dẫn, lôi cuốn nhất đối với người đọc. Từ đó, tác phẩm giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn, cảm thông hơn với một thế hệ vừa anh hùng vừa đời thường, ở một thời đại có những biến cố lịch sử dữ dội, vừa đáng ngợi ca, trân trọng, vừa cần được cảm thông cho những áu trí, sai lầm tất yếu của một thời.

## **Tiểu kết chương 2**

Chất đời thường dung dị là đặc điểm nổi bật của nghệ thuật tự sự trong tác phẩm về thế sự, đời tư của Ma Văn Kháng. Theo bước chân tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” với hệ thống các nhân vật bao gồm những con người thuộc giới trí thức có tài năng, tâm huyết, có đời sống nội tâm sâu sắc nhưng thiếu ý chí và bản lĩnh để hoàn thành sứ mệnh của mình; những kẻ có quyền hành, địa vị không tương xứng với năng lực, phẩm hạnh; những thiếu phụ giàu cá tính và giàu ham



muốn...hệ thống ngôn ngữ giàu tính triết lý hài hoà với ngôn ngữ đời thường mộc mạc, nhiều màu sắc là những giá trị tạo nên thành công cho “*Một mình một ngựa*”. Thành công khác ở tiểu thuyết này mà trong toàn bộ chương 2 luận văn đã phân tích và chỉ ra, đó chính là sự kết hợp khéo léo giữa của hứng hời cố gắng bó với cảm hứng triết luận. Chính sự kết hợp này đã giúp Ma Văn Kháng thể hiện những triết lý nhân sinh vừa sâu sắc, nhân văn nhưng không hề né tránh các vấn đề gai góc của đời sống xã hội. Đồng thời, việc sử dụng nguyên mẫu và những hư cấu nghệ thuật của Ma Văn Kháng trong “*Một mình một ngựa*” đã giúp nhà văn sáng tạo, đưa trí tưởng tượng của mình thổi hồn cho các nhân vật và đó cũng là yếu tố tạo nên đặc sắc cho tác phẩm này của ông, khẳng định chỗ đứng của tác phẩm trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn, mặt khác góp phần đổi mới sự đổi mới nghệ thuật văn xuôi hiện đại Việt Nam cuối thế kỷ XX.

### Chương 3 – Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết

#### “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng

#### 3.1. Các kiểu loại nhân vật trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa” của Ma Văn Kháng

Nhân vật văn học là con người được nhà văn miêu tả trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Nhân vật văn học có thể là con người có tên (như Tấm Cám, Thuý Vân, Thuý Kiều, Từ Hải, Kim Trọng...), có thể là những người không có tên (như thằng bán tơ, viên quan, mục quản gia...) hay có thể là một đại từ nhân xưng nào đó (như một số nhân vật xưng tôi trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình – ta trong ca dao...) Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên hai phương diện: số lượng: Hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng: Dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỷ, đồ vật... nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người.

Trong nhiều trường hợp, khái niệm nhân vật được sử dụng một cách ẩn dụ nhằm chỉ một hiện tượng nổi bật nào đó trong tác phẩm. Chẳng hạn, người ta thường nói đến nhân dân như là một nhân vật trung tâm trong Chiến tranh và hoà bình của L.Tônxtôi, *Ca cao là nhân vật chính trong Đất dữ của G. Amadô*, chiếc quan tài là nhân vật trong tác phẩm Chiếc quan tài của Nguyễn Công Hoan... Tô Hoài nhận xét về Chiếc quan tài: “Trong truyện ngắn Chiếc quan tài của Nguyễn Công Hoan, nhân vật không phải là người mà là một chiếc quan tài. Nhưng chiếc quan tài ấy chẳng phải là vô tri mà là một sự thâm trầm, một bản án tố cáo chế độ thối thời Pháp thuộc. Như vậy, chiếc quan tài cũng

là một thứ nhân vật”. Tuy vậy, nhìn chung, nhân vật vẫn là hình tượng của con người trong tác phẩm văn học.

Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có tính ước lệ, có những dấu hiệu để nhận biết: tên gọi, tiểu sử, nghề nghiệp, đặc điểm riêng... Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó.

Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời. Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật thể hiện. Do nhân vật có chức năng đó nên trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống. Nhân vật văn học là một hiện tượng hết sức đa dạng và là yếu tố chính trong mỗi tác phẩm. Những nhân vật được xây dựng thành công từ xưa đến nay bao giờ cũng là những sáng tạo độc đáo, không lặp lại. Với ý nghĩa này, việc tìm hiểu các kiểu nhân vật để hiểu rõ ý đồ của Ma Văn Kháng khi viết tiểu thuyết “Một mình một ngựa” là phương cách để hiểu rõ nhất về tác phẩm của nhà văn.

### ***3.1.1. Kiểu nhân vật lý tưởng – bi kịch***

Sự chuyển đổi không gian sống và làm việc, bối cảnh đời sống thành thị những năm sau chiến tranh với những biến động sâu sắc đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng nghệ thuật Ma Văn Kháng. Nếu ở tiểu thuyết sử thi, chất anh hùng chiếm ưu thế, các nhân vật lý tưởng luôn ở vai trò thắng cuộc, những bi kịch của nhân vật mang màu sắc xã hội thì đến tiểu thuyết thế sự đời tư, chất bi lại là điểm nổi trội. Do đó, trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng, ta thấy xuất hiện một kiểu nhân vật khá độc đáo – nhân vật lý tưởng – bi kịch. Tuýp nhân vật

này có trong nhiều tác phẩm của nhà văn. Ở “*Một mình một ngựa*” nhân vật bi kịch hiện diện là những tri thức chân chính bảo vệ bình yên cho cuộc sống nhưng chính bản thân họ lại đối mặt hàng ngày với bi kịch đời sống có tên và cả không tên. Trong bi kịch ấy, thế giới tâm hồn và tính cách, những ẩn ức, khao khát, ước vọng, vừa lý tưởng vừa rất đời thường cứ trở đi trở lại trong từng sự việc, từng suy nghĩ của nhân vật. Ma Văn Kháng đi nhiều, viết nhiều, có sự trải nghiệm cuộc sống và tinh tế trong quan sát, đã sử dụng những chất liệu từ cuộc sống để đưa vào từng trang văn của ông. Có lẽ bởi thế, câu chuyện trong những năm chiến tranh chống Mỹ - câu chuyện của hai lớp nhân vật một là Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đứng đầu là Bí thư Quyết định và hai là lớp những người trợ lý giúp việc cho Thường vụ, trong đó có Toàn – một giáo viên dạy văn bị miễn cưỡng điều sang làm thư ký cho Bí thư đã gây được sự chú ý đặc biệt. Cuộc sống những năm chiến tranh ở một tỉnh nhỏ đã lôi cuốn mọi người vào lòng nó nhẹ nhàng, giản dị qua từng trang bút của Ma Văn Kháng. Một ông Quyết Định giác ngộ cách mạng sớm, như một người tài trai “*Một mình một ngựa*” lao vào sào huyệt của thổ phi chúa đất để thuyết phục họ không chống phá cách mạng – một năng lực chính trị đặc sắc nhưng cũng là một nhân cách rất phức tạp. Ông Quyết Định có những mặt rất đáng tự hào nhưng lại cũng có những nhược điểm và rất cô đơn trong đời sống riêng tư. Hình tượng ông Quyết Định “*Một mình một ngựa*” đi vào sào huyệt của thổ phi để thuyết phục họ không chống phá cách mạng, là hình tượng đầy cảm hứng kiêu hùng khác hoạ nên hình tượng một con người bình thường nhưng đủ sức làm nên một sức mạnh lớn lao, lấn át được những thế lực xấu xa. Hình ảnh đó tạo nên một quá khứ oanh liệt cho Bí thư tỉnh uỷ Quyết Định. Dù đã ngoài 50 tuổi nhưng ông vẫn giữ vững phẩm chất, là con người tâm huyết, tận tụy, sống gương mẫu và trung hậu. Ma Văn Kháng đã tập trung xây dựng hình ảnh ông Quyết Định là: “Hình ảnh người cộng sản anh hùng lẫm liệt với nhân cách đạo đức, tác phong điển hình của người lãnh đạo đứng đầu tỉnh”. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp: “Lúc trai trẻ ông Quyết Định trong vai chính khách giữa vùng đất lạ Pha

Linh – một mình một ngựa – một tuổi trẻ, một chiến mã, một tâm hồn lãng mạn đại diện cho Tổng bộ Việt Minh thân cô thế cô, hiên ngang xuất hiện trước các thổ ty, chúa đất, họ tộc ở Ba Sơn, Mường Thông, Pha Linh thuyết phục họ tuân theo chính phủ trung ương hội đủ 3000 dân binh hộ với Vệ quốc quân đánh đuổi bọn phản động Quốc dân Đảng tại sào huyệt cuối cùng ở thị xã Hoàng Liên” [17, tr. 128-129].

Suốt cuộc đời mình “ông Quyết Định mang cái uy của thế hệ mở đường, một mình một ngựa quả cảm xông pha khiến kẻ thù sợ hãi ông, các đồng chí kính trọng ông ở nhiệt tình và phẩm chất cách mạng, quý mến ông ở đạo đức tư cách: sống khiêm nhường, giản dị, liêm khiết, không màng tư lợi, công bằng, vô tư... Là bí thư tỉnh uỷ, người đứng đầu tổ chức Đảng bộ tỉnh mà chủ nhật vẫn đi lấy củi góp cho bếp ăn tập thể, vẫn vác cuốc lên nương trồng sắn, làm lúa nương để thực hiện chỉ tiêu lương thực giao cho đảng viên. Gần 20 năm giữ cương vị bí thư tỉnh uỷ, ông đã hoàn thành một kỳ tích: “Đặt chân lên đủ 1815 thôn, 124 xã”. “...Ông là viên đạn đã ra khỏi nòng đi theo một đường thẳng, không vùn vụt. Ông là nhà cách mạng chuyên nghiệp, một lòng một dạ hướng tới mục tiêu đã định. Ông là lịch sử đã hoàn thành” [17, tr. 234]. Chính những hành động anh hùng mã thượng uy phong, đẹp đẽ trong cuộc đời cách mạng của ông Quyết Định đã làm Yên “cô gái xinh đẹp nhất vùng là hậu duệ của một ái phi vua nhà Mạc thất thế trôi dạt đến...Sống trong một gia đình bề thế khá giả, mê đọc tiểu thuyết Tự lực văn đoàn, đầy mơ mộng đã bị hình ảnh “kẻ chinh phu anh hùng, hiệp sĩ đầy khát vọng như ông Quyết Định chinh phục hoàn toàn: “Yên đến với ông bằng tình yêu dâng hiến, như anh hùng gặp mỹ nhân. Cô đã gấn bó mật thiết, đi với ông cùng trời cuối đất”. [17, tr. 237-238]. Và cũng chính bản lĩnh đáng phục của ông Quyết Định đã khiến Toàn – một giáo viên “được” điều sang làm thư ký cho Ông, sau những lần đi công tác khắp tỉnh, va chạm với đời sống thực tế, thấy được tính cách ông, nghe những chuyện kể về ông và chứng kiến những việc ông làm, Toàn đã thấy yêu mến ông thật lòng và thấy công việc của mình có ý nghĩa khác, không còn là một công việc “không tên có

vẻ hèn mọn”, làm “cái đuôi” cho ông bí thư nữa. Ông là tấm gương, là hình ảnh khao khát của rất nhiều con người về người cộng sản sống có lý tưởng, có tính cách anh hùng và hấp dẫn đến mê hoặc.

Anh hùng là thế, đẹp đẽ là thế nhưng con người đó vẫn mang trong mình không ít hạn chế, nhược điểm và cả mặc cảm cô đơn trước cuộc sống. Quá khứ của ông Quyết Định đủ sức thuyết phục quần chúng, ông có nhiệt tình cách mạng, có tinh thần cống hiến bất tư lợi, nhưng như thế chưa đủ đối với một người phải chịu trách nhiệm về cuộc sống của toàn bộ người dân một tỉnh. Hình ảnh ông “Một mình một ngựa”, sau ánh sáng oai hùng dường như còn là tiếng thở dài nuối tiếc và bất lực của quá khứ chiến đấu đã qua, trước hiện tại còn nhiều bất cập khó khăn, có sự bất lực trong chính bản thân mình.

Nhân vật Quyết Định với biểu tượng kiêu hùng “một mình một ngựa” ấy, dũng mãnh đó nhưng cũng cô độc đó, lẻ loi giữa đám đông, giữa tập thể cán bộ văn phòng tỉnh uỷ mỗi người một kiêu. Điểm nhấn bi kịch cuộc đời nhân vật Quyết Định được nhà văn tập trung thể hiện ở những đoạn độc thoại, dòng ý thức với những tâm sự sâu kín của ông. Ông đến Pha Linh với nỗi niềm lo âu vì vùng đất xa xôi này chứa đựng nhiều nhân tố không ổn định mà ông là người cần tìm ra nguyên nhân, ông biết “cách mạng là một cuộc giành giật quyền lực. Nhưng giành giật quyền lực đã khó mà bảo vệ giữ gìn nó còn khó hơn”. Trong cuộc sống riêng tư, ông trải qua nhiều dằn vặt hơn bởi ông hiểu rất rõ tình cảnh của mình trước người vợ có vẻ đẹp sinh toả, nồng nàn sức sống mà không phải lúc nào ông cũng có thể đáp ứng được. Yên – vợ ông, một người đàn bà ở tuổi hội xuân phồn thực luôn mãnh liệt trong tình yêu đã tuột khỏi tay ông mà ông không níu giữ được. Ông Quyết Định cô đơn và rụt rè đến mức vì muốn giữ thể diện cho ông và cho vợ, khi vô tình bắt gặp vợ “mây mưa” với người tình, ông đã đánh động bằng cách cào cào vào cửa để họ kịp chuẩn bị. Vậy nên, anh hùng đấy nhưng ông Bí thư tỉnh uỷ lại bị “ngã ngựa”, cô đơn trong cuộc sống riêng tư khi ông không thể giữ gìn được hạnh phúc của chính mình.

Qua nhân vật Bí thư tỉnh uỷ Quyết Định, ở tiểu thuyết này, Ma Văn Kháng đã xây dựng rất thành công hình tượng nhân vật lý tưởng – bi kịch, là hình tượng đầy cảm hứng kiêu hùng nhưng lại chứa trong nó mặc cảm cô đơn của con người trong cuộc sống với thói đời nhỏ nhặt, tầm thường và đê tiện.

### **3.1.2. Kiểu nhân vật lưỡng diện**

Tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” được Ma Văn Kháng xây dựng với nhiều tuýp nhân vật khác nhau. Trong truyện, hệ thống nhân vật mà tác giả đề cập tới được thể hiện rõ ràng trong từng câu chuyện của Toàn. Tác giả thông qua những lời kể của Toàn và đôi khi là chính giọng kể của tác giả để đưa người đọc gặp gỡ từng người để hiểu cặn kẽ về họ. Nếu như ngài Bí thư tỉnh uỷ Quyết Định là hình ảnh đại diện cho mẫu nhân vật lý tưởng – bi kịch thì nhân vật Văn Hiến lại được Ma Văn Kháng tập trung thể hiện với bộ mặt của kẻ lưỡng diện. Nhà văn không để cho Văn Hiến xuất hiện trực tiếp mà hình ảnh nhân vật được hiện ra lần lượt trong lời thoại của các nhân vật khác. “Một ông cụ trong bộ áo nâu cũ kỹ...khép nép: Dạ...thưa tôi vào đây để gặp...thằng... thằng... Hiến ạ” – Cụ ơi, ở đây chỉ có ông Văn Hiến, chứ không có ai là thằng Hiến cả?... người thì loát choát như hột lạc kẹ mà chức tước thì to đùng. Ông này là uỷ viên Thường trực Tỉnh uỷ nhưng đang ngấp nghe chức Bí thư... Vậy, người tên Hiến cụ định gặp mặt mũi nó thế nào? – Tôi hỏi... Hiến có ve ở mắt... Hiến mắt ve.Đó đích thị là Văn Hiến.[17, tr. 20]. Văn Hiến là thường vụ phụ trách nông nghiệp: “Xuất thân cố nông, chuyên làm thuê cuốc mướn, với hình còi cọc xấu xí, mắt có lệ, lại ngưỡng thiên địa, loãn ngoãn thân chi độc, chỉ là gã thanh niên nông dân lên khai hoang ở Mường Thông”... lân la mãi mới xin được chân “giám mã” trông coi mấy con ngựa ở cơ quan huyện uỷ hồi ông Căn làm Bí thư. Bản chất là: “Một anh cố nông lấu cá, tinh ma, biết tính toán cơ hội để leo dần lên đến chức vụ quan trọng này” [17, tr. 79]., và đang mon men, rình thời cơ để thay quyền bí thư tỉnh uỷ của ông Quyết Định nhưng thực chất là một kẻ không có tài, ông tồn tại được trong cái văn phòng tỉnh uỷ này là nhờ những ngoắt

ngheo ngẫu nhiên. Văn Hiến là kẻ có tâm địa xấu, thân cận ông Quyết Định chỉ để nịnh bợ, lăm le đoạt vị trí của ông. Hẳn cũng vì bệnh thành tích mà dám liều quyết định điều máy cày MTZ lên cao nguyên Na Ảng trong lễ ra quan trồng lúa mì: Chiếc máy cày đổ kênh vì cày vào các via đá làm trò cười cho bà con xã viên ở hợp tác xã Na Ảng... Ông Văn Hiến xấu hổ vì thất bại, đã đổ tội phá hoại sản xuất, buộc kỷ luật treo đảng một năm chỉ cục trưởng chỉ cục cơ giới Nguyễn Tiến Hưng. Rồi chuyện các cụ già xã viên Na Ảng hỏi nếu gieo hạt lúa mì trên đồng đất cao nguyên chim ăn hết thì sao? Ông Văn Hiến đã hồn nhiên trả lời: “Chim ăn hết lần này...thì ta gieo lần khác, nó ăn no thì sẽ không ăn nữa có gì phải lo”, nghe thật ấu trĩ, hài hước, bật cười. Trong công việc, ông là con người không có trách nhiệm, tư lợi riêng, lúc đạt được thành tích thì ông vơ vào mình, lúc bị thất bại ông lại thay đổi thái độ, quay ra tìm có đổ tội cho người khác. Con người ông xấu xí như chính hình dáng của ông. Không những thế, ông còn thậm thụt, hủ hoá với cô Tĩnh văn thư làm cô có mang, phải vét hết số tiền tiết kiệm để cô trốn về quê dưới xuôi giải quyết hậu quả. Vậy mà Văn Hiến lại được cấp trên quyết định làm quyền bí thư tỉnh uỷ thay cho ông Quyết Định ốm nặng phải về Hà Nội điều trị? Vì cấp trên thấy ông Văn Hiến vẫn là người có năng lực điều hành sản xuất đã làm nên vụ lúa bội thu lớn nhất của Hoàng Liên ?. Trong con mắt lão Đồng – trợ lý của ông Quyết Định, Văn Hiến là kẻ bất tài, không có chính kiến vì thế ông quy phục, bảo vệ và quý mến ông Quyết Định bao nhiêu thì coi thường, khó chịu với ông Văn Hiến bấy nhiêu.

Ở “*Một mình một ngựa*” hình ảnh nhân vật Văn Hiến là điển hình cho kiểu nhân vật lưỡng diện, được tác giả xây dựng với mục đích làm phong phú thêm cho tác phẩm nhưng cũng là hình ảnh phản ánh chân thực về sự đa dạng của các kiểu dạng người trong xã hội. Và hình ảnh ông Văn Hiến không phải xa lạ gì. Chúng ta có thể bắt gặp ở khắp nơi, trong mọi cơ quan đoàn thể những nhân vật kiểu này. Nhà văn xây dựng kiểu nhân vật này còn có dụng ý thể hiện những tồn tại, những mối quan hệ rắc rối phức tạp, những thay đổi khó lường của con người trong một tập thể. Kiểu nhân vật này cùng với tuýp nhân vật



phản diện tạo nên sự tương phản, đối kháng với nhân vật chính diện anh hùng, từ đó làm nổi bật hơn hình ảnh nhân vật anh hùng, chính diện đó.

### **3.1.3. Kiểu nhân vật của tương lai và hy vọng**

Có thể nói, với nhân vật Bí thư tỉnh ủy - ông Quyết Định, Ma Văn Kháng đã xây dựng thành công chân dung sống trần trụi đời thường nhưng mãnh liệt, mạnh mẽ về lý tưởng sống anh hùng. Và nhân vật thứ hai thành công trong “*Một mình một ngựa*” chính là hình ảnh anh giáo Toàn – một nhân vật điển hình mang dáng dấp của tương lai và hy vọng. Từ nhận thức, hành động, suy nghĩ nội tâm của Toàn dù trong hoàn cảnh nghiệt ngã, phức tạp, biến động từng ngày ở tỉnh ủy Hoàng Liên, Toàn vẫn thể hiện được bản lĩnh, lối sống đúng đắn. Ngòi bút Ma Văn Kháng thể hiện cái nhìn nghiêm khắc, thấu tình đạt lý. Ông mổ xẻ, phân tích đúng sai, cân đo giữa công và tội bằng lý lẽ của cái đầu lạnh duy ý chí và trái tim nhân văn đậm tình người của mình. Chính bởi thế, hình ảnh anh giáo Toàn, hình ảnh của một mẫu người tương lai – hy vọng cũng được nhà văn khắc họa với các yếu tố bút pháp nghệ thuật độc đáo từ việc miêu tả ngoại hình nhân vật: Toàn có gương mặt trái xoan, bàn tay mềm mại là tay của người thư sinh có hảo tâm... đến những cảm xúc suy tư và hành động của Toàn. Toàn đang say sưa hết lòng với nghề dạy học thì anh “được” điều sang làm thư ký cho bí thư tỉnh ủy Quyết Định, làm một công việc “không tên có vẻ hèn mọn”, làm “cái đuôi” cho ông bí thư thường bị mọi người nhìn bằng con mắt coi thường. Những ngày Toàn cùng ông Quyết Định đi công tác khắp tỉnh, va chạm với đời sống thực tế bộc lộ dần tính cách, bản lĩnh đáng phục của ông Quyết Định đã khiến Toàn thấy công việc của mình có một ý nghĩa khác. Toàn nhìn nhận, suy nghĩ bớt khắt khe giáo điều. Anh đã tìm hiểu, suy xét, hòa đồng với mọi người để đánh giá đúng về từng ông thường vụ, ông trợ lý, hai ông chánh, phó văn phòng tỉnh ủy và các nhân viên như cô Tính văn thư, tay Muôn cơ yếu... Với cái nhìn thẳng thắn, trung thực, tinh táo, anh đã hiểu dần, hiểu đúng về những người cộng sản lãnh đạo tỉnh ủy Hoàng Liên:...” cá tính, trình

độ của họ có lúc gây ra thất bại đáng tiếc trong công việc làm sai lệch, méo mó sự phát triển... thắng thắn hơn có thể nói họ mới chỉ là những đứa trẻ vị thành niên chập chững, đang ở thời kì tập dượt còn non nớt, ấu trĩ. Nhưng những phẩm chất tốt đẹp cơ bản ở họ là lòng yêu nước, sự hăng say chân thành với lý tưởng, tinh thần nhiệt tình, sự tận tụy, đức hy sinh... làm sao có thể phủ nhận họ” [17, tr. 359]. Và anh hiểu:...“ Chính trị là một công cuộc mò mẫm gian nan và luôn quá sức với tất cả mọi người” [25, tr. 355]. “Dân chủ cởi mở còn là mong ước quá xa vời và không tưởng. Chính trị bao giờ mà chẳng là quyền lực, là tàn bạo, là sẵn sàng dày xéo lên nhân cách con người” [25, tr.355]. Chính bởi thế, Toàn cảm thấy bị hạ nhục, đau đớn khi cùng ông Quyết Định về Hà Nội họp do Ban bí thư Trung ương Đảng triệu tập, anh bị tay sĩ quan cảnh vệ gạt ra ngoài bằng thái độ coi thường. Hoặc khi ông Quyết Định bị ốm, uống thuốc bị phản ứng, anh bị hai tay cảnh sát điều tra gần như hỏi cung anh bằng những câu “bói, móc” mang ý xấu nghi ngờ an? Thật khủng khiếp, đau đớn. Nhưng Toàn đã vượt lên bằng chính bản lĩnh của mình. Ở Toàn, một người trai trẻ nhưng lại toát lên phong thái của một trí thức mới đầy nhiệt huyết, luôn biết lắng nghe và quan sát mọi việc, để rồi sau mỗi câu chuyện, sự kiện, Toàn luôn có được sự phân định rõ ràng về kết quả, về tình hình đời sống của mỗi con người mà anh đã gặp, đã sống và làm việc cùng trong khối O tròn tinh uy ấy. Rất nhanh chóng, sau khi được điều về làm thư ký cho đồng chí bí thư tinh uy, Toàn đã gây được thiện cảm nơi ông cho dù lúc ban đầu Toàn vẫn nấn ná xin phép cho hoàn thành nốt một chương trình giảng dạy. Toàn đã nấn ná. Nấn ná suốt ba tháng hè...đến nỗi bên Tổ chức đã có người bắn tin sang Ty Giáo dục rằng, hay là Toàn có ý chây ì, ngấm ngầm phản đối quyết định...nhưng bây giờ thì tất cả đã lui lại ở phía sau. Đã để lại tất cả ở phía sau rồi. Như lời của ông Trưởng Ty giáo dục, một người bạn tâm giao của Toàn, rằng Toàn đã có cả chục năm tích lũy nghề nghiệp. Toàn là một cán bộ kế cận rất có triển vọng của ngành. Như câu chuyện sau cuộc họp Thường vụ thường kỳ, các ông Bình, ông Căn đã bình xét về anh là người có văn hoá cao, văn hay chữ tốt: “Nghe thầy Toàn giảng văn, người

cứ mê đi như bị thôi miên ấy. Mà các vị ở đây chưa biết hết tài năng đức độ của cậu Toàn đây đâu"... Như lời xuýt xoa khoe ngợi của mọi người "Giỏi, Thầy Toàn giỏi" sau khi nghe Toàn nhắc tới tích chuyện Lạn Tương Như nhin Liêm Pha. Mặc dù là người mới đến, là một thanh niên trẻ nhưng hình ảnh Toàn gây được thiện cảm với hầu hết mọi người trong văn phòng tỉnh uỷ ấy. Anh luôn có cái nhìn cảm thông, thương mến, chia sẻ với mọi người. "Mấy tháng qua, sống với mọi người ở môi trường mới, Toàn đã nhận ra chân dung của lớp người này. Họ có nhiều nhược điểm. Họ chẳng tốt hơn những người ở các lĩnh vực khác nhưng cũng chẳng xấu đâu. Và đặt Toàn vào vị trí của họ, chắc gì Toàn có thể làm nổi như họ, Nhọc nhằn quá, cuộc sống có bao giờ hiện ra ở hình thái hoàn hảo đâu. Mọi người ai cũng phải đánh vật với chính mình, chả ai sung sướng trọn vẹn cả. Tội nghiệp".

Thậm chí, trong mắt Yên, Toàn là nhân vật được Cô ngưỡng mộ nhất, đem lòng yêu anh đơn phương. Nhưng, cũng giống như ông Bí thư tỉnh uỷ Quyết Định, Toàn vẫn có những cảm giác cô đơn. Anh cảm thấy mình khó có thể hoà hợp được với cuộc sống nơi đây. Trong anh, tình yêu nghề giáo và những ràng buộc với kỷ niệm đẹp xưa cũ còn quá đậm đà, khiến anh luôn day dứt không yên lòng và không thể hoà đồng được với đội ngũ trợ lý của Ban Thường vụ mặc dù anh rất cố gắng. Toàn muốn giải thoát khỏi cái nơi mà anh nhận thấy vẫn có những người không xứng đáng với nhân cách của mình. Toàn muốn giữ sự cao đạo mà không muốn bị tha hoá nên đã tỏ thái độ chống lại sự ti tiện, chống lại những thói thường. Và sự ra đi của Toàn sau chuyện hiểu lầm của mọi người về mối quan hệ với vợ của vị lãnh đạo nọ như là một hệ quả tất yếu. Sự ra đi ấy là sự ra đi để tìm tới một chân trời mới có tương lai, có hy vọng hơn.

Bằng sự phát hiện nhạy bén, Ma Văn Kháng đã dẫn người đọc thông qua nhân vật Toàn thâm nhập, hòa đồng vào cơ quan đầu não của tỉnh uỷ Hoàng Liên để tìm hiểu, gặp gỡ từng người và hiểu cận kề về họ. Những suy nghĩ thẳng thắn,

dũng cảm của anh giáo Toàn nhiều lúc làm người đọc đần vật, xót xa vì thực tế tàn nhẫn của nó. Và cũng chính suy nghĩ ấy, toát lên hình ảnh chân thực về anh giáo Toàn – một trí thức, một thầy giáo có tấm lòng trong sáng, trung thực nên mới có người học trò như anh lính cao xạ Trương Công Phiêu ra trận vẫn nhớ những lời giảng bình văn của thầy Toàn, vẫn nhớ về Hà Nội, về những người thân bằng tình cảm chân thật, thiêng liêng.

### **3.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật**

#### ***3.2.1. Xây dựng nhân vật theo nguyên tắc nhân tướng học***

Nghệ thuật xây dựng nhân vật theo nguyên tắc nhân tướng học là một trong những thành công nổi bật trong những trang văn xuôi của Ma Văn Kháng. Đây là một đặc điểm xuyên suốt trong các sáng tác của nhà văn, từ tiểu thuyết sử thi đến tiểu thuyết thế sự, đời tư sau này và càng về sau, bút pháp miêu tả nhân vật theo nhân tướng học ngày càng biểu hiện rõ nét. Từ quan sát ngoại hình với đặc điểm gương mặt, hình dáng, phong thái đi đứng, nằm, ngồi, ăn, ngủ, nói, cười, thậm chí cả âm lượng, âm vực của lời nói... tác giả phân tích và xếp loại con người qua những trường hợp điển hình. Ma Văn Kháng đã thể hiện nghệ thuật miêu tả nhân vật độc đáo, giàu tính nhân bản và tinh thần thực nghiệm khoa học nhân văn, mang đậm dấu ấn cá nhân: Nhìn nhân vật từ góc độ nhân tướng học, quan sát ngoại hình để khắc họa nội tâm. “Ma Văn Kháng rất linh hoạt khi miêu tả ngoại hình nhân vật. Sở trường của ông là miêu tả nhân vật như một nhà tướng số học. Ông vận dụng một cách sắc sảo những hiểu biết Đông Tây kim cổ để nhấn mạnh tính cách qua tướng hình nhân vật [22, tr. 290-299]. Như nhà văn đã từng mượn lời một nhân vật trong tác phẩm *Bén bờ* (2012), Nxb Phụ nữ, Hà Nội để thể hiện quan điểm của mình khi đánh giá tính cách con người: Tính khí con người chỉ có thể chia thành hai bậc chính: quân tử và tiểu nhân, hiền lành và độc ác. Đây có thể coi là nguyên tắc miêu tả con người qua tướng mạo của Ma Văn Kháng.

Thế giới nhân vật của tiểu thuyết Ma Văn Kháng, từ sử thi đến thể sự đòi tư, Ma Văn Kháng luôn có sự định hình tính cách và phản ánh nội tâm qua tướng mạo. Mỗi một nhân vật có một nhân dạng tướng mạo khác nhau, xét các trường hợp điển hình, tương ứng với quan niệm của nhà văn; tướng mạo nhân vật của tiểu thuyết Ma Văn Kháng được nhóm thành các đặc trưng của tuyến nhân vật: Tướng mạo của nhân vật chính nhân quân tử, anh hùng, trí thức thông tuệ; tướng mạo hồng nhân; tướng mạo tiểu nhân, hạ lưu, dâm dăng.

Những nhân vật đại diện cho chính nghĩa, cái đẹp, hướng tới lấy ngoại hình để thể hiện tính cách và nội tâm, Ma Văn Kháng đã xây dựng những nhân vật có vẻ đẹp ngoại hình lý tưởng, hoàn hảo theo quan niệm của nhân tướng học. Đó là cái đẹp của các nhân vật chính diện trong tiểu thuyết sử thi, tiêu biểu cho vẻ đẹp thẩm mỹ của thời đại. Lê Chính – chân dung người anh hùng quả cảm, chính trực với *“bộ ngực nở, khuôn hai bả vai rộng. Tóc cắt ngắn hất cao. Gương mặt rám nắng, hơi cháy lên ánh đồng đỏ và hai con mắt sáng quắc, tự chủ, sắc sảo nhưng nheo lại thì đôn hậu thấu tình”*. Hay như Đắc đẹp rắn rỏi với một gương mặt ngăm ngăm nâu, hai con mắt thâm trầm dưới hàng mày rậm và đen nhánh. Hàng ria mép mới cạo, xanh đen những chàm chân râu, phù hợp với gò mũi cao và đôi môi thoáng vẻ ngạo nghễ.

Ở kiểu nhân vật lý tưởng là người dân tộc thiểu số, Ma Văn Kháng cẩn thận, tỉ mỉ khắc hoạ đặc trưng chủng tộc của chính nhân quân tử với những nét riêng không thể hoà lẫn với dân tộc khác. Với sự cường tráng, cao lớn, lạnh lùng và mắt xếch, ít nói, ít cười, tướng mạo họ man dại đậm chất rừng núi biên ải. Đó là Pao khuôn ngực nở, hai con mắt xếch mông mông đỏ; đó là Vàng A Chinh người này thật người Hmông, kể cả từ cách đi, đầu cứ cúi về đằng trước như đang lên dốc xuống dốc. Cao lớn, ngực vòng nở, hai tay như hai bắp cày. Miêu tả trí thức – kẻ sĩ hiện đại, Ma Văn Kháng thiên về bộc lộ sức mạnh nội

tại với vẻ đẹp nho nhã thanh quý của bậc túc nho đậm màu sắc tướng mạo dân gian. Đặc biệt, với người trí thức – đôi mắt thể hiện nội tâm phong phú, phức tạp và mâu thuẫn như “hai con mắt trầm sâu” chứa chất u uẩn của Tự, đôi “mắt sáng” đầy niềm tin của Thiêm.

Ma Văn Kháng đã quan sát ngoại hình của một chính nhân quân tử với cốt cách sang quý qua tướng mạo là sự tổng hoà tất cả những chi tiết tưởng chừng như rất nhỏ bé, bình thường. Nhân vật người anh hùng lý tưởng của ông được thể hiện rõ nét từ giọng nói, nét cười, cử chỉ ôn hoà đến hành động ăn uống, làm việc...như giọng nói “tròn đầy, âm vang và ấm” của Tự, đến “nét miệng thẳng như kẻ” của Kha, “tiếng nói sang sảng” của Thịnh hay “một gương mặt vuông vức”. Hai con mắt một mí đối nghịch với một khuôn miệng rộng có cái cười thật hiền. Một đôi vai rộng quen gánh vác hoà hợp với đôi cánh tay căng nở từng bắp cùng “phong thái an nhiên bình đạm” của ông Quyết Định.

Đối với hình ảnh người phụ nữ, trong các trang tiểu thuyết của mình, Ma Văn Kháng lại khai thác vẻ đẹp rất đặc trưng của người đàn bà biên ải với cái đẹp hồn thực, nữ tính, có chất man dại và phóng túng, rất quyến rũ. Những tướng mạo đàn bà trong các tác phẩm của ông có nhan sắc của vẻ đẹp đa tình, quyến rũ, say đắm lòng người, phản ánh một nội tâm luôn chan chứa khát vọng và nhu cầu được yêu thương, ân ái. Từ thân thể, gương mặt, nụ cười, cử chỉ đến dáng điệu đều bộc lộ thiên tính nữ mời gọi ái ân. Đây cũng chính là một nét độc đáo, đặc sắc của người đàn bà biên ải trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng. Dễ dàng có thể tìm thấy ở rất nhiều các tác phẩm khác nhau, Ma Văn Kháng đều chú trọng miêu tả người đàn bà đẹp với vẻ đẹp gợi tình đầy quyến rũ. Nhà văn khai thác những chi tiết ấn tượng về ngoại hình của người phụ nữ. Đó là : “Làn da nõn nà ở cổ chị... hai bầu vú chị căng mọng núch ních nhòn nhòn như hai ngọn măng tre... Bờ vai trắng hồng nổi bật trên mái tóc đen rậm trải rộng như tấm nệm lót lưng”[17, tr. 160-161]., là dáng vượng phu ích tử với cặp mông nở, ngực phồng phao, là cái cổ cao trắng nõn. Khuôn ngực phập phồng...hai

con mắt mở to, bóng láng cái ánh biếc xanh vời vời của đồng tử. Hai má dầy ánh hồng...

Và như trong nghiên cứu của Dương Thị Thanh Hương với đề tài “Phong cách tiểu thuyết Ma Văn Kháng”, tác giả cũng đã chỉ ra bút pháp nghệ thuật của Ma Văn Kháng khi xây dựng hình ảnh những người phụ nữ trong các tác phẩm của mình. Theo tác giả “nhân vật người phụ nữ trong tác phẩm Ma Văn Kháng mang những nét đẹp nữ tính, phồn thực, có nhan sắc quyến rũ, khơi gợi những khát khao, ham muốn tình dục, ái ân như Lý (*Mùa lá rụng trong vườn*), Hoan (*Ngược dòng nước lũ*) và có cả những tướng mạo nhìn thấy đã bộc lộ sự dâm dăng thái quá như Nhàn – vợ Lập, mẹ Đông (*Bến bờ*)... Ở mỗi một vẻ đẹp của mỗi người phụ nữ, Ma Văn Kháng lại nhìn thấy một nét đẹp riêng với tố chất riêng làm nên thần thái tâm hồn họ. Với sự quan sát tinh tế, chú ý miêu tả nhân vật từ góc nhìn tướng mạo, hình ảnh người phụ nữ trong văn Ma Văn Kháng có lúc là sự quyến rũ của tuổi hội xuân với “hai con mắt lá răm nhóng nhánh sáng, đong đưa một cái nhìn vừa vui tươi vừa lẳng” có lúc lại là sự hấp dẫn từ sự mặn mà của người đàn bà đã có chồng. Đó là Yên với “hai con mắt ướt rờ rờ với hàng mi ropy dày rậm. Và một vùng ngực, eo hông thắt nở bồng bênh [17. tr. 08]. Yên có cái dáng vượng phu ích tử, cái bước đi *xà hành tước bộ*, cái cầm chẽ đôi đầy mời gọi. Đối với nhân vật phụ nữ, Ma Văn Kháng đã làm nổi bật vẻ đẹp của họ với tất cả năng lực và cảm xúc mà họ có. Và những chân dung phụ nữ ấy luôn được đặt song song bên cạnh các chân dung anh hùng lý tưởng, trí thức thông tuệ có ý nghĩa như là cặp đôi hoàn hảo, tôn vinh vẻ đẹp trần thế của con người.

Ở góc nhìn khác, Ma Văn Kháng lại giúp người đọc nhận diện người đàn bà có ham muốn nhục dục quá độ cũng từ những quan sát từ tướng mạo. Đó là đôi mắt đa tình, lẳng lơ, dâm dăng, là dáng đi, bộ ngực, đôi hông, đôi chân... và cả đến mùi da thịt, mùi tóc, hơi thở... mỗi người một nét riêng biệt nhưng tất cả ở họ đều có điểm chung là sự bộc lộ thái quá năng lực và ham muốn nhục dục,

nhu cầu tính giao cao. Tác giả đã dùng chính những quan sát của mình kết hợp với những hiểu biết theo kinh nghiệm dân gian để miêu tả, để phản ánh về một kiểu người phụ nữ tiện dâm, hư hỏng, lãng loàn. Nếu như trong *Mưa mùa hạ* có mục Nhuận ngùn ngụt dâm đăng, trong *Gặp gỡ ở La Pán Tản*, ngoại hình của Thuý được mô tả với hình ảnh đầy nhục cảm ái ân và khao khát dục. Tác giả đã dùng những ngôn từ đắt giá để miêu tả cho kiểu nhân vật tiểu nhân, hạ lưu, thủ ác. Nhà văn đã chỉ ra những nét tướng điển hình của cái xấu, cái ác tiềm tàng trong từng nhân vật bằng việc chú ý tập trung tới gương mặt, đôi mắt, dáng đi, cách ăn uống, sinh hoạt, lời nói, vừa tả vừa kể lại vừa bình luận phán đoán bằng chủ quan hay dùng các đúc kết trong ca dao, tục ngữ của cha ông.

Những nhân vật này trong trang viết của ông luôn có nét bất thường nghịch dị, khuyết thiếu hoặc tô đậm cái xấu ở ngoại hình bằng thủ pháp phóng đại, cường điệu, liệt kê kết hợp với lời bình giá ngoài lề của người kể chuyện. Và điểm nghịch dị, bất thường được ông quan tâm nhiều nhất là đôi mắt. Những kẻ bất lương, hung ác, tiểu nhân, đạo đức giả... không thể giấu mình qua đôi mắt, có mắt *cóc cụt mắt lé*, *có mắt sâu* hay *bản mặt thịt*, *dày nục nạc thì lì nét ruồi đen sì dưới mũi* đi kèm lời bình dân gian “mo nang, mặt nạc, đóm dày. Mo nang trôi sấp biết ngày nào khôn” [17, tr. 161]. Hay như ông Văn Hiến trong “một mình một ngựa” “với hình hài còi cọc, mắt có lệ, loàn ngoằn thân chi độc... bản chất là một anh cố nông lấu cá, tinh ma, biết tính toán cơ hội để leo dần lên đến chức vụ quan trọng này”.

Với con mắt quan sát tinh tế, nghệ thuật miêu tả, liệt kê chi tiết điển hình và cách dùng ngôn ngữ đặc tả đi kèm với việc phân tích, bình luận nhân vật qua cái nhìn tương mạo đã làm nên một đặc điểm nghệ thuật riêng có xuyên suốt các sáng tác của Ma Văn Kháng. Sự kiên định bút pháp tả nhân vật qua tương mạo có ý nghĩa như bút pháp nghệ thuật xây dựng các kiểu loại nhân vật trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng. Thông qua bút pháp nghệ thuật tả người này, Ma Văn Kháng cũng đã thể hiện được năng lực quan sát tinh tế, khả năng phán



đoán sâu sắc và hiểu biết tâm tính con người bằng chính con mắt nhìn và kinh nghiệm của tác giả. Nghệ thuật miêu tả nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng chịu ảnh hưởng của khoa tướng mạo nhân gian, phán đoán tính cách ngay từ cái nhìn đầu tiên về ngoại hình. Đây là một nét rất riêng độc đáo củ Ma Văn Kháng nên trong bất cứ sáng tác nào của ông người đọc cũng có thể có cái nhìn định hình về tính cách và số phận nhân vật qua cách ông miêu tả họ. Mặc dù vậy, đây cũng là một hạn chế trong các tác phẩm của ông khi nhân vật được mô tả dưới nhãn quan chủ quan của chính người cầm bút, vì vậy, trong nhiều trường hợp nhân vật của ông bị rơi vào thế áp đặt chủ quan, mang thiên hướng một chiều từ nhận định của nhà văn. Bởi trong cuộc sống, hình thức bề ngoài không phải bao giờ cũng phản ánh chính xác nhân cách, tâm hồn bên trong con người ấy.

### ***3.2.3. Nhân vật của Ma Văn Kháng với yếu tố tính dục trong tiểu thuyết “Một mình một ngựa”***

Bên cạnh nghệ thuật xây dựng nhân vật qua nhân tướng học, một thủ pháp đặc trưng làm nên đặc sắc của tiểu thuyết Ma Văn Kháng chính là nghệ thuật xây dựng nhân vật với yếu tố tính dục nổi trội. Ở khía cạnh này, yếu tố tính dục là một yếu tố tiêu biểu để tác giả đi tới thể hiện nhân vật, nhận dạng nhân vật. Đây cũng được coi là một hình thức nghệ thuật thể hiện dấu ấn cá nhân của Ma Văn Kháng.

Không phải chỉ ở “Một mình một ngựa” Ma Văn Kháng mới sử dụng tới phương tiện nghệ thuật này. Ngay từ những truyện ngắn, Ma Văn Kháng cũng đã dụng ý đưa yếu tố tính dục vào trong rất nhiều tác phẩm như: “*Suối mơ*”, “*Những người đàn bà*”, “*Chọn chồng*”, “*Anh thợ chữa khoá*”, “*Một chiều giông gió*”... Đến tiểu thuyết, miêu tả nhân vật qua yếu tố tính dục đã trở thành một thủ pháp nghệ thuật để khám phá nhân vật ở chiều sâu nội tâm với tất cả sự phức tạp của nó. Ma Văn Kháng đã xây dựng những mối quan hệ tình dục phức tạp, đan cài, vượt qua rào cản của đạo đức. Có những mối quan hệ tình

dục đơn thuần là bản năng của lối sống phóng dục, để thoả mãn thú tính, lại có mối quan hệ tình dục gắn với tình yêu, lòng tự trọng, có mối quan hệ vượt qua rào cản đạo đức nhưng lại mang ý nghĩa hướng thiện, có mối quan hệ chà đạp lên đạo đức, đạo lý, có mối quan hệ dựa trên sự lợi dụng và thoả mãn quyền lợi vật chất và có cả những mối quan hệ thể hiện yếu tố bạo lực... Những mối quan hệ tình dục ấy vừa có tính chất cá nhân, vừa có tính chất xã hội. Trong “*Vùng biên ải*”, hành vi tính dục của Giàng Lữ nhằm mục đích thoả mãn nhu cầu bản năng, nên hắn đã cưỡng bức chị Pàng ngay cạnh chiếc quan tài của anh trai hắn – chồng người chị dâu khôn khổ. Trong “*Gặp gỡ ở La Pán Tản*”, giữa Quốc Thanh và Thuý, đó là quan hệ tính dục đầy bản năng động vật với những tiếng rú, chiếc quần tụt một bên ống, lúc ở trường, lúc bên bờ suối cạn, bãi đá, khi biệt kích đang nhảy dù chiếm uỷ ban, chiếm trường học thì hành vi ấy có ý nghĩa vạch trần bản chất thú tính của các nhân vật sau vỏ ngoài đạo đức.

Điểm đặc biệt của “*Một mình một ngựa*” là Ma Văn Kháng đã đi sâu khai thác yếu tố tính dục với đầy đủ các sắc thái khác nhau, theo từng nhân vật khác nhau, tạo nên một bức tranh đa sắc thái: Tình dục không có tình yêu, là sự thoả mãn sinh lý đơn thuần; tình dục xuất phát từ cảm xúc mãnh liệt, mong muốn thăng hoa trong tình yêu và tình dục như là “phép thử” của nhân cách và tâm văn hoá của mỗi người.

Trước tiên, yếu tố tình dục gắn kết với tình yêu được thể hiện qua nhân vật ông Quyết Định và Yên – vợ ông. Yên có một tình yêu đẹp với người anh hùng Quyết Định và Yên luôn dâng hiến cho người anh hùng của mình. “Yên đã yêu ông. Tình yêu thiếu nữ chân thành, nồng nẫu rất gần với niềm hạnh phúc được dâng hiến trao tặng. Và thế là, vượt ra khỏi cả mơ ước, tưởng tượng của ông, ông đã gặp cảnh bông lai ở giữa nơi trần thế này....Yên vừa doãng rộng cặp chân dài, ông liền ập ngay lên thân thể nàng...Cơn hứng dục khởi sự từ nàng”. Đó là khởi sự từ khao khát của tình yêu mang ý nghĩa dâng hiến, bày tỏ, gắn kết hai người trong một sự hoà hợp. Nhưng cũng là Yên, sau quãng thời

gian làm vợ ông Quyết Định, khi ông Bí thư tỉnh uỷ không thể đáp ứng được “ngọn lửa của nàng bao giờ cũng sục sôi và bốc cao hơn” thì người đàn bà ấy đã vượt qua rào cản đạo đức giữa Yên – cô vợ xinh đẹp với Giáo Cầu – người được Sở giáo dục điều phụ đạo văn hoá cho ông Quyết Định. Yên là người đàn bà đẹp hoang dã, lãng mạn, yêu chồng thương con nhưng vì sống rất bản năng, đa tình khát dục nên đã có những phút không kiềm chế được, thị có quan hệ với Giáo Cầu. Và không chỉ thế, trong buổi đi chặt củi về với Toàn, chị đã đòi Toàn hôn mình vì “anh Quyết Định không biết hôn”, không đáp ứng được bản năng tính dục mạnh mẽ của Yên. Yên không phải người đàn bà lãng loàn, nhưng thị không thể kìm nén nổi dục vọng của người đàn bà. Ở Yên, có cả hành vi tính dục của tình yêu, có cả sự ham muốn đơn thuần của bản năng mãnh liệt của người đàn bà khát khao yêu đương.

Rồi cả ông Quyết Định, người anh hùng đầy kiêu hãnh ấy cũng có lúc bị chi phối, bị mê hoặc bởi hành vi tính dục của Yên. Đó là một đêm đông giá lạnh...Yên đã nằm gọn trong tấm chăn của ông với hình hài khỏa thể hoàn toàn từ lúc nào và đang chờ đợi ông về...Cảm xúc đột ngột dâng cao khiến ông mạnh dạn tiến lại gần nàng...nàng rùng mình...nàng oằn oại, rú rít, rướn lên, đập xuống liên tục, biểu đạt trọn vẹn tinh thần trao tặng, hiến dâng. Bị kích thích, nửa người dưới dính chặt vào nàng, nửa người trên ngấp nghển, ông có cảm giác như đang ở trên thế thượng phong một mình một ngựa...nhịp nhàng đều đặn dún dẩy, ông như đang trên lưng con chiến mã đi nước kiệu”, sự giao hoan của tình yêu mới lãng mạn làm sao, mới tuyệt vời và đẹp đến nao lòng bởi cảnh làm tình, yêu đương mãnh liệt của trai anh hùng, gái thuyền quyên. Ở khoảnh khắc này, bút pháp miêu tả về cảnh yêu đương hoan lạc của ông Quyết Định không làm hình ảnh người anh hùng trong ông xấu đi mà trái lại, nó lại khắc họa thêm vẻ đẹp tâm hồn đầy lãng mạn trong ông, mặt tâm hồn mà không ai thấy được cho tới tận khi trong một lần đi công tác ông mới tâm sự với Toàn về việc ông yêu thơ, thích thơ rồi ông chìm đắm trong suy tưởng về những ngày đã qua. Để rồi, cũng từ yếu tố tính dục này, Ma Văn Kháng lại đưa người đọc

đến với một góc nhìn khác về ông Quyết Định, để thấy được nhân cách, tâm hồn và những tâm sự chất chứa trong ông, những nỗi cô đơn ông không thể bày tỏ về chính cuộc sống riêng tư của mình. “Tình yêu của ông và Yên là tổ hợp của hai ngọn lửa. Nhưng cho đến lúc này thì hình như dần dần ông đã nhận ra, ngọn lửa của nàng bao giờ cũng sôi sục và bốc cao hơn...nhiều lúc lên cơn tức hừng, nàng như một kẻ phát rồ phát dại...nàng bắt ông vứt bỏ mọi ý nghĩ trong đầu, chỉ nhắm nhắm vào từng thao tác ái ân, vào mỗi bộ phận trên cơ thể nàng. Nàng đòi đổi thay tư thế, nàng hành động thuần túy là đàn bà với mục tiêu tối thượng là thỏa mãn tối đa, là leo tới đỉnh điểm cơn dục lạc này và tiếp theo, cơn dục lạc khác...Ông thấy mình sao mà yếu đuối, kém cỏi và cô đơn thế!”. Qua những trang văn miêu tả cảnh làm tình và những suy tư của ông Bí thư và Yên, Ma Văn Kháng một mặt khắc họa chân dung nhân vật người vợ ông Bí thư đậm chất phồn thực, người đàn bà đẹp, sắc đẹp bản năng, hiếu động trong thời đoạn yêu đương, như cây cối đang nở hoa. Mặt khác, chính từ sự hồi tưởng với cảm xúc “yếu đuối, kém cỏi và cô đơn thế” của ông Quyết Định, Ma Văn Kháng đã đưa vào những trang viết của mình yếu tố tính dục nhưng lại là sự mặc cảm tình dục như là một cách riêng, rất riêng để miêu tả, khám phá nhân vật. Ma Văn Kháng đã nhìn thấy những nguyên nhân dẫn đến mặc cảm, ảm ức tính dục trong nội tâm nhân vật. Và mặc cảm ấy được ông Quyết Định giấu kín.

Ở hành vi tính dục của Trần Quân, Bí thư thị ủy Đồng Cam, một kẻ lưu manh, cơ hội, bị kỷ luật nhiều lần vì thói giả trá, lỳ lợm đĩ bợm ghê người, đó chỉ đơn thuần là sự tha hoá của bản năng, sự trỗi dậy thú tính. Đi đâu y cũng hủ hóa với đàn bà, con gái. Y ngủ cả với bốn cô nhân viên văn phòng thị ủy: “Lan, Cúc, Huệ, Thu và lấy bốn cái silip có thêu tên từng cô để vào cặp”. Sự việc vỡ lở vì y đã để quên chiếc cặp trong khách sạn, điều tra ra, sự thật mới kinh hãi làm sao... “Y đã biến thị ủy Đồng Cam thành lầu xanh, y ngủ với hầu hết đàn bà con gái trong cơ quan, còn phó bí thư thị ủy ngủ với vợ ủy viên thường vụ, một ủy viên thường vụ khác biến phòng làm việc thành nơi ăn ngủ với cô thủ quỹ, 4/5 thường vụ mắc vào quan hệ bất chính...một chôn tôn nghiêm như thị

ủy Đồng Cam mà như thế hỏi còn ra thể thống gì? Những kẻ khoác áo giả danh đảng viên cộng sản ở đây lộ nguyên hình làm người ta kinh hãi, ghê tởm” [17, tr. 139-142].

Không chỉ dừng ở hình ảnh hai nhân vật kể trên, yếu tố tính dục trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” còn được tác giả khai thác ở các nhân vật khác như một thủ pháp để lột tả nhân cách nhân vật rõ ràng hơn, cụ thể hơn và sắc nét hơn. Như ông Văn Hiến thường vụ phụ trách nông nghiệp, bên cạnh những ngôn từ miêu tả hình dáng, tướng mạo để khắc họa chân dung nhân vật, Ma Văn Kháng tiếp tục lột tả tính cách nhân vật này qua cả chi tiết tính dục. Đó là khi Văn Hiến thậm thụt, hủ hóa với cô Tĩnh vẫn thư làm cô có mang, ông phải vét hết số tiền tiết kiệm để cô trốn về quê dưới xuôi giải quyết hậu quả. Tình dục giữa ông Văn Hiến với cô Tĩnh rõ ràng là thứ tình dục không có tình yêu nhưng cũng nhờ hành động đó, người ta thấy được phẩm chất của ông Văn Hiến. Ông không hẳn là con người xấu nên khi hậu quả xảy ra, ông đã có hành động gửi tiền cho cô Tĩnh để giải quyết hậu quả như một phần trách nhiệm ông nhận về mình.

Và cũng từ yếu tố tính dục, ở nhân vật Toàn, Ma Văn Kháng lại có cách khai thác khác để thể hiện tính cách, phẩm chất của Toàn. Toàn không có lối sống tình dục phi nhân tính, đồi bại, vô đạo đức cho nên, khi đi cùng Yên lấy củi về đóng góp cho nhà bếp, khi Yên ngược lên nhìn Toàn, mắt Yên rờ rọ một trạng thái tâm lý duy nhất là nổi đam mê, trong khi khuôn ngực nhô cao sau lần vải áo đầy vẻ phồn thực của chị....thoáng chút ngây ngất khó hiểu và sau đó ập ngay tới nổi bàng hoàng run rẩy, ký ức một đêm đi với Phong trên con phố dốc ở thị xã chợt nghe tiếng đàn măngđôlin vừa vụt trở lại, anh đã chủ động buông tay. Rồi khi Yên, trong ướt át, lộ lộ một vóc hình thiếu phụ...hai bầu vú nở bồng bồng căng nức. Một ngón cổ nồn nà. Một bờ hông đầy đặn. Một cơ thể đàn bà tràn trề cảm hứng dục lạc!...vạt áo đã phanh rộng, để hở hai bầu vú trắng ngộn, vòng vênh. Như một cơn bão lớn, chị phủ trùm lấy Toàn và thở dồn, rồi rít: Anh Toàn

hôn Yên đi! Anh Quyết định anh ấy không biết hôn. Chưa bao giờ anh ấy hôn môi Yên cả...Loạng choạng, vội vã, Toàn ra khỏi nhà Yên và đi thẳng ra bờ suối. Sự quyến rũ của người đàn bà có sắc đẹp làm vui mắt người cũng khiến anh lúc đó không vô tình với Yên. Nhưng với một nhân cách tốt đẹp, có lòng tự trọng cao, Toàn đã kiềm chế được cảm xúc của mình để không vướng vào nhục dục tội lỗi với vợ của Bí thư tỉnh ủy. Toàn cũng không chấp nhận sự xúc phạm. Khi có sự nghi hoặc, vu cáo cho rằng Toàn có tình ý với Yên, mặc dù biết đó là tình yêu đơn phương của Yên nhưng vẫn thấy mình bị xúc phạm và anh đã quyết định ra đi. Toàn muốn giữ sự cao đạo mà không muốn bị thao hóa, vướng vào tội lỗi nên sau giây phút bị chi phối bởi những cảm xúc rất đa chiều, anh đã tỉnh táo trở lại và vượt qua được cám dỗ của tính dục để bảo toàn phẩm giá, nhân cách của mình.

Như vậy, thông qua một loạt các mối quan hệ tình dục giữa các nhân vật trong tiểu thuyết, sự miêu tả đậm nét và kỹ lưỡng về hành vi tính dục của Ma Văn Kháng trong “*Một mình một ngựa*” đã thể hiện một cái nhìn tiến bộ của nhà văn, coi đó là một vấn đề thuộc bản năng, nó có một sức mạnh lớn lao đối với đời sống con người, chi phối con người, thể hiện qua ham muốn và hành vi của nhân vật. Các nhân vật trong tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*”, dù ở mặt sáng hay mặt tối đều có khát vọng, ham muốn, năng lực, hành vi tình dục mạnh mẽ. Nhờ yếu tố tính dục, Ma Văn Kháng đã tạo ra được một cánh cửa riêng để quan sát, tiếp cận nhân vật, quy chiếu đạo đức và tính cách cho nhân vật rất rõ nét và điều đó trở thành đặc điểm nghệ thuật xây dựng nhân vật của Ma Văn Kháng. Chính điều này đã khiến cho những nhân vật trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng luôn được xem xét trong cái nhìn đa chiều, trong sự tác động đa chiều để từ đó nhân vật tự bộc lộ bản thân mình.

Ma Văn Kháng đã thể hiện một cái nhìn tiến bộ, coi đó là một vấn đề thuộc về bản năng, nó có một sức mạnh lớn lao đối với đời sống con người, chi phối con người, thể hiện qua ham muốn và hành vi của nhân vật trên phương diện giới. Các

nhân vật trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng ở cả hai phần sáng tối đều có khát vọng, ham muốn, năng lực, hành vi tình dục mạnh mẽ. Có thể nói xem yếu tố tính dục là một lăng kính để quan sát nhân vật, tiếp cận và xử lý trên góc quy chiếu đạo đức, điều đó đã trở thành một đặc điểm trong ý thức nghệ thuật của Ma Văn Kháng. Chính điều này đã đem đến một cái nhìn đa chiều về con người và tác động đến thế giới nhân vật trong tiểu thuyết của ông.

### Tiểu kết chương 3

Tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” là một thành công lớn, một đỉnh cao của Ma Văn Kháng. Nghiên cứu thế giới nhân vật trong tác phẩm, chúng ta thấy có nhiều kiểu loại nhân vật tiêu biểu khác nhau, tạo nên đặc sắc cho tác phẩm. Nhân vật lý tưởng – bi kịch mà đại diện là ông Quyết Định là hình ảnh những con người anh hùng, có phẩm chất tốt đẹp, luôn sống hết lòng vì người khác, vì những lý tưởng cao đẹp nhưng lại rơi vào bi kịch của nỗi cô đơn sâu thẳm khi không thể gìn giữ hạnh phúc riêng cho bản thân. Nhân vật lưỡng diện là những kẻ như ông Văn Hiến, bất tài, thủ đoạn song vẫn có phần ý thức trách nhiệm về việc mình làm. Và Toàn là hình ảnh đại diện cho kiểu nhân vật của tương lai và hy vọng. Anh là người biết lý lẽ đúng sai, biết cân đo giữa công và tội bằng lý lẽ của cái đầu lạnh duy ý chí và trái tim nhân văn đậm tình người của mình... Hệ thống nhân vật đó cho thấy, thế giới nhân vật trong “*Một mình một ngựa*” cũng là một thế giới đông đảo về số lượng, phong phú, phức tạp, đa dạng về thành phần, lứa tuổi và giới tính, hấp dẫn về tính cách và chiều sâu nội tâm. Thế giới nhân vật trong tác phẩm của Ma Văn Kháng đã phản ánh được sinh động những chân dung con người trong xã hội của một giai đoạn lịch sử. Thế giới nhân vật ấy cũng cho thấy Ma Văn Kháng có một năng lực xây dựng nhân vật sắc sảo và tầm nhìn bao quát xã hội sâu rộng. Nghệ thuật miêu tả nhân vật qua cái nhìn tương mao, qua yếu tố tính dục đã giúp nhà văn khám phá nhân vật ở cả phương diện hình thức và nội tâm

với hai phần sáng – tối để từ đó chuyển tải những tư tưởng của nhà văn một cách thuyết phục.



## KẾT LUẬN

1. Ma Văn Kháng là cây bút viết rất sung sức. Từ những ngày đầu viết văn bằng một truyện ngắn đầu tiên đăng trên Báo Văn nghệ mang tên “*Phố cũt*” đăng năm 1961, cho đến nay nhà văn đã có một gia tài đồ sộ các tác phẩm văn học nghệ thuật với nhiều giải thưởng cao quý, ở nhiều thể loại khác nhau: truyện ngắn, tiểu thuyết, tiểu luận, phê bình, hồi ký. Hình ảnh Ma Văn Kháng đã trở nên rất đỗi quen thuộc với người đọc trong các tác phẩm về đề tài dân tộc miền núi. Tuy là người Hà Nội nhưng sự thành công của ông với những tác phẩm viết về đề tài kể trên đã khiến cho rất nhiều người lầm tưởng ông là người con của dân tộc vùng cao. Ở Ma Văn Kháng, ta bắt gặp được sự trưởng thành và chuyên nghiệp trong cách viết, sự đổi mới trong quan niệm nghệ thuật văn chương của ông.

2. Tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” là cuốn tiểu thuyết thứ 13 của ông nhưng ngay khi vừa mới trình làng đã nhận được sự đón chào nồng nhiệt của đông đảo bạn đọc. Tác phẩm cũng đã được giải thưởng của Hội Nhà văn Hà Nội. Trong những ngày nghỉ ngơi, ngắm lại đời mình, Ma Văn Kháng bỗng nhận ra còn một đoạn đời có chút ít ý nghĩa của mình bị chính mình lãng quên. Đó là khoảng thời gian mấy năm trời nhà văn sang làm thư ký cho bí thư tỉnh ủy. Ở đó, ông được sống và cộng tác với hai lớp người: Những cán bộ lãnh đạo trong ban thường vụ tỉnh ủy và các cán bộ trợ lý giúp việc. Và thế là nhà văn quyết định phải kể nốt những chuyện mình đã biết ở đoạn đời này. Tác phẩm như một cuốn tự truyện, vẽ lại chân dung những con người mà nhà văn đã từng được sống và làm việc qua con mắt nhìn của một ông giáo, một tiểu trí thức, trong tinh thần thực sự cầu thị. Nhà văn đã đưa những nguyên mẫu có thực vào trong tác phẩm, cố gắng gọi đúng tên sự vật, không tô hồng, huyền thoại hóa họ và nhất là không tô đen bóp méo, phủ định sạch trơn để kể lại quãng đời tươi đẹp nhưng cũng đầy khó khăn, cô đơn của tác giả những năm ở vùng cao Lào Cai.

3. Nghiên cứu tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” ở nhiều phương diện khác nhau, từ đặc điểm nội dung của tiểu thuyết đến cách xây dựng cốt truyện và việc sử dụng những bút pháp nghệ thuật linh hoạt, độc đáo, dễ dàng hiểu được vì sao “*Một mình một ngựa*” được coi là cuốn tiểu thuyết đặc biệt trong sự nghiệp sáng tác của Ma Văn Kháng. Ở tiểu thuyết này, có sự kết tinh nhiều dấu hiệu phong cách của nhà văn. Đó là lối kể chuyện tự nhiên với ngôn ngữ kể chuyện mộc mạc, giọng điệu trần thuật đan xen với lời nói trực tiếp của nhân vật tạo nên một sức hấp dẫn không rời cho người đọc. Trong tác phẩm, nhà văn cũng đã khéo léo lồng ghép cảm hứng hồi cố, triết luận với yếu tố tự truyện để bày tỏ những quan niệm, triết lý nhân sinh vừa sâu sắc, nhân văn vừa không né tránh nhiều vấn đề gai góc của đời sống xã hội. Chính bởi thế, “*Một mình một ngựa*” tạo nên được những giá trị nội dung, nghệ thuật hết sức đặc sắc, khẳng định sức viết dồi dào cũng như sự tinh luyện trong bút pháp nghệ thuật của Ma Văn Kháng.

4. Luận văn đã đi sâu nghiên cứu, phân tích và đánh giá từng yếu tố: từ việc xây dựng các kiểu loại nhân vật, bút pháp đặc tả nhân vật qua yếu tố tương mạo và yếu tố tính dục; những nhân vật và sự kiện trong tiểu thuyết hầu hết là những hình ảnh có nguyên mẫu trong đời thường nhưng đi vào trang văn của Ma Văn Kháng lại trở nên rất sinh động và giàu tâm tư, cảm xúc... Qua đó, luận văn khẳng định giá trị đặc sắc của tác phẩm và đóng góp của Ma Văn Kháng vào thể loại tiểu thuyết nói chung cũng như ở mảng tác phẩm viết về đề tài dân tộc thiểu số nói riêng của nhà văn.

5. Tích cực nhập cuộc, dân thân, Ma Văn Kháng là một trong số ít ỏi chiến sĩ *Một mình một ngựa* đáng đáp “oai vũ”, “cô đơn” xung trận từ thời trước Đổi mới. Ông cũng là một trong những ngọn cờ cách tân văn xuôi hiện đại. Thông qua việc nghiên cứu đặc sắc của tiểu thuyết “*Một mình một ngựa*” – cuốn tiểu thuyết tự truyện của ông sau mấy chục năm cầm bút, luận văn đã

giúp người đọc hiểu hơn về một cây bút văn xuôi gạo cội trong làng văn học Việt Nam hiện đại đồng thời nhận diện được những giá trị mới kết tinh trong “Một mình một ngựa” nhưng vẫn thống nhất một số đặc trưng cơ bản của phong cách nghệ thuật Ma Văn Kháng. Đó cũng là yếu tố góp phần vào những thành tựu nghệ thuật và xác lập được chỗ đứng vững chắc không thể thay thế của nhà văn trong văn xuôi nước nhà thời kỳ hiện đại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Mai Anh (1997) *Đặc điểm nghệ thuật truyện ngắn Ma Văn Kháng*
2. Báo Nhandan.org, *Nhà văn Ma Văn Kháng – chật chiu những vị đời*, ngày 17/5/2012
3. Nguyễn Minh Chung (2007), *Tiểu thuyết Ma Văn Kháng thời kỳ đổi mới*, Luận văn Thạc sĩ, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
4. Đỗ Thị Diễm, (2005), *Hành trình tiểu thuyết của Ma Văn Kháng*, luận văn thạc sĩ, ĐHSP
5. Nguyễn Thị Huệ, (1998), *Tư duy mới về nghệ thuật trong sáng tác của Ma Văn Kháng những năm 80*, Tạp chí Văn học Số 2 Tr.: 51-57
6. Trịnh Minh Hiếu, (2006), *Ma Văn Kháng với đời sống đương đại*, Văn hoá nghệ thuật, - Số 5. - tr.88-93.
7. Nguyễn Thị Huệ, (2000), *Những dấu hiệu đổi mới trong văn xuôi Việt Nam từ 1980 - 1986 Qua bốn tác giả: Nguyễn Minh Châu - Nguyễn Khải - Ma Văn Kháng - Nguyễn Mạnh Tuấn*
8. Bùi Lan Hương (2004), *Cảm hứng bi kịch nhân văn trong tiểu thuyết của Ma Văn Kháng*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP, Hà Nội.
9. Dương Thanh Hương (2008), *Cảm hứng nghệ thuật gắn với nhân vật trong tiểu thuyết về đề tài dân tộc miền núi của Ma Văn Kháng*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP, Hà Nội.
10. Dương Thị Thanh Hương (2003), *Cảm hứng nghệ thuật gắn với nhân vật trong tiểu thuyết về đề tài dân tộc – miền núi của Ma Văn Kháng*
11. Đỗ Thanh Hương (2011), *Đặc sắc nghệ thuật tự sự trong văn xuôi của Ma Văn Kháng đầu thế kỷ XXI*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP 2
12. Lê Thanh Hùng (2006), *Tiểu thuyết Ma Văn Kháng thời kỳ đầu đổi mới (giai đoạn 1980 - 1989)*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP Thái Nguyên.

13. Ma Văn Kháng, *Đám cưới không có giấy giá thú* (1989), Nxb. Hội Nhà văn
14. Ma Văn Kháng, (2001), *Trăng non và Gặp gỡ ở La Pán Tản*, Nxb Văn học, Hà Nội.
15. Ma Văn Kháng, (2003), *Tiểu thuyết*, tập I, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội,
16. Ma Văn Kháng, (2003), *Tiểu thuyết*, tập II, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
17. Ma Văn Kháng, (2015), *Một mình một ngựa*, Nxb. Hội nhà văn
18. Ma Văn Kháng, *Đồng bạc trắng hoa xòe* (1978), Nxb. Hội Nhà văn
19. Ma Văn Kháng, *Gặp gỡ ở La Pan Tản* (2003), Nxb. Hội Nhà văn
20. Ma Văn Kháng, *Năm tháng nhọc nhằn, năm tháng nhớ thương* (2009), Nxb. Hội Nhà văn
21. Ma Văn Kháng, *Nói về nguyên mẫu nhân vật trong “Một mình một ngựa”* Văn nghệ quân đội số 4, ngày 24/6/2015.
22. Phong Lê (1989), *Vấn chuyện văn và người*, NXB Văn hoá thông tin
23. Lý luận văn học tập 2, (2008), Nxb Đại học Sư phạm
24. Mai Thị Nhung, (2008), *Giọng điệu nghệ thuật trong tiểu thuyết thời kì đổi mới của Ma Văn Kháng*, Tạp chí Nghiên cứu văn học Số 10 tr.: 89-97
25. Đỗ Hải Ninh, (2002), *Nhân vật trí thức trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng*, *Sông Hương* (10), tr. 290-299
26. Đỗ Hải Ninh, *Khuyh hướng tự truyện trong tiểu thuyết Một mình một ngựa*, [www.PhongDiep.net](http://www.PhongDiep.net) ngày 28/7/2009
27. Lã Nguyên, (1999), *Khi nhà văn "đào bới bản thể ở chiều sâu tâm hồn" / Về nhà văn Ma Văn Kháng*, Tạp chí Văn học Số 9 Tr.: 63-72
28. Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, 1992, Nxb. Khoa học xã hội
29. Đặng Thị Thu Phương, (2007), *Nghệ thuật kể chuyện trong tiểu thuyết tự thuật (Khảo sát qua ba tác phẩm: Thượng đế thì cười - Nguyễn Khải,*

*Gia đình bé mọn - Dạ Ngân, “Một mình một ngựa” - Ma Văn Kháng, luận văn thạc sĩ, ĐHSP.*

30. Dương Thị Sáu (2013), *Nhân vật trong tiểu thuyết ma văn kháng thời kỳ đổi mới (khảo sát qua Đám cưới không có giấy giá thú, Ngược dòng nước lũ, Một mình một ngựa)*, ĐHSP 2
31. Đỗ Phương Thảo, (2006), *Nghệ thuật tự sự trong tiểu thuyết Ma Văn Kháng thời kỳ đầu/ Đỗ Phương Thảo*, Tạp chí Khoa học Số 2 tr.: 61-68
32. Đỗ Phương Thảo, (2006), *Cốt truyện trong tiểu thuyết thế sự, đời tư của Ma Văn Kháng*, Tạp chí Nghiên cứu văn học Số 8 tr.: 123-134
33. Đỗ Phương Thảo, *Nghệ thuật tự sự trong sáng tác của Ma Văn Kháng (Qua một số tác phẩm tiêu biểu, (2007)*, Luận án tiến sĩ, ĐHSP Hà Nội.
34. Đỗ Phương Thảo, (2005), *Quan niệm về văn chương nghệ thuật của Ma Văn Kháng*, Tạp chí Khoa học Số 5 Tr.: 59-68
35. Đào Tiên Thi (1999) *Phong cách Ma Văn Kháng trong truyện ngắn sau năm 1975*
36. Nguyễn Văn Toại, (1983), *Đọc các sáng tác miền núi của Ma Văn Kháng, nghĩ về trách nhiệm của nhà văn trước một đề tài lớn*, Tạp chí Văn học Số 5 Tr.: 129-140
37. Lê Kim Vinh, (1988), *Hỏi chuyện nhà văn Ma Văn Kháng*, Tạp chí Văn học Số 5-6 Tr.: 111
38. Web Vietinfo, Trả lời phỏng vấn đăng trên vietinfo, 04/2009